

ĐỜI MỚI

Haem

1954

WALSON
AP 95
V6 D64+
1954 noi 96/98



Haem

CHÚC TẾT BẠN ĐỜI-MỜI

Xuân về. Chúng tôi chúc bạn.

Lòng chúng tôi phần khởi. Người chúng tôi nhẹ nhàng, thò thối.

Bạn đọc chúng tôi suốt năm qua. Chúng ta thông cảm nhau nhiều. Những nỗi lo của chúng tôi, cũng như bao nhiêu hi-vọng đều có sang sót cho bạn. Bạn đã nhận lãnh. Chúng tôi càng thấy trách nhiệm nặng thêm.

Bạn ủng hộ báo Đời-Mời. Bạn lấy nó làm cơ quan của bạn, thì bạn là chúng tôi, chúng tôi là bạn. Chiên hạ đế, có máy, ai tri kỷ! Không thấy và không gần nhau mà lại hiểu nhau, lại rung động như nhau. Quý hóa thay ngời bút!

Xuân về. Chúng tôi chúc bạn. Cũng là chúc chúng tôi. Chúng ta chúc nhau một năm canh tân, tẩy uế: canh tân đời sống, tẩy uế xã-hội.

Chúng tôi chúc bạn sống lành mạnh, cả thân thể và tinh-thần. Ước rằng sẽ được bạn thúc dục chúng tôi thêm hàng hải.

Đời của chúng ta, ở trong giai đoạn lịch-sử nước nhà ngày nay, là động theo chiều xây dựng cho nhân-dân.

Chúng ta không nghĩ thành công cho cá nhân ta, mà chỉ biết thành nhân cho xã-hội. Cứ là chúng ta lấy cá nhân làm viên đá đắp nền móng xã-hội. Như vậy trong lúc chúng ta xây dựng "cái riêng ta" là chúng ta tự đặt mình trong cái chung dân tộc. --

Xuân về. Chúng tôi chúc bạn một năm:

Thầy nỡ.

Trần-văn-An

Và toàn-thể nhân-viên Đời-Mời,
đồng chúc.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

BASTOS



FLOR FINA



CLIQUE DAU

Một hiệu thuốc danh tiếng từ lâu, sáng lập năm 1838
BA ĐẶC ĐIỂM: NGON—DỊU VÀ HỢP VỆ SINH

Tuần báo Kịch bản Văn hóa Nghệ thuật

ĐỜI MỚI

Số 96 - 97 - 98

MÙA XUÂN 1954

	TRANG
— Chúc bạn Đời Mới.	Trần văn Ân 3
— Xuân bất tận	Đời Mới 4
— Lá thư văn nghệ đầu xuân.	Hoàng thu Đông 5
— Văn sĩ và chánh khách	Đặng thái Bình 6-7
— Đêm giao thừa nhớ bạn	Văn Long 8
— Ngày xuân luận thời gian	Trọng Yêm 9
— Đọc thơ xuân	Hồ xuân Lan 10
— Thanh thiếu nhi lạc lối.	Kính thành Thị 12
— Nhìn lại một năm màn ảnh Việt Nam	Lê Dân 13
— Xuân cảm tùy bút	Ba Kim 14-15
— Tâm sự người vợ nghèo thơ	Hoàng Cầm 16-17
— 1953, Thị hiếu và thời trang	Hà Việt Phương 18-19
— Thơ, nhạc trong thơ và thực tại	Tam Ich 20
— Nhạc cảnh 1953.	Dương Huy 21-22-23
— Một năm văn nghệ	Ngô đồng Thanh 24-25
— Em ơi! cứ đợi anh về thơ	Kiên Giang 26-27-28
— Quyền gia phả truyện ngắn	Bình nguyên Lộc 29
— Mùa Xuân thơ	Quan Dững 30-31
— Tết giữa rừng xanh hồi ký	Hồng Nam 32-33
— Lá thư xuân	Giang Tân 34-35
— Thăng đốt pháo tập văn	Lưu Nghi 36
— Nhân Xuân, thơ	Viên Lăng 37
— Em vẫn đợi anh về, thơ	Giang Tân 38-39
— Hội họa 1953 đã nói được những gì?	Đặng Tâm Thành 40-41
— « Công ty ăn Tết » của Việt Kiều ở Pháp, ký ức	Đào Gia 42-43
— Chúng ta mong gì ở điện ảnh?	Thanh Lương 44-45
— Tết Trung hoa	Lâm ngữ Đường 46
— Vượt đảo Liêu Châu, du ký	Hồ Dzếnh 47
— Ca nhạc đồ thành	Duy Sinh 48
— Tết với trẻ con	Hiền Sinh 49
— Thiếu trai thừa gái	Thị Hồng Phác 50-51-52
— Đồi lúa thiếu niên kịch ngắn	Hoàng Thơ 56
— Mùa xuân thăm thơ	Vinh Lộc

TIN MỚI

- Chúc ước Dương bá Dương
- Cười xuân Đặng Tâm Thành
- Thư chúc tết «Người bạn rất quen mà chưa được biết» Hà Việt Phương
- Không củ mà cười Lê Duy
- Hóm và Hỉnh đón xuân, truyện bằng tranh



- TÌNH CA nhạc và lời của Phạm Duy
- Hiệu Đệ minh họa
- Ảnh của Hà Di, Nguyễn cao Đàm, Tchen Fou li...

★ ẢNH BÌA : Đón Xuân Thanh Bình ★

KHÁNH NGỌC và THÁI THANH

HAI NGÔI SAO SÁNG CA NHẠC VIỆT NAM

In tại nhà in riêng Đời Mới 117 Trần Hưng Đạo Chợ Quán. Quản lý: TRẮC ANH

CUNG CHÚC TÂN XUÂN



HO ! HO ! HO !

Thái Bình
Bô Phế Tinh

Nhãn hiệu TÀU BUÔN

Chuyên bồi phổi, nhuận phổi
gián hỏa, trừ đàm và trị các
chứng ho bất luận mới phát
hay ho lâu

Nổi tiếng thật nhiều
Có bán khắp nơi

Nhà Thuốc
Thái-Bình-Dương
25, Rue des Artisans
CHOLON

CUNG CHÚC TÂN XUÂN



A'LO... ALLO
BÂY LÀ TIN TỨC HOÀN-CẦU
SONG HI !
SONG HI HOÀN ! !
Một tin đáng mừng cho quý Hàng
Phụ-nữ.

Kể từ nay quý Bà, quý Cô sẽ động viên lòng vì « Song Hi Hoàn » chắc chắn là phương thuốc chuyên trị về bệnh máu huyết kém suy, ăn không ngon ngủ không được, táo bón, sốt ruột, o chửa, chảy nước mắt, nhức đầu chóng mặt xây xam, bồn chột...

Kính nguyệt không đều hòa, mỗi lần hành kinh đau bụng, nhức mỏi cùng mình đau lưng. Uống « Hoàn Cầu Song Hi Hoàn » máu huyết tốt tươi, da thịt nở nang, mịn màng, trẻ đẹp lại và tất cả bệnh do máu huyết sinh ra đều hết. Thật là một phương thuốc quý giá, họ các hàng Phụ nữ.

TỔNG PHÁT HÀNH :
HOÀN-CẦU DƯỢC PHÒNG
99, Quai de Belgique Saigon—Và có bán khắp nơi



CHEMISE
MAY SẴN

Quý Ngài muốn lựa một cái chemise may sẵn cho thật vừa lòng xin mời lại nhà may :

CHÍ THÀNH

117 Frère Louis Saigon
Bảo đảm không rút. Col Indéformable
Có nhiều hàng đẹp, nút Manchette
và Cravate tuyệt



Muốn trong gia đình đầm ấm

Người mẹ hãy tìm ở đây được các thứ thuốc dưới đây :

BẢO TẾ TIỂU NHI THỦY TÁ TÁN

Chuyên trị trẻ em là phần nước

BẢO TẾ CĂN CƠ TÁN

Trẻ em nhỏ nóng mình ọc sữa giật mình

BẢO NHI XOÀI TINH

Dùng chất sanh tố loại cải bắp g bó nhu đồng

Nhà thuốc BẢO TẾ

113 đường Canton CHOLON

danh tiếng lâu năm, khắp nơi tiệm thuốc đều có bán



ÂU CHÂU :

ĐÔNG ĐỨC, biểu tình khởi nghĩa chống lại nhà cầm quyền Cộng sản. Lao động thị oai bị đàn áp nặng nề. Một số đông bị đày.

QUỐC GIA ĐÔNG ÂU, sự bất mãn của nhân dân càng rõ rệt. Phải Bécia bị thanh trừng.

MOSCOW, Staline tạ thế. Có dự luận cho rằng vị chúa tể khối Liên Xô bị đầu độc.

Malenkov chấp chánh, mở trận thế hòa bình. Trừ Bécia và nội bộ. Chấp thuận mở hội nghị từ cường, và thảo luận đề nghị Eisenhower và thỏa hiệp nguyên tử (pool atomique). Chánh phủ Malenkov làm cho thế cuộc bớt căng thẳng, giặc người lạnh dần.

BERLIN, tình hình êm dịu giữa Đông và Tây Đức sau những cuộc biểu tình khởi nghĩa của lao động Đông Đức Anh, Pháp, Mỹ, Nga đang mở hội nghị từ cường tại đây để dàn xếp các vấn đề lòng thông.

TÂY ĐỨC, Adenauer toàn thắng, trở nên vị lãnh tụ có nhiều uy tín của Tây Đức. Lo gây dựng quân đội, làm cho Pháp đảm lo. Được Mỹ ủng hộ, cho rằng phòng vệ Âu châu không thể không có quân đội Đức, mặc dầu phi cơ Mỹ đủ sức phá tan căn cứ địa và công trường Nga sở.

Cả về những mặt kinh tế lý tài, xã hội và chánh trị, Tây Đức tiến lên rất mau. Adenauer được coi như là vị cứu tinh của người Đức.



ELIZABETH

PHÁP QUỐC, chánh cuộc không được ổn định. Chính phủ liên minh. Vào khoảng tháng tám 53 chính phủ các ngành kéo dài trọn một năm, gây thiệt hại không lồ.

Pháp phê chuẩn hiệp ước cộng đồng phòng Âu châu. Cuộc bầu Tổng thống kéo dài 7 y, đến 13 tua: Ông René Coty đắc cử, một lão cô thanh danh, khi bước vào Đại Hội salles không nghĩ tới chức vị Tổng Thống. Khi đắc cử ông tuyên bố: người của đảng hòa Pháp, tức là của tất cả dân tộc Pháp. Lắc cử của René Coty được coi như là điểm cho nước Pháp.

Chánh phủ Laniel vẫn ngồi yên trước ngày hội từ cường, 25-1-54, tại Berlin.

TÌNH HÌNH THẾ GIỚI
BƯỚC SANG XUÂN
1954



DE GAULLE

Chánh phủ de Gasperi đổ, ông Pella thay thế. Nội chánh có phần bất ổn hơn trước. Đầu năm 1954, chánh phủ Pella thuộc đảng dân chủ công vi-o, cũng xin từ chức. Đảng Cộng không tiến.

NAM TƯ địa vị cũng cố. Nam Tư được Anh Mỹ chỉ trì. Ti-tô có sang viếng Anh quốc.

ÉT BANH, địa vị tướng Franco vững. Ét banh nhượng căn cứ địa cho Mỹ, được Mỹ viện trợ.

TRUNG ĐÔNG :

ISRAEL, vẫn còn xung đột với tập đoàn quốc gia a rập. Chủ tịch chánh phủ, ông Ben Gourion từ chức. Nội tình khó khăn về những mặt kinh tế và chánh trị. Mỹ ngưng viện trợ.

BA TƯ, bớt căng với Anh. Có thể được Anh Mỹ tiếp viện. Cựu thủ tướng Mossadegh bị toà án quân sự xử và kêu án ba năm tù ở, nhờ bức thư khen ngợi của quốc vương.

TÂY BẮC LỢI :

Nga Sở thí nghiệm bom H thành công, làm cho dự luận Mỹ sôi nổi.

PHI CHÂU :

MAROC, quốc vương Mohammed bị đày qua đảo Corse. Một vị vương thân theo Pháp lên ngôi.

TUNISIE, chưa êm hẳn.

AI CẬP, chế độ Nasser vững. Ai Cập trở nên nước Cộng hòa. Vấn đề kinh Suez chưa giải quyết với Anh quốc.

KENYA, đảng Mau Mau bạo động, rồi cũng êm dần.

NAM EHI, chưa cải thiện chánh sách cách di chủng tộc.

SOUDAN, phe thân Ai cập, chống Anh quốc, thắng lợi.

ĐÔNG Á :

PAKISTAN, ký hiệp ước thương mại, và quân sự viện trợ với Mỹ, làm cho Ấn Độ phẫn uất.

ẤN ĐỘ, chánh sách ngoại giao độc lập của Nehru được duy trì. Đảng cộng trong nước bị chánh phủ đàn áp. Ngoài nước, Nehru tỏ thiện cảm với khối Nga sở, và ra lời chống Mỹ.

MIỀN ĐIỆN, quân quốc dân đảng Trung Hoa triệt thoái một phần. Nội tình không ổn định mấy sắp ký hiệp ước thân hữu với Anh quốc.

THÁI LAN, thống chế Phibul Songram tiếp

tục chấp chánh. Quân đội Việt Minh tiến đến biên giới. Phibul nắm giữ đặc quyền, dự bị chống trả: đề cao sự cảnh giới quân sự.

MÃ LAI, phần trị an được cải thiện. Giá cao su và thiếc bị sụt; sinh hoạt khó khăn.

ĐÔNG AN, các đảng tả khuynh lần lượt trôi dạt. Học đòi chánh sách Ấn Độ, mà không bỏ Mỹ.

ĐÀI LOAN, Thống chế TƯỜNG GIỚI THẠCH tìm người đủ uy quyền chấp chánh. Công cuộc tổ chức

đảo, và huấn luyện bộ đội tiến bộ nhiều. LÝ THỪA VÂN, tổng thống Nam Hàn sang viếng họ Tưởng.

Mỹ tiếp tục tăng viện.

PHI LUẬT TÀN, MAGSAYSAY lãnh tụ chống cộng có nhiều uy tín, đắc cử Tổng thống.

MAGSAYSAY có nhiều hy vọng cầm đầu khối Thái bình dương chống Nga cộng.

NIH T BÓN, tổ chức lại quân đội. Tiến bộ về mặt quân sự, kinh tế và kỹ nghệ. Đảng cộng mạnh dần.

TRIỀU TIÊN, thành lập hiệp định đình chiến; mở hội nghị chánh trị, chưa đi đến đâu.

Mỹ triệt thoái hai sư đoàn.

BẮC HÀN, ký hiệp định Viện trợ kinh tế với Trung Cộng.

NAM HÀN, ký hiệp định viện trợ quân sự và kinh tế với Mỹ.

BẮC KINH, Chánh phủ Mao Trạch Đông thiết thi kế hoạch ngũ niên.

ĐÔNG DƯƠNG, chiến tranh còn ác liệt.

ÚC CHÂU :

Anh quốc thí nghiệm bom nguyên tử (gây ra nhiều trận bão lụt khắp nơi).

MỸ CHÂU :

CANADA, gia cường chánh cương hiệp tác với Mỹ hiệp chúng quốc (Hoa kỳ).

NEW YORK, Liên Hiệp Quốc đại hội lần thứ tám.

WASHINGTON, chánh sách của tân Tổng thống Eisenhower một ngày một thêm rõ rệt và cứng rắn; đương đầu Nga Cộng về mọi phương diện; tiếp tục viện trợ các nước Đông Á, và những nước chống lại Nga sở. Dự bị đạo luật lặt quyền công dân người Mỹ nào mưu đồ khuynh đảo chánh phủ.

Chánh sách Mac Carthy chống Cộng thanh hành, làm sôi nổi dự luận quốc gia và thế giới, và bị coi như là một chánh sách phản động.

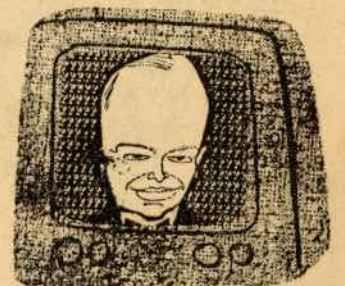
Vô khí tởn tàn được gia tăng chế tạo.

Thí nghiệm thử vô khí nguyên tử mới.

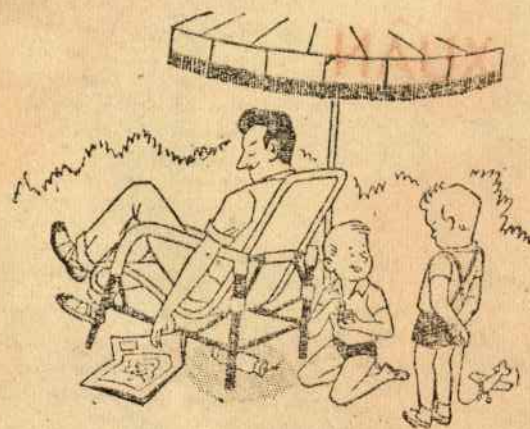
BERMUDES, Hội nghị tam cường tại đảo Bermudes: Anh Mỹ cương quyết chống Nga.

Pháp có phần cô thế.

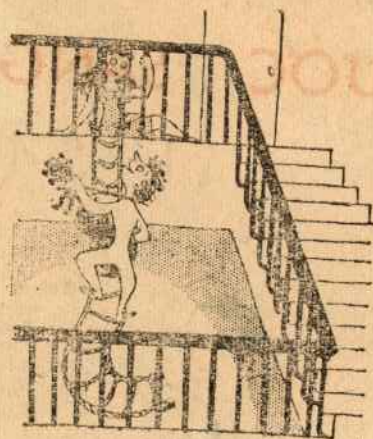
NAM VÀ BẮC MỸ, không gắng nhau.



NỤ CƯỜI NƯỚC NGOÀI



— Mày hiểu thế nào là thứ ghế có gắn lò xo chứ?



— Thờ ờ mệt quá!



— Em yêu dấu của anh! Em còn cảm thấy lạnh ở bàn chân không?



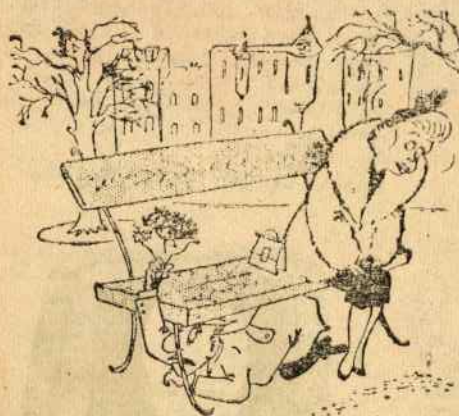
— Khá lắm! Chịu đựng được như thế chứng tỏ rằng bà còn khỏe lắm.



— Một thứ ghế đặc biệt đấy!



— Chỉ đứng có một chân mà cũng nặng thế ư?



— Một lối dăng bông.



— Ôi chào! Lần này ta lại quên mang dạn theo rồi!



— Con số kinh khủng!

XUÂN BẮT TẬN

Mỗi năm Xuân lại về. Mỗi lần Xuân về, có cây tươi. Ta người cầm viết, thế nào cũng viết bài mừng Xuân.

Đời người được mấy cái Xuân? Hỡi ai vui Xuân, có vui được bao lần?

Trước cảnh trời Xuân ta đứng bước lại. Vãn cảnh vãn ta. Cảnh cười, ta cười. Cùng nhau ta cả cười. Cười cái cười của trời đất, coi vạn sự như hư vô, nhìn đời như nước dờ.

Vui Xuân ta cứ vui. Ta không màng quá khứ, cũng không sợ tương lai. Nay có ta, mai còn ta. Ta là ai? Ta là cái có của cái không có. Không có mà có; có và còn; còn lại mãi mãi.

Thân ta ở trong thời gian biến chuyển; đời ta ở trong vũ trụ vô biên. Sợ gì mà ta không hăng hái lên? Bút này triển triển viết; trí này miên miên nghĩ; thân này liên liên động.

Xuân về rồi Xuân đi. Sang năm Xuân trở lại. Mỗi lần Xuân đến là thời gian đổi, mà không đổi lớp Xuân. Thì ta cũng không mất lòng Xuân, dù là lòng ta đã thêm mấy lần cảm, mấy phen động, và trí ta đã trải qua bao nhiêu thử thách, thân ta mấy lượt tôi mãi (trui xát).

Bạn ta có người đi hoặc không còn là bạn ta. Lại có người mới làm bạn với ta. Nhà ta, con đưa lớn khôn rồi, đưa nhỏ lớn lên. Vợ ta hoặc còn là vợ ta, hoặc đã thành vợ người. Cha mẹ ta vẫn luôn luôn là cha mẹ ta. Thân người dù không còn, mà huyết thống vẫn chảy trong người ta.

Há ta không biết cái luật diễn biến của vạn vật và cái lệ lưu truyền của tư tưởng? Ta biết cầm viết là ta biết tư tưởng; có tư tưởng là ta có lý tưởng. Kẻ có lý tưởng như thời tiết trong năm: Có xuân, hạ, thu, đông. Hết xuân rồi ta sẽ sang hạ, qua thu, đến đông, để trở lại xuân.

Xuân của ta ngày mai, ngày kia, là thứ hoa nở trong lòng người, là thứ trái chín trong trí người. Ngày nay, với cái Xuân này, ta là động vật bé tí hon biết thông cảm với trời đất, biết tiến theo cái chiều thiên nhiên, biết hóa tươi tắn như cỏ cây. Ngày mai ta sẽ là cái gì lớn hơn, lớn không thể đo lường, bởi vì cái ta đây là luồng sống điện, càng lớn và mạnh với thời gian và không gian.

Ấy là ta giác ngộ sức tồn tại của ta.
Thì ta là Xuân bất tận.

Trần Văn Sửu



LÁ THƯ VĂN NGHỆ ĐẦU XUÂN

Bạn

NHÌN lại một năm hoạt động trên lĩnh vực văn nghệ của *Đời Mới* với sự góp sức của hàng chục cây viết ở trong và ngoài tòa soạn, của hàng trăm anh em thợ nhà in, quản lý, phát hành, và của hàng vạn bạn đọc khắp nơi—chúng ta cùng kiểm điểm lại những chặng đã đi, để tiến lên con đường sắp tới.

Trên lập trường tư tưởng, *Đời Mới* đã cố gắng trong đường lối văn nghệ mới, hòa nhịp với sức tiến mạnh của dân tộc, của nhân loại tiến hóa—mặc dầu bao nhiêu trở ngại của hoàn cảnh xã hội bế tắc chúng ta đang sống.

Căn cứ vào chủ trương văn nghệ đã nêu lên, *Đời Mới* đã thực hiện được một phần nào về:

THI VĂN.— Thúc đẩy một nền văn chương lành mạnh, hướng dẫn theo chiều tiến hóa của những con người mới, của dân tộc đang quật cường đấu tranh.

Đề cao thơ tự do, tiếng nói mới hòa hợp với sức sống vươn tới của nhân dân.

Khích lệ, tìm tòi những mầm xanh văn nghệ.

Chú trọng đến các tài năng trẻ, sáng tác mới.

ÂM NHẠC.— Gây nên cuộc thảo luận về nếp sống tinh thần và đường lối sáng tác của nhạc sĩ giữa một không khí nghệ thuật ngột ngạt.

✕ HOÀNG THU ĐÔNG ✕

SÂN KHẤU.— Đặt lại các vấn đề liên quan đến nội dung và hình thức của một ngành nghệ thuật đang mắc nghẽn, cùng nhấn mạnh về sự cải tổ sinh hoạt nghề nghiệp của những tay thợ sân khấu.

ĐIỆN ẢNH.— Phê bình thấu đáo, nêu lên các vấn đề căn bản để xây dựng một nền điện ảnh Việt Nam chân chính.

HỘI HỌA.— Đi sát với thực tế bằng những minh họa thích hợp với cảm quan của đa số.

PHIÊN DỊCH.— Nhấn mạnh vai trò cần thiết của dịch thuật rất quan

trọng trong công cuộc xây đắp văn nghệ dân tộc, cần tiếp xúc với những luồng gió mới bởi bờ của văn nghệ quốc tế.

✕✕

Trên con đường văn nghệ trường kỳ, những công tác của năm qua chỉ là những cái mốc nhỏ đánh dấu ý thức làm việc của chúng ta, và đòi hỏi ở chúng ta nhiều nỗ lực gấp bội trong những ngày tháng đang tới.

Con đường văn nghệ dân tộc nhằm tới cái đích xã hội, chúng ta không hề quên, nhưng thực tại đất nước đòi hỏi những sự phục vụ thích ứng với thời đại.

Văn nghệ không phải là trò phù phiếm, mua vui, chúng ta cần ý thức rõ rệt trách nhiệm của mình trước dân tộc và lịch sử.

Đối tượng hiện thời của chúng ta là cả dân tộc đang vùng lên trong đau khổ, chết chóc để giành lấy quyền sống. Hòa mình cảm thông với thực tại, chúng ta cùng vui cái vui của dân chúng, buồn cái buồn của dân chúng, tất nhiên tiếng nói của chúng

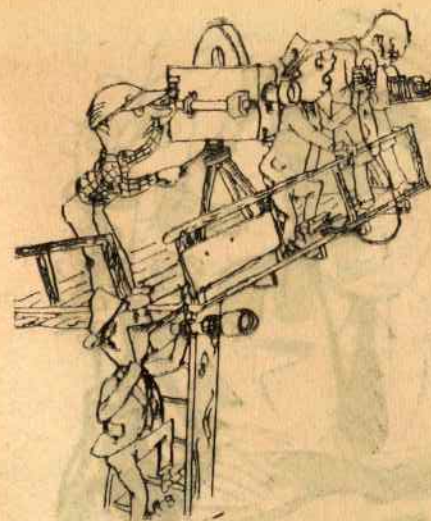
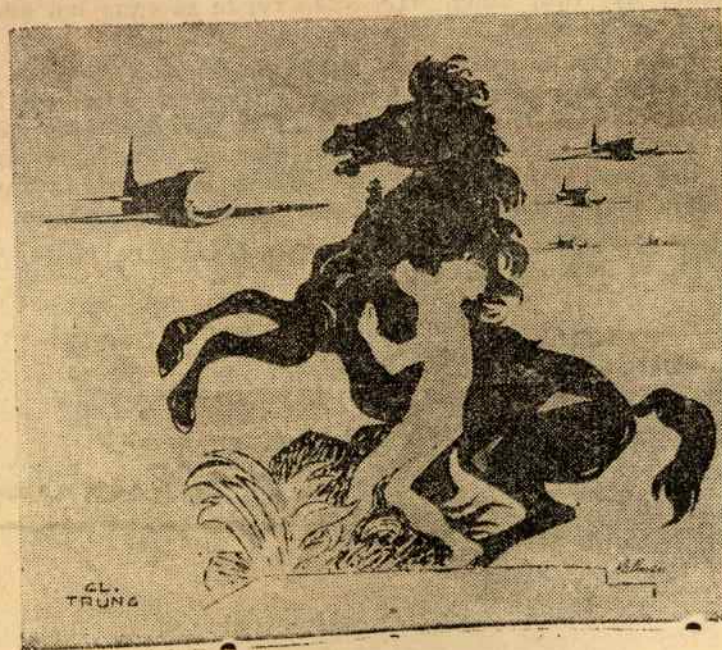
ta phải biểu hiện được sức sống của thực tại để hướng dẫn, biến cải thực tại đi lên.

Trọng tâm văn nghệ của chúng ta là dân tộc, là những con người tiến bộ nói chung. Chống lại tất cả những gì phản tiến hóa, phản dân tộc, phản dân chủ, văn nghệ chúng ta phải bênh vực cho con người.

✕✕

NHIỆM vụ của chúng ta trước năm mới là tiếp tục tiến mạnh trên con đường đã vạch ra, cho tới đích thực hiện một nền nhân văn mới. Nhân văn mới là đề cao phẩm giá

(Xem tiếp trang 5)



Từ mười lăm năm trước, Việt Nam đã có phim: *Cánh đồng ma*, *Trận phong ba*, *Một buổi chiều trên sông Cửu Long*, *Huế đẹp Huế thơ*, *Trợn với tình*, *Cánh hoa rơi*. Nhưng mấy phim ấy không gây được ảnh hưởng trong quần chúng, vì kỹ thuật thô sơ, nghệ thuật non nớt.

Năm vừa qua mới có thể xem là năm đặt viên đá đầu tiên cho nền điện ảnh Việt Nam, với những phim đã chiếu:

Một trang nhật ký (tháng 2 dương lịch), *Kiếp hoa* (tháng 10), *Bến củ* (tháng 11), *Nghệ thuật và hạnh phúc* (đầu tháng 12), *Ngày về* (cuối tháng 12).

Chúng ta thử điểm lại giá trị và ảnh hưởng của những cuốn phim ấy.

MỘT TRANG NHẬT KÝ

Đạo diễn: Phạm Văn Nhân, **Diễn viên:** Phùng Thị Nghiệp, Phạm Trung Vinh.

Sân xuất: Ly Tao.

Phim ngắn phóng sự quay tại Pháp, tả một ngày của sinh viên Việt Nam sống tại Paris. Ngủ dậy, đến trường, lo ăn, lo ở, giải trí.

Kỹ thuật thực hiện với phương tiện tài tử (phim 16).

Dàn cảnh tầm thường. Ảnh không đều, chỗ đúng, chỗ mờ, chỗ thiếu ánh sáng. Tiếng nói khó nghe, âm nhạc không đủ sức gợi.

Phạm Trung Vinh trong vai chính hơi tự nhiên. Phùng Thị Nghiệp không ăn ảnh, thiếu duyên dáng, quá giữ điệu bộ. Các vai khác đều lung tung trên màn ảnh.

Hội sống sinh viên Việt Nam tại Pháp rất đời, có thể xây dựng được nhiều đề tài giá trị. Tiếc rằng tác giả không hòa mình vào cuộc sống mãnh liệt của thời đại, nên sáng tác cuốn phim nông cạn, lặt lẻo, không rung cảm được người xem.

KIỆP HOA

Chuyện phim: Trần Lang, **Đạo diễn:** Đoàn Hải Thanh, **Chuyển văn các ngành:** Người Trung Hoa, **Diễn viên:** Kim Chung, Kim Xuân, Trần Quang Từ, Ngọc Toàn, Tuấn Sửu.

Sân xuất: Kim Chung.

Phim thuật lại cuộc đời chìm nổi truân chuyên của hai chị em khi chiến sự bùng nổ ở Việt Nam. Ưu điểm của cốt chuyện là tính cách thời sự của nó: cảnh tàn cư và hồi cư ai cũng đã trải qua ít nhiều. Cuốn phim lợi dụng được phong cảnh nước nhà: đồng quê, chùa chiền, Hồ Tây, phố phường Hà Nội.

TRANG 12

NHÌN LẠI MỘT NĂM

MÀN ẢNH VIỆT NAM

Kỹ thuật cuốn phim trung bình, nhờ có đủ dụng cụ. Nhưng người sử dụng chưa phải là thợ khéo. Nhà đạo diễn Trung Hoa không hiểu tâm hồn người Việt nên cuốn phim nhiều chỗ gượng gạo, từ bài trí hóa trang cho đến lối diễn xuất. Khán giả có cảm tưởng rằng nhân vật là người Trung Hoa nói tiếng Việt.

Phim thiếu nhịp điệu, trầm tràm. Nhiều cảnh kéo dài vô ích. Trái lại, nhiều cảnh khác hấp tấp, thiếu chuẩn bị.

✕ của LÊ DAN ✕

Ảnh chụp khá, nhưng không đều, có vài chỗ đẹp, và lại nhiều chỗ hỏng.

Tiếng nói rõ, nhưng âm thanh không đúng mực, xa như gần, đều một giọng. Âm nhạc phụ họa rườm rà và có vẻ Tàu.

Về diễn xuất, Kim Chung thủ vai chính, không được ăn ảnh, điệu bộ thiếu tự nhiên. Kim Xuân trong vai Thủy biểu lộ được nét duyên dáng của tuổi dậy thì. Trần Quang Từ—cậu An Thiên quá giữ điệu bộ và nói ngập ngừng như có nhớ đối thoại. Ngọc Toàn trong vai Nhạc, và Tuấn Sửu trong vai Tam đều gượng gạo.

Về nội dung, cuốn phim vương vãi khuyết điểm lớn: nhân vật không tượng trưng được cho thời đại. Vì vậy tâm lý sai lệch, trường hợp giả tạo, nhiều khi vô lý.

Tác giả đã vô tình hay cố ý phủ nhận sức tranh đấu anh dũng của dân tộc Việt Nam.

«Kiếp Hoa» là một cuốn phim bi quan, biều lộ tư tưởng của một hạng người đang bị thời cuộc rối ren làm cho tối mắt, hoang mang giữa neo đường, nhưng nó được ưu thế là cuốn phim dài Việt Nam đầu tiên, nên thu hút được nhiều khán giả.

Người ta đua nhau xem vì hiếu kỳ, và vì tự ái dân tộc mà khi xem rồi, phân động không già đều chỉ trích hình thức ngoại lai và nội dung lạc hậu của cuốn phim ấy. Tác giả dù có can đảm đề cập với vấn đề xã hội, nhưng đã phin đời lệch lạc với nhân sinh quan tư sản xa đời sống thật của nhân dân.

BẾN CÚ

Chuyện phim: Lê Thương, Thái thức Nha.

Đạo diễn: Phan Tội, **Nguyễn Bá Hùng.**

Quay phim: Lê Hữu Phương, Võ Văn Nghiêm.

Âm nhạc: Bửu Lộc, Trần Văn Lý, P. Lê Văn An.

Diễn viên: Bích Nga, Liên Hương, Hoàng Vĩnh Lộc.

Sân xuất: Alpha phim.

Cốt chuyện:

«Một bác sĩ vào chơi tiệm nhảy gặp em gái người bạn cũ đang làm ca nhĩ ở đó, đem về nuôi để cứu vớt, nhưng lại đắm ra yêu nàng. Thấy vợ bác sĩ khó, có gái trở lại nhà khiếu vũ. Bác sĩ cũng trở về gia đình».

Kỹ thuật và nghệ thuật của cuốn phim còn non dại. Phim thiếu cả mạch lạc, chấp nối những cảnh rời rạc như phim quay chơi gia đình. Các đoạn đều dài dằng dặc, trầm tràm, muốn đưa

câu chuyện tới đâu thì đưa. Ảnh thường đứng màu, nhưng cũng không khỏi làm chổ sai. Phim màu mà không lợi dụng được cảnh thiên nhiên, chỉ vì cốt chuyện.

Phim dùng lối giảng vắn kể chuyện như phim thời sự, cho nên cốt chuyện đã trầm lại càng chìm thêm. Đã vậy, tiếng nói không ăn với môi diễn viên. Nhiều đoạn lại cảm hẳn, trong lúc miệng vẫn cử động. Hai ba giây nhạc phụ họa trong phim, mà không nghe được gì.

Diễn viên đóng tâm thường. Bích Nga hợp với vai tuồng bà bác sĩ dài cạo, diễn tự nhiên, nhưng không cảm xúc được khán giả. Liên Hương không ăn ảnh, điệu bộ gượng gượng. Hoàng Vĩnh Lộc tự nhiên, nhưng không được linh động.

Nội dung cuốn phim không có gì sâu sắc, đặt một vấn đề rất tầm thường mà không giải quyết nổi: bác sĩ Thọ muốn cứu vớt cô gái lạc loài, nhưng kết cuộc rồi cũng đầy năng trở lại con đường truỵ lạc.

Trong trọn cuốn phim, chỉ thấy những khoảnh khắc cá nhân, nhưng thêm muôn thấp kém trong khung cảnh truỵ lạc xa hoa. Tất cả nhân vật trong phim đều thụ động, mặc tình cho cuộc đời xô đẩy.

«Bến củ» đã thất bại về kết quả vật chất lẫn tinh thần. Kỹ thuật non dại, nội dung lối thời của cuốn phim làm cho đồng bào dù có ý nâng đỡ màn ảnh Việt Nam trong bước đầu cũng phải kết án sản phẩm bất hảo ấy.

NGHỆ THUẬT VÀ HẠNH PHÚC

Chuyện phim: Ái Liên

Đạo diễn và chuyển văn các ngành: Người Trung Hoa

Diễn viên: Ái Liên, Lê Thanh, Ái Loan, Ngọc Dư, Anh Đệ.

Âm nhạc: Canh Thân.

Sân xuất: Việt phim.

Chuyện phim:

«Thần, chủ một gánh hát, đã có vợ nhưng say mê cô đào Hoa, muốn nhà riêng cho chị em cô ở, viện cớ tập tuồng để tự do qua lại. Nhưng Thần bị bạn ganh tị tố cáo việc thâm lén kia với vợ. Vợ Thần ghen. Hoa bỏ nhà ra đi trong lúc gánh hát sắp diễn một đêm làm nghĩa. Cả đoàn chia nhau đi tìm. Chị em Hoa vô. Mọi người đều vui về trong đêm ca nhạc ở nhà hát lớn».

Cuốn phim xa mức trung bình, thiếu nhịp điệu, xếp cảnh cầu thủ, chấp nối những cảnh dài và ngắn một cách vô ý thức. Ảnh ngoài trời bị ụp dư ánh sáng thành một màu trắng đục. Ảnh trong phòng thường phẳng lì và in nhiều bóng diễn viên lên tường. Phim mệnh danh là ca nhạc, mà phần âm thanh cũng hỏng nốt. Tiếng nói rè, lời ca không nghe rõ. Nhiều chỗ

(Xem tiếp trang 32)

— 55 —

ĐỜI MỚI

ĐÊM GIAO THỪA NHỚ BẠN

VÀ NGHĨ ĐÓ ĐÂY



« Thư này gửi bạn Văn Quân,
Đọc qua có khổ cũng đừng buồn em ! »

MỚI năm nào đây. Văn Lang tôi, cũng lúc giao thừa này, được đọc một bức thư rất cảm động của một bạn cố

tri từ phương xa gửi đến.

Năm này tiếp năm trước, năm năm tháng tháng bắt tay nhau mà tiếp diễn. Bạn tôi ở đâu rồi ! Tôi còn lại đây. Nói rằng nhớ bạn mà viết ra bài này cũng đúng phần nào, mà nên hơn là nói rằng tôi nhớ, nhớ cái nhớ bao la, cái nhớ bút rứt, cái nhớ chuyển động.

Cũng như người bạn kia, tôi xin thừa với bạn, với tất cả ai là bạn của tôi, hoặc hữu danh hoặc vô danh, hoặc tôi được biết mặt hoặc tôi chưa biết mặt, hoặc nam hoặc nữ :

« Thư này tặng bạn bốn phương,
Đọc qua xin nhớ độ lượng (1) Văn Lang. »

Giờ này giờ đầu năm. Trước cái năm đang bắt đầu sống lại những giờ đã qua, tôi xin cùng bạn sống lại những ngày đã qua. Cái đã qua của tôi à ? Nó đầy đầy biến động trong sự thương tưởng và đau xót. Ấy chẳng qua là tại con đường tôi đi. Bảo rằng số kiếp, biết có phải số kiếp chăng, hay là do chỉ hướng của ta mà ra.

Đã có ta trên trần gian, ắt ta có làm việc chi. Việc của ta dù nhỏ hay lớn, trọng hay khinh, chưa ắt là việc riêng của ta, bởi vì cái « ta » ở trong xã hội là xã hội đấy.

Đêm nay cầm bút nhớ ai ?

Nhớ ai rồi lại nhớ hoài nước non !

(1) Xin hiểu là lượng giá.

Tất cả những người tôi nhớ vẫn dính dấp với nước non. Bạn của tôi, từ tôi lìa khỏi nhà trường đến nay đếm lại thừa thớt quá nhiều. Hồi lại mình mới thấy mình nặng nợ. Nợ này càng nặng hơn nữa khi mình xét ra mình là người sống sót, lại là người

VĂN LANG viết

đã tạo thêm nhiều bạn, có thể là một con số bạn một ngày một hơn thêm lên mãi. Chính đây là sợi giây thép trói buộc ta và cũng chính đây là một tướng lệ làm cho ta vinh hạnh. Ta muốn còn mãi chẳng thì ta đừng có « riêng ta », đừng danh riêng lợi riêng mà ta phải vinh chung lợi cả. Tôi muốn như thế. Ước rằng suốt đời tôi sẽ như thế.

Mới lúc nào đây, khói lửa tung bừng đô thành, chúng tôi đang làm việc. Tối đến chia tay. Sáng ngày, bạn tôi gặp lại, bảo : « Ăn mình đi cho mau, anh Hồ đã bị... rồi. »

Nguyễn quân và tôi mỗi người tản trốn một nơi. Trước đó không lâu Trần giáo Sư cùng tôi chia tay, than : « Bạn ơi ! Bao giờ mới có hòa bình cho nước non và cho chúng ta ! » Lời trời này, mỗi lúc tôi lo nghĩ hòa bình xử sở là nó vắng vắng bên tai. Trần quân quả thấy xa, thấy mà rồi không được tiếp tục chen gánh nợ nước với tôi.

Người ta bắt anh Hồ đưa đi... đi mất ! Nguyễn quân của tôi là người đảm đảm làm sao. Biết thương không biết giận. Biết lo lự không biết hưởng đời vật chất. Bạn tôi phó hội Hongkong.

Tôi ở nhà bình bút. Trở về, bạn tôi rầu rầu, suốt ngày thở ra ! Con đường tiến thủ, ôi thôi !

Bỗng đâu có dịp chánh quyền đổi thay. Người ta mời, mời tôi làm « Ông Bộ trưởng ». Tôi cười, không trả lời. Nguyễn quân suốt đêm suy nghĩ. Sáng ngày hội cùng hai anh Lâm và Nguyễn H. Ba anh quyết định.

Bạn tôi bảo tôi phải tham chánh. Anh Lâm nói : « Chỉ làm được một việc là lấy vốn lại, và phải mở lối thoát cho anh em. » Anh Nguyễn với cặp mắt đượm lệ bảo : « Không bạn thì còn ai phá nổi cái lối bế tắc hôm nay ? Nếu bạn chỉ biết có bạn, thì bao nhiêu bạn bè sẽ đi về đâu ? »

Mồng 8 tháng 10, anh viết báo là tôi trở nên Bộ trưởng. Ngày sau đã lấy cái vốn lại. Bạn tôi cả mừng.

Mồng 10 tháng 10, song thập : Nguyễn quân và tôi đi mừng lễ Quốc khánh Trung Hoa. Sáu giờ chiều hôm ấy, bạn tôi từ già tôi đi về Chợ Lớn, để rồi bạn tôi không còn gặp tôi nữa !

Ác nghiệt thật ! Té ra cái sào đâm đâm của bạn là triệu chứng vĩnh biệt nhau đấy !

Nhớ Nguyễn quân, há tôi không nhớ. Ông Hoàng từ ở bên kia ông về, cùng chúng tôi bàn quốc kế. Sáng suốt thay Hoàng tiên sanh. Tôi cho ông là nhà cách mạng thấy xa hiểu rộng nhưn trong số các nhà cách mạng tôi được quen biết.

— Thừa ngài (Hoàng tiên sanh là đảng giáo chủ) tôn giáo khác hơn chánh trị, tôi thừa qua.

Một câu ấy khiến Hoàng tiên sanh suy nghĩ hai đêm, đề rồi cùng chúng tôi (có Nguyễn quân) thảo ra một chương trình chánh trị. Đến nay, cách nhau đã 7 năm, không biết Hoàng tiên sanh ở nơi nào ? Tiếc ! Ngó như ông Hoàng có mặt, biết đầu cuộc điện đã không thay đổi lâu rồi. Lắm khi sức của một người mạnh bằng số triệu người giác ngộ.

Hoàng tiên sanh ở xa lắm rồi chăng ? Chẳng ai biết rõ. Còn Dương luật sư của tôi ? Ông này thông thái làm sao, mà lằng mằng làm sao !

Trong lúc chọn rốn đảng phái, ai nấy đều lo sợ cho nền độc lập mới được sẽ bị đe dọa nặng, bạn tôi, Dương tiên sinh ôm kè kè bên mình, trong cặp da một bồn hồ sơ. Ông vốn là trạng sư kia mà.

Rồi đột nhiên, một hôm với Ngô tức trí tiên sinh, ông Dương lập lên chánh phủ Dân quốc. Ông tin rằng có hậu thuẫn mạnh lắm. Ông đi tìm tôi ở tận xóm Lò Gốm, nhà Thầy Chín, đề mời tôi tham dự chánh quyền.

— Anh ơi, từ tôi biết anh, tôi thấy anh cầu thả lắm.

Dương luật sư không bằng bụng, quày quả trở đi. Ít lúc sau tôi được tin bạn tôi bị hạ sát. Đau thay ! Tiếc thay con người thông thái kia !

Trong lúc Nhứt quân ồn ào tiến mạnh như nước đổ, sau khi trốn khỏi Khám lớn Saigon, bạn tôi quả quyết với tôi phải lập lực lượng Đông Nam Á gồm có Ấn, Xiêm, nước ta và nhiều nước khác, mời dương đầu nổi với Nhứt. Ngày sau ta lòi Trung Hoa về với ta. Bạn tôi trông xa lắm. Tôi hết sức lo cho bạn tôi; có lần tôi thổ thề : biết nên biết, nói không nên nói. Quả vì cái biết này mà Dương tiên sinh suýt bỏ mạng ở Bangkok nơi tay Nhứt bôn.

Nhớ Dương tiên sinh, tôi không quên cái tánh cầu thả của bạn đã đành, mà làm sao tôi quên được cái ý chí cử khôi của anh là phạm lợt vào khám thì mưu trốn khám và phá khám.

Nhắc đến Anh Dương, tôi bắt nhớ xa hơn, nhớ **Đại hội học sanh tại Aix en Provence.** Lúc bấy giờ có cả Anh Nguyễn an Ninh em Liêu sanh Trần và bạn Tạo.

Em Liêu về sau lên Paris tham gia đảng đệ tam quốc tế, được cử vào ủy ban Trung ương.

Ít năm sau em bỏ thầy ở đất Pháp. Em Liêu là một nhà hùng biện trẻ tuổi hiếm có. Nếu còn sống, chưa ắt là em theo đệ tam luận vì cái tánh ngay thẳng và lòng hiếu tự do của em có thể đưa em vượt khỏi chế độ đảng. Lúc bấy giờ anh Ninh ở xa đến không dự hội với tư cách sinh viên cũng như anh Dương. Trần và tôi là tổ chức viên của Đại hội. Anh Ninh phải một trận giận lung với họ Dương, đóng vai tổng phúc trình viên, vì một lời nói của em Liêu. Tôi là người đứng ra giảng hòa, bắt buộc hai họ Nguyễn Dương hôn nhau giữa hội. Trong bốn người chúng tôi, chỉ còn lại có tôi, thì làm sao tôi khỏi nhớ những ngày hội họp ấy.

Cũng đêm giao thừa, cách đây 5 năm, không mấy ai đứng vào địa vị của tôi lúc nọ, lại dám dạo chơi đồ thành trong lúc đêm khuya. Thế mà đêm ấy, bạn Lâm và tôi nghe nghe



Ảnh TCHEN FOULI

khắp cùng Saigon Chợ Lớn. Cũng nhờ bạn tôi chuyên giữ an ninh cho tôi.

Anh Lâm của tôi thật là người dễ lại cho tôi lắm sự thương nhớ vô tận. Trong số bạn bè cũng lắm người yêu quý tôi, trọng và tin tôi. Nhưng Anh Lâm ngoài sự yêu mến tôi, lại là người đặt hết hi vọng vào tôi, sau khi Anh Nguyễn bị hại.

Năm ấy tôi ngộ trận « giống to » chánh trị. Kể quyền thế hẹn cho tôi trong 24 giờ phải lìa khỏi quê Cha đất Tổ. Bạn tôi họp nhau quyết định để tôi đi ; nhưng không đi khỏi xứ, mà phải đi vào khu đất của Lê trường soái. Tôi thì lại nghĩ khác : Tôi muốn dọn cái thế ngoại giao, Lập luận của tôi

đơn giản như thế này : Há tôi chịu vào ăn nhờ nơi Lê trường soái, ở đó cho yên thân sao ? Nếu tôi vào, tất phải đương cao ngọn cờ chiến đấu, lại phải đánh hai mặt liệu có làm nổi việc ấy chăng ? Bằng không thì phải hóa Ngô phạt Ngụy, nếu có thể hòa với Ngô. Mà hòa Ngô có nghĩa là sẽ bị Ngô tiến đoạt Kinh châu trong lúc ta đánh Ngụy. Sự có mặt của tôi bên Lê quân sẽ khiến Lê quân phải khó về hai phương diện, trong lúc ấy đường vận lương có thể bị đoạn tuyệt. Thi tôi ngồi yên được chẳng bên cạnh Lê quân ? Chừng ấy, hoặc tôi sẽ tự nạp mình, hoặc bộ hạ của Lê quân sẽ bắt tôi mà nạp cho Ngô hoặc cho Ngụy.

Bạn tôi, Lâm sinh không đồng ý. Bạn tin chắc rằng bạn sẽ có đủ phương thế mà làm cho con đường tiến thủ chung sẽ có lợi.

Cái đêm trước ngày tôi lên máy bay là đêm tôi không ngủ được một phút. Áo quần đều nhờ các bạn sắp dùm vào hoa li. Vợ thì lo bề vợ. Con thì ngày thơ. Mẹ thì đau nặng. Bạn bè

lại bất mãn. Người tôi đau nhien ruột. Cảnh thế lương thay !

Lâm quân, vào lúc 3 giờ đêm, đem xe chực chờ, bảo với một nhà họ Trần thường hôm sớm với tôi như thế này : « Xe tôi đến đây để rước anh Trần đi vào khu Lê trường Soái, chờ nào phải đưa anh sang Pháp ». Anh Lâm khóc ròng sau khi thốt lời ấy. Rồi anh dặn : « Anh hãy nói với anh Trần tôi không thấy mặt anh ấy nữa ».

Quả như lời. Tôi trôi nổi ở Paris. Bạn tôi vào khu. Ít lâu khu của Lê quân bị tấn công 2 mặt với sự hện hò của

hai đối phương. Lâm quân tử nạn. Lê quân về thành.

Tôi không còn gặp lại Anh Lâm.

Lâm quân ơi ! biết chăng là,

Ấm dương cách biệt không xa lòng này.

Không bao giờ gặp lại Anh Lâm ! Đêm nay nhớ bạn, thắc thẻo cõi lòng. Mà không uống rượu cho tan sầu, vì tôi với rượu là địch cừu. Tôi coi rượu là lợi khí phá hoại. Dù buồn, cái buồn của tôi là cái buồn chuyển động ; tôi cự tuyệt cái buồn tan rã, lụn bại, mười phần tiêu cực. Tôi không tránh được âu sầu ; mà âu sầu của tôi phải là thứ âu sầu kiểm thảo, âu sầu tích

(Xem tiếp trang 54)

NGÀY XUÂN LUẬN THỜI GIAN

Thưa các bạn,

NHƠN lúc bạn đọc tập báo Xuân Đồi Mới, một công trình sáng tác thẩm nhuần tinh thần mới, khác hơn một tập báo nào khác, khác hơn một quyển sách nào ở chỗ tập hợp nhiều ngôi bút, tôi muốn đề lại cho bạn một cái gì bắt buộc bạn suy nghĩ lâu dài.

Không phải đặt vấn đề đầu năm, cũng không phải đặt nền móng triết lý. Tôi chỉ muốn, như lúc thường Xuân, bạn nhìn ngày Xuân rồi suy luận đến thời gian.

Bạn sẽ bảo ngay với tôi rằng không ích lợi gì, nhứt là trong khi ta cần vui mà quên tất cả cái đau khổ của một năm qua. Tôi rất đồng ý với bạn là chúng ta cần vui. Nhưng chúng ta không phải là hạng người vui vô ý thức. Và muốn cho cái vui của chúng ta có ý thức, bạn hãy chịu khó suy luận với tôi, đề cùng nhau chúng ta đặt thân thể và đời sống chung ta trong thời gian, hầu theo thời gian mà linh động và biến chuyển.

Luận thời gian, quả là lớn lối. Nhưng, đã ở trong thời gian vô tận, mà không biết có thời gian và sự trôi chảy của nó, thì ta sẽ không thấy hướng đi mà xây dựng. Mặc dầu chưa phải là bậc triết gia, tôi không thể không nhìn nhận rằng sống giác ngộ là có triết lý rồi.

Không biết có lần nào bạn vấn Xuân chưa? Có chưa gần nào bạn hỏi, Xuân tới Xuân đi, rồi Xuân trở lại, như vậy tôi bao giờ mới hết?

Nếu bạn có hỏi rồi, không khỏi bạn đã cho rằng tới, đi, rồi tới, ấy chẳng qua là luật tuần hoàn; đời ta hết, tới

đời con ta, tới đời cháu ta, cứ vậy mà tiếp diễn mãi. Như vậy, bạn sẽ như nhiều nhà học giả, nhiều bậc tu hiền, cho rằng sanh ra trên thế gian này là để trả nợ, trả xong rồi

về, mà không ai dám chắc về đâu. Cho đời là nợ cũng có lý phần nào, vì từ ngàn xưa nhân loại vẫn đau khổ; sự đau khổ của con người được coi như là một định luật. Cũng vì sự đau khổ trong lúc sống mà con người đâm ra nghĩ rằng chết là tiêu điều cõi lạc. Phần đông đều tưởng như thế để tự an ủi, chớ chưa ai chứng minh được « chết là về cõi tiêu điều khoái lạc ».

Bạn thấy Xuân về bạn mừng Xuân, nhưng bạn cũng lo ít nhiều; lo cho cái số Xuân về của bạn giảm lần xuống, và khi bạn không còn thấy Xuân, là vĩnh viễn bạn không biết gì nữa.

Mỗi năm Xuân về, người ta cho nó một cái tên để định thời gian. Năm qua là Xuân 1953, hay Xuân Quý Tỵ; năm nay là Xuân 1954, tức là Xuân Giáp Ngọ.

Mà những con

số 1953, 1954, hay danh từ Quý Tỵ, Giáp Ngọ là gì? Có nghĩa gì?

Có nghĩa là từ khi chúa Cơ đốc sanh ra đến nay đã có 1953 cái xuân về, tới cái xuân này là thứ 1954; và có nghĩa là từ quý tỵ này đến quý tị sau là có 60 năm. Rồi cứ thế mà luân chuyển mãi. Mà một năm là thời gian của quả địa cầu chạy giáp mặt trời.

Tôi muốn hỏi thêm bạn điều này: bạn có tưởng tượng chăng trong cái mệnh mỏng vô tận mà ta gọi là thời gian, một tháng, một năm, có thể so với cái gì trong biển cả?

Và trong cái mệnh mỏng không bờ bến mà ta gọi là vũ trụ, con người ta có thể so với cái gì?

Bạn hãy tưởng tượng xem. Bạn sẽ đồng ý với tôi mà cho rằng chúng ta là những hạt cát trong vũ trụ, một năm chỉ là một điểm trong thời gian vô tận. Bạn thử chấm dính

nhau một số điểm vô tận, và thử nối liền một cách vô tận nhiều hạt cát, là bạn có cái dài vô tận.

Rồi từ cái vô tận, trong trí não bạn, bạn hãy thu lại thành một điểm,

một hạt cát, bạn cũng thấy có cái gì, mặc dầu là không đáng kể. Bạn nhận ra có, dù vô tận hay một điểm, đều vẫn có.

Và khi ta nhận định một cách tổng quát như thế ấy, đặt mình trong thời gian và không gian, ta có thể nói rằng loài người ở trong một cái khảm lớn, gọi là quả địa cầu. Từ cái lớn thu lại nhỏ và từ cái nhỏ biến lớn, ta có thể có những ý tưởng lạ lùng . . .

Trong cái vô tận không gian và thời gian kia chắc là bạn muốn đặt ra chỗ nào đầu chỗ nào đuôi, chỗ nào cao, chỗ nào thấp, bằng không bạn cảm thấy bạn mất nốt. Chính cái ý muốn có đầu có đuôi trong cái không đầu không đuôi là giác ngộ « có vậy ». Và chính vì lấy cái « có » rất nhỏ bé ấy mà sánh với cái « có » tràn trề vô tận mà người ta mới thấy rằng có cũng như không có; và không có lại có, vì có ta đây. Lấy cái ta có đây kéo dài vô tận thì lại mất đi cái « có nhỏ bé » mà còn lại cái có vô tận.

Khi ta thấy và cảm giác rằng có ta đây, là ta cảm giác luôn thời gian. Cái thời gian bắt đầu khi ta sanh ra tới khi không biết gì cả (chết) là đời sống của ta; ta kể là một *giai đoạn*. Nhưng bao nhiêu đời sống của bao nhiêu

(xem tiếp trang 53)



ĐỜI LÀ GIAI ĐOẠN

TRỌNG YÊM viết



ĐỌC THƠ XUÂN

BÁO Xuân đã lên khuôn rồi mà 110 Xuân vẫn gửi về tới tập, nhìn những trang giấy trắng muốt, những dòng chữ đẹp đẽ, lòng em băn khoăn cho công trình của các anh các chị, nhưng biết làm sao được, khuôn khổ của báo có hạn định báo đã lên khuôn nghĩa là việc đã qua rồi, làm thế nào để vừa lòng được cả, em phải thức khuya, viết bài « Đọc thơ Xuân của bạn » cố níu lại thời gian, cố vươn cho kịp guồng máy và sức làm việc của thợ, cố trở hết tài thuyết khách cho ông chủ phải tán thành.

Thế là, bài « Đọc thơ Xuân » được ra mắt các bạn đây. Em chọn lọc những hạt ngọc của thi ca rải rác trong các bài thơ của bạn đọc gửi đến công hiến cho đọc giả buổi đầu Xuân.

Bạn đọc thân yêu của Đồi Mới hãy đốt đình trầm lên, hãy đồng kín cửa lại cho gian phòng bớt lạnh, hãy pha ấm trà tàu cho đậm, để thưởng thức những vần thơ Xuân, chỉ trong vài phút, vài phút thôi, các bạn hãy quên thực tại một chút, nhờ tâm hồn rời khỏi bề sâu ly loạn để tưới thêm ít nhiều hương sắc, bồi bổ cho những vết thương lòng.

Xuân của anh Lương danh Hiền, Xuân nhớ lại Đống Đa, mồ chôn sống giặc Nguyễn, võ công tuyệt thế của bậc anh hùng Nguyễn Huệ.

Giặc vào sừng rít, dao kề cổ
Khấp chấn dân gian nổi bất bình

Rồi, một cuộc tiến quân:

Âm thầm quân tiến từ trong ấy
Ngoài Bắc lòng dân khắp khởi mừng
Rồi, và toàn thắng:

Giặc cuồng, giặc dựa phút tàn hơi
Hoa Đào, hoa bưởi vương màu máu
Trong ánh cờ đỏ, thấy tiếng cười.

Đấy là Xuân xa nhà của anh Trần quang Bình, một Việt kiều ở Nam vang. *Mấy Xuân đất khách, buồn không được về*
Dòng đời bụi gió lẽ thê.

Bao nhiêu mộng đẹp nào nề từ lâu.

Mấy ngàn câu, mấy hạt châu?
Dâng đời mơ ước qua cầu tương tư.

Cuồng chinh sông loạn mây mù...
Súng rền từ độ mùa thu xa vời...

Đấy là một mùa Xuân nhớ thương của bạn Hồ My.

Cả một mùa Xuân anh nhớ em
Cả một mùa Xuân con nhớ cha
Cả một mùa Xuân, con nhớ mẹ...
Cả một mùa Xuân, tôi nhớ mong...



Nghĩa là toàn nhớ thương và thương nhớ cùng nhớ thương.

Anh Viên Lăng lại không thích Xuân hiện tại mà thích Xuân thanh bình kia.

Ta mơ Xuân thanh bình

Đây cô gái xinh xinh
Không lạc loài sơn phấn

Có đoàn trai dựng nước
Nặng thương hồn dân tộc.

Và;

Muốn người xây nhựt sống
Ruộng cả ao liền

Đề rồi,

Hát rằng, Xuân đã về đây...

Xuân của Tô cáo Hoài cũng giàu nhớ thương như Xuân của Hồ My.

Đây là « Xuân thời loạn » của anh Hoàng Phố:

Cảnh tàn nát vì dầu rơi máu đổ
Tổm bom đạn thay cho trăng pháo nổ
Hồ « giết nhau » thay cho tiếng no cười
Lửa đốt thiêu tàn phá khắp mọi nơi
Xuân của anh Hữu Chí là mùa Xuân đầy về trách móc.

Phút êm đềm ngòai xưa nay đã vắng
Trơ hơi Xuân thăm lặng
Nhìn dòng đời ru ngủ khác nhạc êm
Nhìn thời gian ruồng rẫy khác thâu đêm
Sao Xuân lại thướt tha
Trong xa hoa
Cười duyên ca.

Còn đây, Xuân thăm của anh Vĩnh Lộc:
Mùa Xuân về trắng trên bông đại
Sắc đỏ thoa tươi những cánh đào
Đắm ngón tay gầy và vuốt áo
Những nàng cúc thắm từ thu nào.
Và đây là Xuân hy vọng của anh Huyền

Viêm:

Xuân hồng lan vạn nẻo
Gió lành, mây yêu yêu
Núi sông, một sớm tràn hương sắc
Tha thướt đào mai đáng điểm kiêu

Tôi gửi lòng tôi trong chời Hy vọng
Hồn để mê tràn Xuân ý, Xuân tình.
Anh Hoài Dương thì đang đợi Xuân dân tộc.

Khắc khoải mỗi tình thần
Cùng đợi một mùa Xuân Dân tộc
Và bên tai thổ thổ: Em đợi anh
Xuân của anh Hoàng khánh Thụy là Xuân bi quan

Hãy mùa Xuân lòng tôi: trời âm đạm
Vần thơ Xuân là cả một trời buồn
Nét mơ hồ: như liễu rủ tơ buồn
Triều tư tưởng bóng mây trôi đi mãi
Xuân của anh Tạ Kỳ là một mùa Xuân của buồn, Xuân của hy vọng.

Con viết bức thư này giữa lúc
Súng xa vang độ g cánh mai vàng
Nhà trọ cô đơn nghe gió giục
Bỏ câu gờn nắng mới bay qua...
Xuân của Diên Nghi êm đềm và đầy tin tưởng.

(đọc tiếp trang sau)

Độc thơ xuân — Độc thơ xuân — Độc thơ xuân

Máu rạt rào sức sống
Không ngăn núi cách miền
Đề chim về xây tổ cũ
Người lợp lại mái lều tranh
Gieo hạt vàng nhân loại
Mọc đầy đồng xanh

Xuân của anh Phong Sơn là Xuân của
những mối tình tri kỷ Xuân của những
cuộc tái ngộ:

Gặp anh một buổi chiều
Trên thuyền đồ ngang, cầu sông gầy
Đỏ thành chìm lìm
Dưới mưa bay.

Nhìn nhau mà chẳng nói
Từ thuở phân ly rồi lần lại

Niềm tin tràn ngập trên đôi mắt.
Hẹn một mùa Xuân ngập nắng đào

Đây là mùa Xuân
của anh Huy Ngọc,
Xuân của chờ
mong.

Xuân sang
Từng bừng muôn
ánh sáng
Trời trong xanh
mây trắng và thanh
bình
Gió thơm hiền
chim rít nhạc bình
minh

Cây trời nhả
trước hoa mầu
xanh mới
Nhà mùa lên phơi
phối
Từ xóm nhỏ thôn
to.
Từ sơn cùng vạn
lý

Qua muôn phương đồ thị
Ngày khai hoàn dân tộc thiết hồ vang

Chừ đây
Ben tối qua rồi
Cửa đời rộng mở
Xuân tràn trên xứ sở
Chim rít giọng mừng...
Và đây, Xuân của anh Huy Phương:
Xuân tại quê tôi

Trời thường xanh thăm
Có tờ trời bay ngập ngừng
Vương dân thiên lý từng bừng sắc hương
Đây là Xuân của Người Gio linh.
Sáng vẫn nở bên ngoài kia chiến địa
Thấy tiếp nhau ngã gục xám sa trường
Bên trong này mai nở ngát trăm hương
Tết vẫn diễn như thuở thời an thời

Ai cười vui, ai vô tư có thấy
Giờ giao thừa có những cánh không vịn
Một mẹ già đơn chiếc kẻ ngậm ngùi
Con tôi vắng từ lâu tin chẳng lại.

Xuân của anh Nguyễn Kháng, Xuân
của người nghèo

Nghè tràng pháo nổ
Mà lòng bớt khổ
Mà dạ bớt đau.
Con bớt lao nhao

Nợ chẳng vào nhà
Chiều ba mươi Tết
Ai kẻ bán cùng

Còn mùa Xuân của anh Hồ Hán Sơn
là mùa Xuân tư lự:
Xuân tươi tắn ao

Xuân thăm đôi

môi
Ấn át lơ lửng rồi
Trai sinh t h ở i
bình lữa
Xuân là trình nữ
vườn thơ

Xưa kia sông núi
hẹn hò
Còn Xuân thăm
nhị còn thơ muôn
văn

Mà nay

Lỡ dịp cầu Ngân

Thao thức ngọn
đèn mờ

Nát nhàu chồng
sách cũ

Ảnh NGUYỄN CAO ĐÀM

Tìm niên thiếu dạt dào tình viên xứ
Tóc xanh mờ, thoáng điểm sắc thời gian
Hồn trai lạc bốn phương ngàn
Đề thơ lạc vắn, đề đàn ngang cung

Đề người xuân nữ lạnh lùng
Cổ hoa sầu hận bướm ong vô tình
Thưa các anh các chị đọc giả thân yêu
của báo Đời Mới, Xuân Lan rất đỗi chính
trị nhưng Xuân Giáp Ngọ này, em linh cảm
thấy một vài tia hy vọng nhưng cũng có
thể là một mùa Xuân đầy lo ngại cho
dân tộc chúng ta.

Ưống chén trà đầu Xuân bên đình trầm
bốc hương ngào ngọt, đọc câu thơ Xuân
để tạm quên thực tại trong một vài phút,
Xuân Lan xin kính cầu chúc các anh
các chị và toàn thể dân tộc gặp nhiều
tốt đẹp hơn những mùa Xuân qua.

XUÂN LAN



« XUÂN ngoài trời.

« Mầm non nảy chồi. Lộc nở. Nụ
đâm hoa. Một quang cảnh tung bừng
màu sắc.

« Bản nhạc của muôn loài rung lên.
Đầu cành chim liu lo. Sâu trường kêu
văng.

« Xuân nhân loại. Người ta ca ngợi
Hòa bình. Cờ quạt rợp đất, đất đầy
hoa.

« Xuân dân tộc. Người ta điều đình.
Tay bắt tay, lòng thơm lòng. Lòng
người chan hòa ánh sáng. Con đường
của Ngày Mai cũng được giải hoa.

« Xuân gia đình. Hương nết chung
lưng. Người vắng cha hy vọng ngày
cha sắp trở về. Người vắng chồng
đêm nay trở bóng mình trên vách,
do con: « Chồng ngoan! Kia bố đã
về! »

« Xuân vui khắp đó đây.

« Mà vui nhất là Xuân hè phố.

Hè phố chật những người khách lạ,
trên dưới cái tuổi đôi mươi.

« Họ cầm tay nhau han hỏi:

« — Anh ở đâu tới? Chị ở đâu về?

« — Thưa, tôi ở xưởng thợ ra; trời
xuân đầm ấm quá!

« — Thưa, em ở dưới quê lên;
đường phố làng làng, bác nhỉ? Sao
bảo đó thành đây thế khi? Sao bảo kẻ
chợ nhưng nhúc yêu ma?

Khách đáp:

« — Thời đó đã qua rồi: Cao bồi
rút lui vào động Ma thiên lãnh; đa du
xuống tàu đi Tân thế giới ăn thịt rơi;
đại đội đầu cơ cất quân chinh phục
cỏ hồn nơi âm ty địa ngục.

« Mặt đất sạch làng làng. Bầu trời
sạch làng làng. Lòng người làng làng.

« Tít chân trời, đôi nhạn chấp cánh
bay. Cỏ non xanh rợn tít chân trời.

« Cao vút từng mây, từng đợt một,
từng đợt một, mây
bay các kiêu,
phản lực, trực
thăng, cánh son

đủ các sắc cờ quốc tế... chúng bay,
chúng lượn... làm cho nhạc sĩ
chợt nhớ câu ca:

« Trời xuân hãy hãy gió chiều,
Một đàn con bướm trắng rập riu trên
non... »

« Rồi là tả, từ phi cơ, biết bao nhiêu
dù được tung ra. Xanh trắng, trắng

xanh, chúng lững lờ «giăng
thế», đem kỷ niệm xuống
trần gian cho những ai thiếu
kỷ niệm, đem sách báo cho
những ai thèm sách báo, đem
chất tươi cho ai khát chất
tươi. Đủ tất cả. Sinh tố ngập
trời. Trời ngập Yêu Đương.

« Thế giới nhỏ quá. Giữa
trời Xuân, vầng Thái dương
được phóng đại và sao nó
gần thế nhỉ?

Dù vẫn là tả... Dù trắng
rời... Dù xanh rời... Bao
nhiều là kỷ niệm rời. Bao
nhiều là sách báo. Bao nhiêu
là chất tươi. Bao nhiêu là
sinh tố.

« Là bấy nhiêu yêu đương.
« Vũ trụ rên lên một nhịp
Yêu thương.

« Khách lạ trên hè phố
tấp nập kết lá, kết hoa, dựng
công chào đề ca khúc khải
hoàn.

« Tuổi trai trẻ đương say chợt
tỉnh,

Bắt tay vào chấn chỉnh cuộc đời.»

« Khách lạ, trên dưới cái
tuổi đôi mươi, đang rộng hai
tay đón gió Xuân, đón Yêu
Đương, rồi cùng nhau tấu
bản Nhạc:

« Cùng nhau chiến đấu một phen
Bảo nhau phá hết gông xiềng
mà ra

Nơi rộng rãi, bao la mát mẻ,
Thở hút bầu không khí tự do...
Lãng lãng trút ganh buồn lo,
Dang tay sủa sạch bức đồ tang
thương!»

CÓ lẽ « họ » thét lớn quá
chàng nên khách sạn tình đây,
tóc gáy còn rợn rợn, xương
sống còn đầm mồ hôi lạnh
lạnh.

Ngoài trời các vì sao còn
đủ cả.

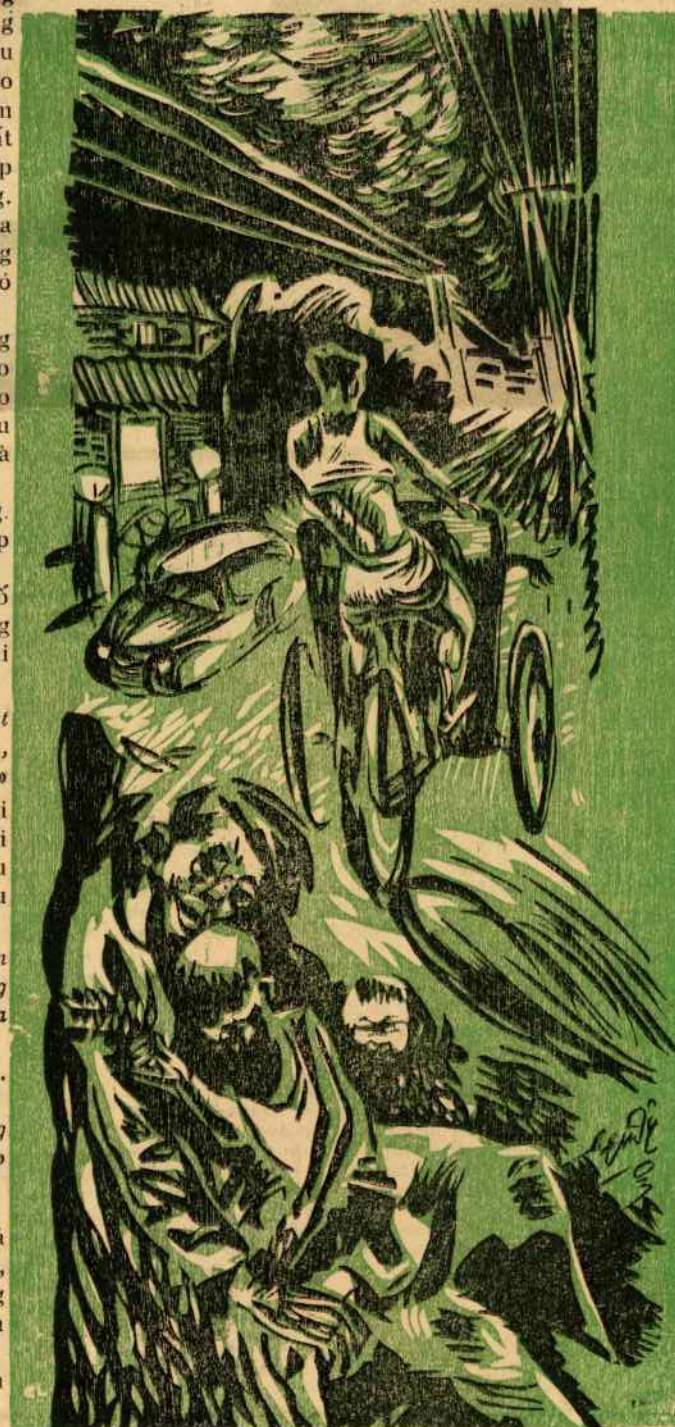
Tương lai dân tộc?

THANH... THIẾU... NHI LẠC LÔNG

● KINH THÀNH THỊ viết ●

Ngoài phố, trai thanh cao bồi, gái
lịch da du cũng còn đủ cả.

Via hè cũng còn « đủ cả » em bé
vỏ thừa nhận, tối tối nép mình trên



hiền trông thông tuồng dưới gió bắc.

Khách hỏi: « Cha em đâu? » Em
thưa rằng: « Nào em có biết! Có lẽ

là rừng núi, có lẽ

là đồi rét, có lẽ là

súng đạn, có lẽ là

nhà lao, có lẽ

là trùng lao, có lẽ là gian lao đã bắt
mất cha em rồi Người ạ. »

Khách hỏi: « Mẹ em đâu? » Em
thưa rằng: « Mẹ em ấy à? Mẹ em

theo dượng hai em rồi. Theo dượng
hai, rồi dượng hai mất việc làm, rồi

dượng hai đánh mẹ em, đánh cả anh
em, đánh cả chị em, đánh cả em và

đánh cả em em nữa. Thế rồi

mẹ em bệnh chùng em Thế

rồi dượng hai lại đánh..

đánh cả nhà... và đuổi cả

nhà ra... đường. Thế rồi một

hôm em lang thang khắp các

ngã đường, tìm đâu cũng

chẳng thấy mẹ em nữa, thành

thứ đường phố quen em, rồi

em nhận đường phố làm mẹ

em, làm nhà em đây. »

Khách lại hỏi: « Thế anh

em đâu? » em lại thưa:

« Anh trở về ở với dượng,

dượng bảo anh lớn rồi —

khách ơi! lên mười tuổi thì

đã lớn rồi, đây nhỉ? nên

dượng bảo: « Cút ra phố mà

sống! » Thế là anh lại ra

phố... sống; sống bằng bất

cứ việc gì, bằng bất cứ cái

gì... Và giờ đây chắc anh

cũng đang sống cùng một

nhà với em: thưa là đường

phố, đây ạ. Em tin thế, song

thiên hạ thì lại cứ cho là anh

em đi vào chốn xa vời... »

Khách lại hỏi: « Thế chị

em đâu? » Thì em lại thưa:

« Chị em ấy à? Chị cũng trở

về với dượng. Rồi dượng

lấy đi Hai. Rồi đi Hai đánh

chị. Chị mới bỏ nhà ra đi

hắn, giữa một đêm như đêm

nay khách ạ. Chị đi, đi mãi

không về... về hè phố với

em. Vì em lúc ấy đã lớn —

lớn bằng anh em dạo ấy —

nên em biết: em biết chị bỏ

nhà dượng nghèo đến ở một

nhà sang với một người đàn

ông cũng sang, thế rồi ít lâu

chị bỏ nhà người sang tới

ở nhà một người kém sang,

rồi cứ thế kém mãi, kém

mãi cho đến ngày thiên hạ

kể lại với em rằng: « Mày

biết đánh giầy thì anh mày

(đọc tiếp trang 53)

con người, con người thực sự, trọn vẹn, trung tâm của mọi vấn đề. Chỉ có con người, sự sống của con người là trên hết. Chúng ta sống trong một thời đại mà con người tạo ra mọi giá trị, làm chủ thế giới, cuộc sống, uôn nắn. Xã hội theo ý muốn của mình.

Chính trong lúc biến đổi mình, chúng ta biến đổi cả chung quanh. Cho nên ý thức con người văn nghệ mới cần sáng suốt hơn, sâu sắc hơn, để phát triển mọi năng lực của con người.

Đối tượng của nhân văn mới là con người đầy đủ, con người xã hội trong một thế giới mà loài người là anh em. Song trọng tâm hiện thời của chúng ta, đứng về phương diện dân tộc, là hòa bình.

Chiến tranh hạ thấp con người, phản nhân loại, phi nghệ thuật. Ca tụng phẩm giá con người, văn nghệ sĩ không thể đồng lõa với việc người bắn giết người, cũng như người bóc lột người.

TRƯỚC những ngọn gió ấm xé lạnh mùa đông, mở rộng chân trời một mùa xuân mới, lòng người văn nghệ tung bừng lên, chờ đón tin vui. Trong đau thương của đất nước, như người mẹ bụng mang dạ chửa xé lòng sinh con, chúng ta xót xa sống giữa chiến tranh — khao khát hòa bình.

Văn nghệ sĩ vốn là chiến sĩ hòa bình — hòa bình là tình yêu, là sự sống — nguồn rung cảm dâng lên như sữa căng vú mẹ, nhựa tràn cây xuân.

Đón mùa xuân tới, sức sống trong người chúng ta như cánh bướm lộng gió tiến thẳng tới bến Hòa Bình. Xé tan hết lớp tang chế chiến tranh đang vây phủ cả dân tộc, văn nghệ phải là một lợi khí có tác động mạnh thúc đẩy thực hiện hòa bình, mà chúng ta là những tên lính tiên phong.

Ca ngợi sự sống, chúng ta kêu gọi hòa bình.

Ca ngợi tình yêu, chúng ta phủ nhận chiến tranh.

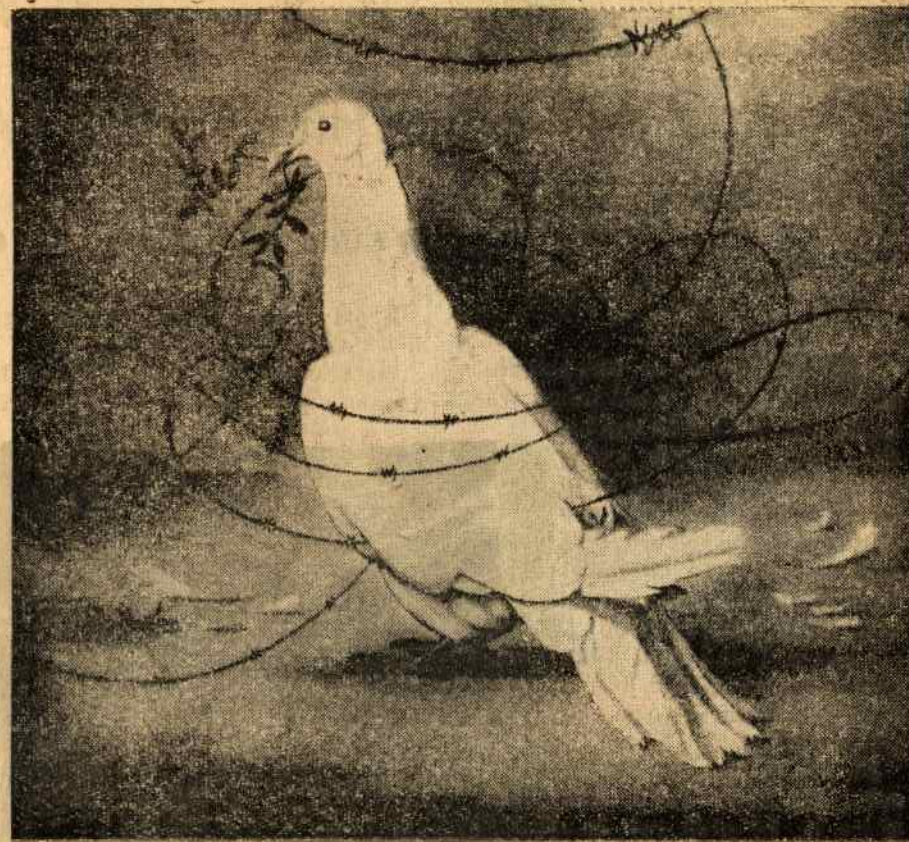
Vươn tới một mùa xuân mới của Dân Tộc, một mùa xuân thanh bình của Nhân loại, tinh thần văn nghệ mới của chúng ta phải là Sức Sống của Con Người Mới.

Dân tộc đã quật cường trong lửa đạn, văn nghệ chúng ta phải trôi dạt xây dựng hòa bình.

Nhịp theo khúc đại hợp tấu của triều xuân mới, của con người bốn biển là anh em, nhiệm vụ của chúng ta năm mới là : Tiến tới Hòa bình !

HOÀNG THU ĐỒNG

XUÂN 1954



VĂN SĨ VÀ CHÁNH KHÁCH

Giữa thế kỷ trước, thi hào Victor Hugo vi chống với Hoàng đế Nà-phá-Luân để làm nên thân thế bị đày ra hoang đảo, còn tác phẩm của ông thì bị cấm đoán. Cho nên thi nhân đã có nhắc đến Tân Thủy-Hoàng mà ám chỉ ở Hoàng đế tiếm vị Nà-phá-Luân, bằng một câu thơ bất hủ :

« Mi đốt sách vì mi mù chữ » (1)

GIỮA thế kỷ này có một nhà văn mới chính khách đang hăm dọa bỏ tù mình thì đã bình thân giải thích cho nhà cầm quyền no hiểu rằng :

— Ngai có thể bỏ tù tôi quá lắm cũng chỉ chừng thân tôi, là năm bảy chục năm nữa thôi, chờ chúng tôi là hạng người viết sử, chúng tôi có thể... bỏ tù ngai vĩnh viễn, bỏ tù ngai đời đời, bỏ tù ngai ở trong lịch sử.

Nghe xong, chính khách nọ nôi dọa, đập bàn thét :

— Thế thì ta sẽ giết chết mi !

Văn nhân nghiêm sắc mặt :

— Ngai chỉ giết được tôi thôi, chờ ngai giết chết thế nào tôi, vì chúng tôi là hạng người không bao giờ chết. Vì, xin ngai nhớ cho rằng những lời ngai nói ra cũng do chúng tôi truyền miệng được văn hóa thế, những điều luật lệ, chỉ thị, mệnh lệnh v.v. ngai thường dùng hàng ngày để ban phúc giáng họa đó cũng do chúng tôi đạo tạo ra, đến những lịnh ảnh, màu sắc, hương vị hợp thành mọi rung cảm, mọi ý nghĩ, mọi hành động ngai thường làm xưa nay cũng do bọn chúng tôi cho ngai vay mượn để chỉ dùng đây mà... Vậy thì ngai và mọi

người còn sống thì chúng tôi chết thế nào được ? Mà giả dụ các ngai có thù tiêu cả loài người đi rồi các ngai tự hủy các ngai đi nữa thì chúng tôi cũng vẫn chưa chết, vì khi nào muôn vật vẫn còn có cái « tên gọi mình » để biệt mình với sự vật khác » thì muôn vật vẫn còn nhớ đến chúng tôi, nhắc đến chúng tôi cơ mà.

« Thôi ngai mệt rồi, ngai đi ngủ đi thôi. Và xin ngai nhớ cho rằng : cả đến diêm mộng mị của các ngai cũng do bọn chúng tôi đặt tên cho, nên chúng mới thành hình mà lọt vào trong giấc mơ của các ngai.

« Thôi, ngai đi ngủ đi... »

Chẳng rõ là câu chuyện giữa Văn sĩ và chính khách rồi sao nữa, vì...không thấy sử nào chép hết.

Họn tới đây, chắc có nhiều người thủ thỉ :

— Thôi, hãy đợi xem rồi đây văn nhân nghệ sĩ người ta sẽ kể nốt câu chuyện này ra sao...

ĐẶNG THÁI BÌNH

(1) Nguyên văn chữ Pháp : « Tu as brûlé la bibliothèque puisque tu ne sais pas lire ».



TRANG 5



BÀN viết của tôi đặt bên cạnh cửa sổ, hàng ngày tôi ngồi tại đó nhìn thời gian lặng lẽ trôi qua. Nó trôi... trôi mãi... rồi cứ mỗi độ tàn niên là bề lòng của tôi nổi lên những cơn giông tố !

Ngày lại ngày... Tháng lại tháng... Rồi năm lại năm...

...thời gian vẫn tuần tự trôi qua mãi, con người cũng theo cái đà đó mà già dần đi, và dần dần tiến đến bên mồ. Đó là sự thật, nhưng cái sự thật tàn khốc ấy không đủ làm cho tôi cảm động : tôi chỉ hối hận vì đã lãng phí những thì giờ quý báu trong một năm. Song tôi chỉ hối hận mà chẳng bao giờ thương tâm. Hối hận và thương tâm là hai chuyện khác nhau bạn ạ.

Cuộc đời quá khứ như những dãy núi giăng chằng chịt sau lưng tôi, nếu tôi quay đầu trở lại, vượt qua những ngọn núi đó, thì tôi sẽ thấy lại quãng đời thơ ấu của tôi. Sự thật thì thỉnh thoảng tôi cũng thường vượt núi đồi mà trở lại quãng đời xưa, và trong những cuộc du hành ấy, tôi thường bồi hồi dừng chân lại dưới một chân núi trong những dãy núi đó.

...Có một năm kia, sáng mùng hai Tết, mẹ tôi đến những nhà bà con trong họ để chúc Tết, còn tôi thì mặc một bộ đồ kèn cằng bằng gấm hoa, vàng lót bông, và mang một đôi giày bằng gấm thêu màu, sẽ lên đi ra vườn để đốt pháo chuột. Không biết loay hoay thế nào mà đề cho « chuột » chui vào giày của tôi. Khi ấy tôi cuống cuống không biết cời phăng chiếc giày ra, mà chỉ khóc thét lên và kêu vú già ẵm tôi, đến khi vú già chạy đến nơi, thì hỏi ối ! bàn chân mặt của tôi đã bị phỏng lớn rồi.

Nhưng đó chỉ là một câu chuyện còn con trong quãng đời đầy đặn hạnh phúc của tôi mà thôi. Khi vết thương vừa lành, thì tôi cũng vừa quên ngay câu chuyện trẻ con ấy.

Và từ đấy, suốt ngày tôi bị « giam lỏng » trong thơ phòng đề a những bài vở cổ điển mà tôi không hiểu một mảy may nào về ý nghĩa của nó, hề bắt được một dịp may là tôi lập tức « vượt ngục » ra chơi cho hả. Rồi đến ngày tàn niên, nghe nói sắp được nghỉ Tết thì mừng rú lên, sự vui mừng ấy thật không bút mực nào tả nổi. Trẻ con thì bao giờ cũng ham Tết, bởi vì ngày Tết vừa vui vầy đông đảo, vừa có thể tha hồ mà không sợ bị rầy la.

Trong mấy ngày ấy, tôi thường mơ những giấc mộng vàng. Khi ấy, tôi nào đâu có học tới chữ « ngã », tôi nào có ngờ đâu trên thế gian này còn có những điều « trái tai gai mắt » như tôi đã nghe thấy hiện nay. Khi ấy, tôi thường ao ước cho tôi chóng khôn chóng lớn, nhưng đến khi khôn lớn rồi thì những ảo mộng êm ả trong tuổi thiếu thời cũng theo giòng của thời gian mà trôi đi như những bọt bèo phù phiếm !

Có một số người vì tiếc rẻ những chuỗi ngày thơ ấu, mà than thở :

— Những ngày vàng ngọc trong buổi thiếu thời ời !

Nếu quả thật buổi thiếu thời là những ngày vàng ngọc như những người ấy tưởng thì thật là không nên kêu gọi những đồng tro tàn đã chết trong quá khứ.

Nhưng tôi không bằng lòng thời gian chạy ngược

XUÂN CẢM

trở lại thuở thiếu thời, mặc dầu cuộc đời thơ ấu ấy luôn luôn tươi như hoa đẹp, như mộng. Lũ trẻ con có bao giờ nhìn thấy rõ cái thế giới mà chúng nó đang sống ở trong ấy đâu ? Nhưng cái thế giới đó bao giờ cũng tồn tại và bao giờ cũng luôn luôn chi phối chúng nó, đó là một chân lý bất di bất dịch.

Làm một người mù sung sướng ?

Hay là làm một người vì có cặp mắt phải nhìn thấy những chỗ ngang trái của cuộc đời mà phải chịu đau khổ ?

Lẽ tự nhiên tôi sẽ chọn lấy hạng người sau. Và không những tôi sẽ dương to cặp mắt lên mà nhìn vào những chỗ đen tối của cuộc đời, mà lại còn vùng tay lên làm lấy một vài công việc gì có ý nghĩa nữa đấy !

Nghe đến đây, tôi lại nhớ đến nhà thi sĩ đã viết ra câu : « *Thức tỉnh dậy ! Hỡi những người trong thâm tâm còn nuôi một nguyện vọng : Có một buổi bình minh đang chờ đợi ở tương lai* ».

Nghe người ta nói lại thì có một thời kỳ tác phẩm của thi sĩ này được

thanh niên trong nước hoan nghênh nhiệt liệt. Vì thi sĩ đã bộc lộ được cái nguyện vọng của thanh niên hồi ấy trong những vần thơ, và ông đã kêu gào người ta hãy thương xót những đồng bào đang bị ngược đãi và bị sỉ nhục, cũng như ông đã ca tụng sự đấu tranh vì LÝ TƯỞNG, vì TỰ DO, vì BÌNH ĐẲNG và vì BÁC ÁI.

TẾT Năm nay, co tay tính lại thì tôi sống nhiều hơn thi sĩ những mấy tuổi rồi. Và hiện nay, nguyện vọng của thanh niên trong lúc này cũng là : Thương yêu những đồng bào đang bị ngược đãi và đang chịu sự áp bức. Đồng thời họ cũng ước ao được tranh đấu cho TỰ DO, BÌNH ĐẲNG và BÁC ÁI. Nhưng tôi đã làm được gì để thỏa mãn nguyện vọng của những thanh niên đang sức sôi máu nóng trong thời đại ? Nghĩa là tôi đã làm được những cái mà thi sĩ đã làm hay chưa ?

Mặc dù tôi đã có viết một vài quyền hình như tiểu thuyết (tôi nói hình như tiểu thuyết, bởi vì những nhà tiểu thuyết gia chính thống đứng trên quan điểm nghệ thuật mà xem xét những cái tôi đã viết ra, thì có lẽ họ sẽ bảo đó không phải là tiểu thuyết) nhưng những cái đó chỉ là những tiếng kêu gào nhỏ nhoi mà thôi.

Thế nên ngày hôm nay đây, tôi ngao ngán mà nhìn những ngày sắp tàn của năm, đồng thời cảm thấy cõi lòng dâng lên một nguồn hối hận vô biên, hối hận vì đã lãng phí biết bao thì giờ quý báu trong một năm dài đang dang.

Trong khi còn bé, hề mỗi lần Tết nguyên đán là cha tôi bắt buộc phải viết vài dòng chữ ngay ngắn trên tấm giấy hồng đơn để làm lễ « Đầu năm khai bút ». Nhưng ngày nay thì cha tôi đã vĩnh biệt tôi mà yên nghỉ dưới đáy mồ những mươi mấy năm rồi. Và mươi mấy năm nay, mỗi độ Xuân về không còn ai ép tôi phải viết những dòng chữ như thế nữa ! Kêu gọi lại kỷ niệm êm đềm này, tôi không khỏi bồi ngùi nghĩ đến người đã khuất.

Nhưng tôi chỉ « bồi ngùi » mà thôi chứ chẳng có « đau lòng » bao giờ cả. Có lẽ quá tim của tôi đã bị lò lửa của cuộc đời trui rèn thành sắt đá đi rồi !

NGUYỄN KHÁNG dịch

XUÂN 1954

TRANG 13



Đêm nay hết một năm,
Phải gác tới giao thừa.
Quê hương chừng rét lắm,
Lất phất mây hàng mưa.
Tôi có người vợ nghèo,
Đời vất vả gieo neo ;



Lần hồi rau cháo dăm phiên chợ,
Ngực lép thân gầy, quán vắng teo.



Đêm ba mươi gió thổi...
Tôi sức nhớ con tôi ;

Khóc thét lặng từng hồi.
Mẹ thì nước mắt nhiều hơn sữa,
Ngực lép, con nhay đã rã rời.
Một ngày bốn năm bữa,
Con khóc chừng đứt hơi,
Sức tìm vú mẹ không còn sữa.
Há miệng uống no giòng lệ rơi.
Đêm nay xuân sắp tới,
Quê nhà ai héo hơn ?
Vợ tàn cư đâu đó,
Mừng tuổi gì cho con.



Xuân về với núi sông,

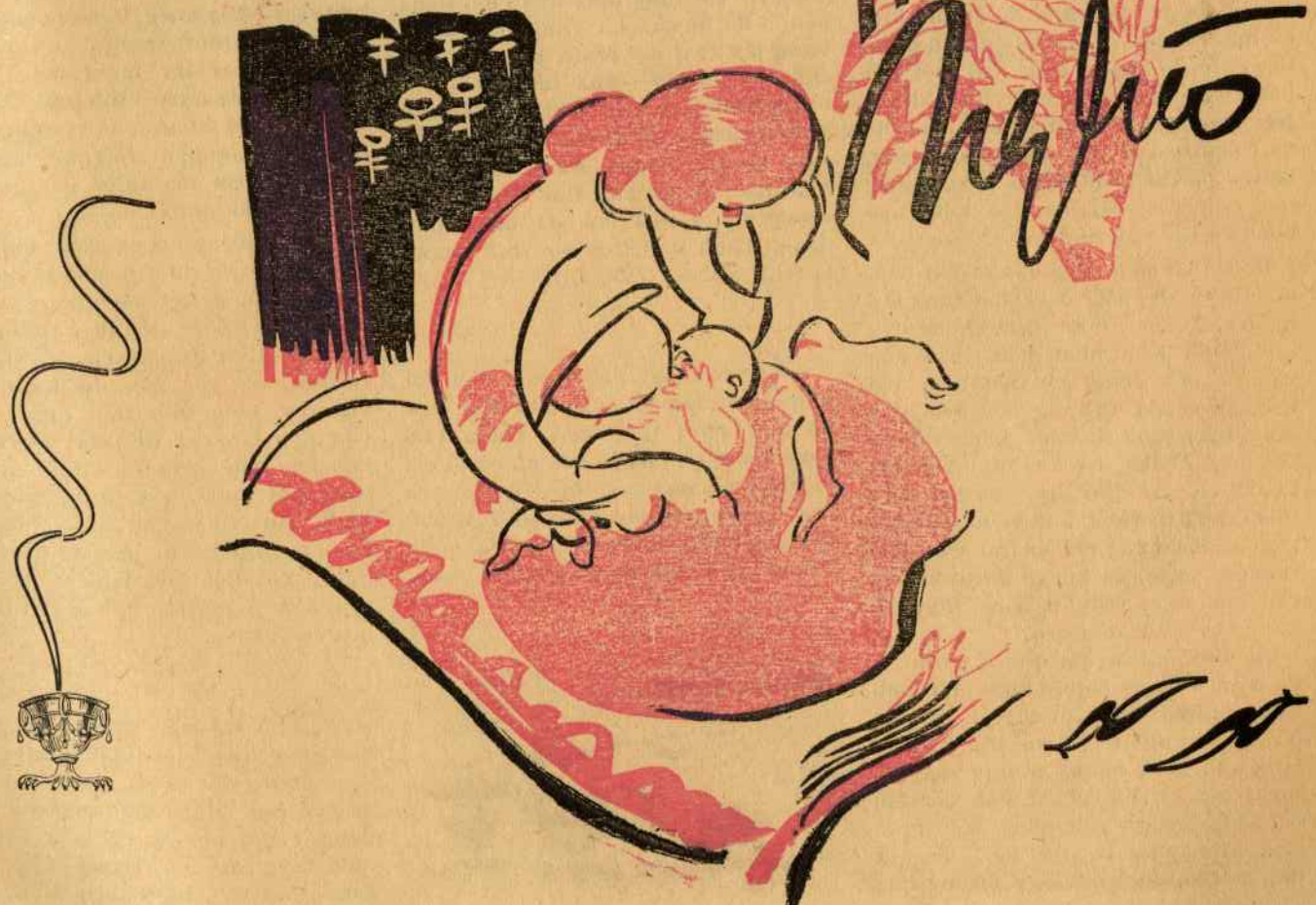
Mừng tuổi bằng chiến công.
Lửa căm hờn bốc mặt,

Khắc sâu tên tuổi vào sông núi,
Lừng lẫy công đầu, tết bốn phương.
Thiên hạ truyền đi tin thắng trận
Một chiều náo nức chợ quê hương.
Vợ tôi ngồi trong quán,
Hiu hắt gió lạnh lùng.
Con khóc giòng sữa cạn.
Gió lửa tóc rối tung,
Bỗng có người đến báo :
« Chồng chị lập chiến công. »
Mắt vợ nghèo lấp lánh,

Da xanh ửng sắc hồng.
Nàng vuốt lại mái tóc,
Ôm chặt con trong lòng.
Ru rằng : « Xuân tỏa non sông,
Cha con vừa lập chiến công lấy lòng.
Xa xôi, cha gửi tin mừng,
Lộc khô cành héo tường chừng lại tươi. »



Như một cơn nắng mới,
Ươm mầm non sắp thui,
Sữa căng lên đầu vú,
Máu chảy mạnh trong người.
Vợ tôi cho con bú
Con uống mạnh từng hơi
Con bú no rồi ngủ,
Xuân thăm hồng trên môi.



Đêm khuya dăm quán lạnh
Nhớ người lập chiến công
Vợ tôi đắp vạt áo
Cho con đỡ lạnh lùng.
Đêm giao thừa đứng gác,
Rèn rí tiếng côn trùng
Tường chừng nghe vợ hát,
Lời êm ru như bông.
À ơi!... Cha con ăn Tết lập công
Cho sữa mẹ chảy một giòng ngàn thu.
Cha đem cái thắng quân thù
Làm nên sức sống bây giờ của con.

Hoàng Cầm

THỊ HIẾU VÀ THỜI TRANG

của HÀ VIỆT PHƯƠNG

GIỮA cảnh ồn ào, nhộn nhịp, nhiều khi đi tới độ đậm đặc, của mấy đô thị (đột nhiên dân số tăng lên bội phần gấp năm, gấp bảy thời tiền chiến), có đủ bình tĩnh mà vượt lên trên cuộc đời xô bồ hàng ngày kia (dĩ nhiên là sau khi đã hòa mình vào guồng máy sinh hoạt gần như vô tổ chức ấy) thì kẻ thức giả mới gỡ nổi mờ bóng bong của thế sự mà nhận định xem về cái năm 1953 vừa qua nhân dân phố phường đã CẢM XÚC ra sao, đã Suy nghĩ ra sao và đã HÀNH ĐỘNG như thế nào?

Muốn đánh giá được mức sống tổng hợp, tức là toàn diện, của đồng bào thành thị thì cần dựa vào hai chứng lệ cụ thể: là *Thị hiếu* (tức là sở thích về tinh thần) và *Thời trang* (tức là sở thích về vật chất) của dân chúng.

Vậy thì, năm vừa qua, dân ở tỉnh đã thích những gì?

Về *Tinh cảm* thì thái độ trầm hùng cổ hũu của mình đã khiến cho đồng bào Bắc hà rung cảm với mọi nỗi khát khe của một cuộc đời không bao đảm: trước nỗi bất trắc của thế sự, người dân Bắc thích *mưa vàng*, nghĩa là thích đề dành tiền, phòng mọi cơn binh địa ba đào « lúc nào cũng có thể xảy ra được ».

Do đó mà nếp sống hóa ra kin đáo, dè giũ và dè dặt, ở cả hai tầng lớp nghèo và giàu: mức sống không đến nỗi chênh lệch nhau lắm, mặc dầu vẫn có một hạng cứ tiếc tưng, bài bác, giảng gió (nhưng còn che đậy đôi chút) giữa lúc một hạng cứ có làm mà chẳng có ăn, có nghề mà không có việc. Bởi vậy, cao lâu, từ điếm, kịch trường, ảnh viện đầu đầu khách xem cũng chỉ ưa thứ trò « giải thoát », nghĩa là tạo ra được những cảm giác xa lạ với đời sống thực tế đang cực kỳ là đeo neo.

Thời trang, nhất là nhà ở, cơm ăn và áo mặc cũng chịu cùng một ảnh hưởng: nhà vẫn được cất, nhưng đây là loại nhà « khiêm tốn »; cơm cũng vẫn thết nhau, nhưng đây là loại cơm... « thiết khách còn dư thì để... nhà dùng »; áo cũng vẫn được sắm, nhưng đây là thứ áo kiểu rất đẹp mắt song « giá vải » không quá

và *thời trang* miền Trung vẫn là thứ thời trang « *mặc meo* ». Song xét cho kỹ, nghĩ cho sâu thì thực tình nếp sống Trung phần đã có phần sòng phẳng hơn trước nhiều lắm: một điều ít ai có thể ngờ được là *nguồn cảm*

xúc, được thể hiện thành ra giá phẩm Văn nghệ in trên sách báo toàn quốc, phần lớn lại đều phát tích từ sông Cả, Sông Gianh, Sông Hương, Sông Trà Khúc ra cả. Cho nên, tính sổ cuối năm, ta không tài nào không ghi chép lấy con số kỷ lục về Thi ca và về Âm Nhạc, và hơn nữa về những tiểu luận hoặc những tập bút có tính chất tư duy — nghĩa là đề cập đến môn triết học — do đồng bào Trung Việt đã cố gắng cho nên học thuật nước nhà trong năm qua.

Đã rung cảm thâm thiết hơn ai đã suy luận thâm trầm hơn ai thì *thị hiếu*, được biểu lộ ra, cũng phải cần đổi hơn ai, nghĩa là đồng bào miền Trung, trừ một tối thiểu số béo bở rớt tích của thời « *tiền kiếp* » ra, quả là đã gây nổi một *thị hiếu* « *lần chững* »: người Trung hiện nay thích ghi chép, nhận xét, chọn lọc. Cho nên *thời trang* miền Trung cũng phải là một thứ thời trang « *cân nhắc* » nhà ở tuy canh tân (như ở Bắc nhưng không hợm hĩnh (như Nam) cơm ăn tuy không cầu kỳ (như xưa nhưng không hầu hớn (như nay); áo mặc tuy diêm dúa (như Bắc) nhưng không lố lỏ (như Nam).

Rút lại thì, về năm 1953, đồng bào Trung Việt đã tạo ra cho mình một bản sắc khá rõ rệt: *thị hiếu* vụ vào sự so sánh nếp sống tinh thần lành mạnh của một thời trong sạch, tuy đã qua rồi song vẫn còn lưu dư hương lại với nếp sống tinh thần nhầy nhụa của hiện tại, cốt đề « *lần chững* » cho *thời đại*; *thời trang* thì được uốn nắn theo một tinh thần thành bằng ổn định, cốt vụ vào sự dung hòa nỗ hoàn cảnh đổi mới của sở thích con người với điều kiện kinh tế của một lớp dân sống trên mảnh đất nghèo nàn cần cỗi.

ĐẾN thị hiếu và thời trang của đồng bào Nam Việt thì thật là cả một triệu chứng đặc biệt, cung cho nhà xã hội học nhiều kinh nghiệm đáng đáng. Trước hết là vì, trên đây đã màu mỡ của miền Trung châu sông Cửu Long này, hiện hiện là Kinh

quyết định Văn Hóa nhất định đi rồi, nên ở đây có hai thứ thị hiếu, có hai thứ thời trang: nơi đây có hai nếp sống vì nơi đây có hai lớp người sinh hoạt sát cánh nhau mà luôn luôn cách biệt nhau về vật chất và, do đó, về tinh thần.

Nếu có một lớp thích tiểu thuyết hào hùng của Phú Đức, của Nam Định cùng đồng hội — như xưa kia họ đã thích truyện Kiếm hiệp, nghĩa là thích siêu hóa cuộc đời bằng phẳng của mình thành cuộc đời của những bậc anh hùng nghĩa sĩ —, thì lại có một lớp ưa tiểu thuyết diễm tình của Hồ Biểu Chánh và của nhà *Phượng Giang* — như trước đây họ đã thích... Hồ Biểu Chánh và nhà *Tự lực văn đoàn*, nghĩa là thích ôn lại những thú vui vụn vặt của một giai cấp đang được quyền hưởng thụ.

Rồi cứ thế, có một lớp người mê tuồng La Mã (có phóng dao găm, có múa kiếm mà lại) của *Thanh Minh*, *Hương Hoa*, mê tuồng « *thời sự* » phi không gian, phi cả thời gian của *Nam Hồng*, *Vĩnh Phong*, có đủ tàu bô, tàu lặn, tàu bay, và mỗi vở có bao nhiêu nhân vật thì cuối cùng có thể « *thủ tiêu* » được nhiều bao nhiêu vai tất được hoan nghinh bấy nhiêu, (mê là vì nhờ... diễn viên chém giết hộ mình), thì cũng có một lớp người say tuồng « *tàu* » của *Phụng Hảo*, say tuồng « *tây* » của *Nam Châu* (say là vì nhờ... diễn viên sống cuộc đời phong kiến hào hoa hay cuộc đời trưởng giả lộng lẫy... hộ mình).

Rồi cứ thế, có một lớp nhờ đoàn *Thăng Long* nhớ lại thôn quê đồng nội hộ mình, thì cũng có một lớp nhờ *Trần Văn Trạch* và *Đức* hội thềm thường trời Âu biển Mỹ hộ mình.

Rồi cứ thế đã có lớp ngày đêm lê la trên vỉa hè, bên bờ sông, dưới gầm cầu, có đồng nào xào đồng ấy, phong phanh trong bộ quần áo bà ba màu đen, nheo nhóc, i eo, eo xèo, nhếch nhếch quanh năm này sang năm khác, thì cũng phải có lớp đảng hoàng phê phởn trên buyn đing, trên lầu cao gác tía, ngoài bãi biển Ô cấp, Gò công, tối ngày đóng khung trong những bộ lễ phục đủ cân, đai, búi, từ kiểu Tây phương đề mà bận rộn vì đếm bạc giấy, tính ngân phiếu, lo chuyển ngân, tổ chức cốc tây, dạ hội và nghe âm nhạc Âu Mỹ của các đài phát thanh quốc tế, chứ tuyệt nhiên không công nhận là nước Việt có văn chương nghệ thuật.

Do đó, mà Nam hà có hai thứ *thị hiếu* tuy khác nhau vì mục độ nhưng đồng nhau về tính chất: *tận hưởng*. Nam hà có hai thứ *thời trang* tuy khác

nhau về màu sắc nhưng đồng nhau về tính chất: *tiện nghi*.

Lớp người nghèo tận hưởng mọi lạc thú giết gân; lớp người giàu tận hưởng mọi phong vị xa lạ. Lớp người nghèo tìm tiện nghi trong sự thoải mái với chính ngay bản thân mình (ăn, ở, mặc rất tự do cho cá nhân); lớp người giàu tìm tiện nghi trong sự thoải mái với ngoại nhân (ăn, ở, mặc cốt sao vừa lòng... thượng quốc, cho người ta nhận mình là... học trò trung thành, là mại bản lương thiện: chủ làm sao tờ làm vậy).

Rút lại thì thái độ sống của đồng bào Nam hà, về năm qua cũng như về mọi năm trước đây, là một thái độ vững tin: tin ở hiện tại, tin ở tương lai, mặc dầu có qua một cơn khủng hoảng nhất thời — là vụ đồng bạc sụt giá hồi tháng bảy tháng tám — nhưng tựu trung lúc nào thị hiếu tận hưởng và thời trang tiện nghi cũng vẫn nguyên vẹn: hiện nhiên trước mắt chúng ta bao giờ cũng thấy đa số nhân dân vừa tốt mã (thân hình phi nộn) vừa tốt nước sơn (y phục bảnh bao, nhất là phụ nữ thì thật là áo quần đủ là bà ba cũng phong phanh thoải mái, còn nếu là hàng nước ngoài thì thôi! cả con người là một bó hoa sống, còn hoa có thơm hay không lại là chuyện khác.)

ĐỂ kết luận, cần phải ghi nhận một điểm thống nhất về thị hiếu và về thời trang của toàn thể ba phần, vừa mới phát hiện hồi cuối năm.

Thích thú này là phản ảnh của thị hiếu dân tộc: dân Việt xem phim Việt, nghĩa là dân Việt xài tiếng Việt, xài chữ Việt, và xài hàng Việt.

Thích thú đó đã sản ra một thứ thời trang nhiệm tính chất Á đông, nếu chưa phải là tính chất dân tộc: bộ y phục Tây phương đã được Việt Nam hóa từ tấm áo đi rồi (cái sơ mi dẹt trông na ná cái áo cánh hay áo khách, áo khỉ rồi); mái tóc soạn Tây phương hóa đã bị Á đông hóa (bòm hay tóc thóp trông na ná mái tóc Trung hoa hay đàn bà đồng biên của mình rồi); hơn nữa đã có ít nhiều họa sĩ đang bắt tay vào việc nghiên cứu một thứ « *quần áo làm việc* » có tính chất dân tộc, để thanh niên nam nữ dùng; ngoài ra, ở cả hai bên nhịp cầu, quần phục của ta đã là dấu hiệu của một thứ thời trang vừa hợp lý về kinh tế, về vệ sinh và cả về mỹ thuật nữa.

Năm 1953, là năm thị hiếu và thời trang của dân Việt phân hóa đến cùng cực để đi tới một cuộc hợp nhất về nếp sống trước cả cuộc hợp nhất về chánh trị: Sự trả trợn về ngôn ngữ (trong ca nhạc kịch), về bộ diện (trong họa và kịch), về văn thơ (trong sách, báo), về y phục (trong họa, kịch, ảnh), về ăn, ở (trong kiến trúc, và kỹ nghệ khách sạn — nhất là phở, nem, cuốn v. v. v.)

Đó là một dấu hiệu tiến bộ đáng mừng, trong cuộc cuộc phát triển trường kỳ của tinh thần đất nước này.

HÀ VIỆT PHƯƠNG



THƠ, NHẠC TRONG THƠ VÀ THỰC TẠI



CÙNG với nhạc và khiêu vũ, thơ là một « nghệ thuật thời gian » (1).

Trong ba nghệ thuật thời gian, chỉ có nhạc là có ưu điểm: đứng một mình, nhạc cũng vẫn nói được nhiều. Một bản « Dòng sông xanh » (Beau Danube bleu) của Johann Strauss, dù có thiếu lời của Phạm Duy chẳng hạn, cũng vẫn hòa được cái phần tinh vi và sâu xa nhất của tâm hồn con người với tự nhiên. Riêng có khiêu vũ và thơ là phải dựa vào âm thanh để sống còn. Khiêu vũ không có nhạc là khiêu vũ cô độc và thơ không có nhạc là thơ thiếu sinh tố. Cũng may mà Trần Khánh Dư khi xưa lúc viết những câu thơ... sống sượng:

Một gánh kiển khôn quấy xuống ngàn
Hỏi chi bán đó nói rằng than
Ít nhiều miễn được đồng tiền tốt

còn được cái may mắn là dựa vào luật bằng trắc là luật âm thanh — âm thanh là yếu tố của nhạc — và để kín đáo

(1) Art du temps hay Art de la durée. Riêng có kịch là hòa hợp cả nghệ thuật « thời gian » và « không gian » (Nghệ thuật không gian tức là hội họa, kiến trúc, điêu khắc...)

TỰ DO. bây giờ (2). Rồi không hẹn nhau, Xuân Diệu, Huy Cận, Đoàn Phú Tứ, Phạm Văn Hạnh, Nguyễn Xuân Sanh v. v... người theo phải tượng trưng, kẻ theo phải siêu thực, quay lưng lại quá khứ, đem hẳn âm thanh mới vào thơ, tạo một khí hậu mới cho thi giới. Nhạc nổi hẳn lên như từ một cõi nào vắng vẻ: bóng người xưa mất thấp thoáng, năm 1941 « Mùa cổ điển » của Quách Tấn chỉ còn là một mẫu ảnh sáo nhò trong một đêm rất khuya, và cái hương vị Á đông phải nhờ đến Lưu Trọng Lư và Vũ Hoàng

Chương đề hieu hắt tồn tại trong lòng người.

Trăng vừa đủ sáng để gây mơ
Gió nhịp theo đêm không vội vàng.
Cây cỏ bình yên, khuya ấnh tịch
Bỗng đâu lên khúc Lạc âm thiếu.
Nhịp hồ để bắc niềm cô tịch.
Trăng, gió, cây cỏ và niềm cô tịch chỉ là đề cho Xuân Diệu
Tôi tưởng tôi là Đường Minh Hoàng
và ôm thêm cái tâm trạng:

Trong cung nhớ nàng Dương quý Phi (3)
Phải tượng trưng chỉ biết có nhạc: âm thanh là bản sắc của thơ, một thứ âm thanh hiền hòa, sinh trưởng từ nhịp sống hiền hòa của cõi lòng, phát sinh từ chỗ sâu xa nhất của tâm hồn. rồi lại trở vào... đời sống bên trong.

Nói một cách khác, PHÁT NGUYỄN của nhạc phải tượng trưng ở từ chỗ kín đáo nhất của tâm hồn, và CỬU CẢNH của nó lại cũng không vượt ra khỏi cái phần chủ quan nhất của cá nhân. Xuân Diệu ngày nay có đọc lại bao nhiêu thơ của mình, có

(2) Le symbolisme se caractérise aussi par ses innovations en poésie: refus d'exprimer des idées abstraites, goût des images floues, poésie musicale qui tend vers le vers libre. (« Vocabulaire de la dissertation », de Henri Bénac. Thu xá Hachette. Trang 161).

(3) évoquer petit à petit un objet pour montrer un état d'âme. (Mallarmé) (Vocabulaire de la dissertation, par « Henri Bénac » Thu xá Hachette. Trang 161).



lẽ cũng phải thừa nhận rằng người ngày nay có bội bạc với thi nhân cũ, có lẽ cũng vì trong thơ tượng trưng, chất « cá nhân » (individualisme) tràn ngập cả ý thơ.

Nhạc trong thơ nổi hẳn lên đến đôi phải siêu thực cũng phải dựa vào âm thanh để tìm sinh tố cho một thứ thơ gần như vô hình dung (4) và nếu có hình dung, thì lại là hình dung sự trừu tượng, và sự hỗn độn (5).

Quỳnh hoa chiều động nhạc trầm mi
Hồn xuân ngát chỗ dấu xiêm y

Lãng xuân

Bờ giữ trái xuân sa

Đáy đĩa mùa đi nhịp hải hà
Nhài đàn rót nguyệt vũ đôi thơm.

là gì, nếu không phải là một nhất trí hỗn độn gồm có những cảm giác, những nhớ nhung, những ý tưởng từ bao nhiêu cõi vắng vọng lại, và nếu không có phần âm thanh đặc biệt trong thơ thì có lẽ thơ mất cả chất thơ. Và nếu không có nhạc thì:

Sớm nay tiếng chim xanh
Trong gió xanh
Dịu vương hương ăm thoảng xuân tình
.....
Duyên trăm năm đứt đoạn
Tình một thuở còn vương
Hương thời gian thanh thanh

của Đoàn Phú Tứ trong nhóm Xuân thu nhả tập khó thành thơ hay! Đáng tiếc có một điều, phải hình thức (6) đã dùng nhạc tinh vi đến vậy mà lại sống biệt lập với đại chúng thành thơ của phái Xuân thu nhả tập bây giờ chỉ còn là một món đồ trang sức... lạ. Năm 1924, André Breton ra đời, gần đây phải siêu thực hết thế

(4) Posée non-figurative:

(5) ... à faire abstraction des objets extérieurs, ou du moins de l'ordre que les habitudes d'esprit confèrent à la perception de ces objets, à juxtaposer sans chercher entre eux de rapports logiques, des souvenirs, des sensations et des idées de toute provenance. (Encyclopédie de la littérature. Edit. Fernand Nathan, page 289).

(6) Formalisme.

(7) Ces techniques là sont fait du temps, pétrées avec le temps. Et aussi, elles le pétrissent, le malaxent, le découpent et en juxtaposent des bribes à la manière dont le peintre agit avec les couleurs de sa palette. (Chương « Les techniques du temps » trong « Encyclopédie française », cuốn thứ 16).

CÁCH đây không lâu, chúng tôi dự định sưu tầm một ít **THƠ TỰ DO** có giá trị, sắp đặt thành một tập. Công việc cho tập thơ ấy ra đời có nhiều bạn giúp sức:

Chúng tôi đề tựa và giới thiệu, anh **TAM ÍCH** viết bài tiểu dẫn, anh **PHẠM DUY** phổ nhạc một số bài, các họa sĩ **TẠ TỰ**... minh họa, và anh **THANH NGHỊ** lo việc trình bày và ấn loát.

Công việc vẫn tiến hành và nếu không gặp những trường hợp bất thường ngoài ý muốn chúng tôi, tập thơ ấy sẽ ra đời vào đầu năm 1954.

Trong bài tiểu dẫn, anh **TAM ÍCH** đi từ nguyên lý thơ là một nghệ thuật thời gian (art du temps), định sự tương quan giữa nhạc và thơ, giữa thơ và thực tại, giữa thơ và nhân bản, rồi kết thúc ở phong trào **THƠ TỰ DO** và sứ mạng của nó về nghệ thuật. Lẽ tự nhiên, bài đó không có tham vọng hình dung một lý thuyết về thơ tự do, vì thơ tự do đã bành trướng ở thế giới, các thi nhân tiên phong đã làm thơ tự do và đã định cho nó một địa vị vững vàng trên thế giới chung; anh chỉ kể một câu chuyện thơ — có tính chất phê bình — dẫn người đọc đi từ một vị trí nào trong thời gian trên địa hạt thơ, đến ngôi mộ một người đã chết: **PAUL ELUARD**, và đến một phong trào thơ đương lên, **THƠ TỰ DO**. **PAUL ELUARD** chết đi, tiếng nói của **PAUL ELUARD** còn vọng vẳng và lúc chết hơi thở cuối cùng của **ELUARD** vẫn là một linh-khí của thi nhân (1).

Bài đăng đây là một đoạn rất ngắn trích trong bài tiểu dẫn của anh **TAM ÍCH**.

TRỌNG MIỀN

(1) dont le dernier souffle fut encore, comme un défi à toutes les propagandes, un souffle de poésie (PARIS-MATCH N° 194 — 29-11-1962).

lực. Gần hai mươi năm sau, phải **Xuân thu nhả tập** mới ra đời ở đây nhưng lại không thành phong trào và từ đó chứa siêu thực rêu phong cỏ mọc...

BA NĂM SAU, một dân tộc thức dậy, thơ tự do ra đời trên đất này. NHẠC trong thơ mang một bản sắc khác. Mẫu sắc **TỰ DO** thấp thoáng trong những bài từ khúc của Tản Đà chẳng hạn, bài « Mẫu thời gian » của Đoàn Phú Tứ chẳng hạn, bài « Xuân về »:

Tôi quay tơ
Chàng ngâm thơ
Vườn sau oanh giục già.

Rồi ngày lại ngày

Sắc màu: phai

Lá cành: rụng

Ba gian: trống

Xuân đi

Chàng cũng đi

Năm nay xuân còn trở lại

Người xưa không thấy tới.

của Lưu Trọng Lư chẳng hạn, đều được Nguyễn Đình Thi, Tố Hữu và cả một loài thi nhân đem vào một khi hậu khác, khám liệm những thực tại chết, tái tạo những thực tại sống, phác trên một nền thơ chung, vọng lên từ tâm khảm một con số hai mươi triệu — **PHÁT NGUYỄN Ở ĐÓ, CỬU CẢNH CŨNG Ở ĐÓ**.

Và thơ mới không hấp hối mà đắm tang đã cử hành. Hương khói không long trọng lắm: một việc lớn xảy ra, mười năm « Thi nhân Việt Nam » của Hoài Thanh lùi vào một cõi rất xa xăm. Một hôm xưa Hoài Thanh đã mời Tản Đà tiên sinh về chứng giám công việc của « những đứa con đầu lòng của thế kỷ hai mươi » và đã làm một việc mà người ngày nay không nhớ ơn: những đứa con không phải là « thất cước, không liên lạc gì với giống nòi » của Hoài Thanh đã cùng với tác giả « Thi nhân Việt Nam » thấy rằng một sáng — trái lại — cùng nhau thất cước... thật, và đã cùng nhau làm lại **BAO NHIÊU NĂM KHÁC** (chớ không phải chỉ có **mười năm**). Và cái người chứng giám lại không phải một cá nhân như Tản Đà tiên sinh cũ, mà là cả một dân tộc tranh đấu cho sự tự do của mình.

TAM ÍCH





của **LUONG HUY**

Vào một đêm gần cuối năm, theo rồi phong trào nhạc cảnh tôi được sự may mắn coi một vài màn ca nhạc mới tại một rạp ở Sài thành. Chương trình đêm đó gồm có một màn nhạc cảnh, một màn ca đơn thanh và một màn hài kịch! Chỗ đặc biệt của đêm hát là màn *nhạc cảnh đồng quê*, do ban DÂN NAM biểu diễn.

Màn mở lên, ta thấy khung cảnh đồng quê với một đám nông dân vừa làm việc vừa hát, giống như ta vẫn thường thấy trong những nhạc cảnh của đoàn Thăng Long, Thần Kinh, hay của một số nghệ sĩ khác. . . Nưng tiếng hò lơ của mấy diễn viên trong ban DÂN NAM vừa cất lên, tiếng hát man mác của miền đồng nội Nam phần chen vào những câu đố ngộ nghĩnh và tình tứ, trong một cốt chuyện đoàn kết của anh chị em nông dân và cậu hai con ông điền chủ, đã làm cho tôi thỏa mãn trong việc nghiên cứu hướng đi của phong trào âm nhạc mới trên sân khấu.

Tôi thấy rằng, màn nhạc cảnh do mấy diễn viên người Nam sáng tác và diễn xuất kia đã chứng tỏ một phần tiến trong sự siêu hóa của ca nhạc mới, nghĩa là vượt từ những bài ca cửa miệng hàng ngày để lên đến sân khấu là nơi thể hiện tinh cảm sâu rộng hơn. Sự tiến bộ đó ta đã thấy suốt hai năm vừa qua trong những công việc của những đoàn nghệ sĩ miền Bắc, luân lạc vào Nam, đem đồng quê Bắc phần lên sân gỗ Sài Thành và Lục Tỉnh. Một đoàn ca sĩ hoàn toàn người Nam như đoàn Dân Nam kia, diễn tả một màn nhạc cảnh đồng quê tuy không khác hơn gì những màn nhạc cảnh của nghệ sĩ miền Bắc, nhưng nó chứng tỏ một điều rất lạ quan rằng: Nghệ sĩ ca nhạc mới miền Nam đã thêm

khích miễn là các nghệ sĩ mới sẽ vượt qua được những vở ca nhạc lịch sử của các đoàn cải lương; những nhạc cảnh lịch sử mới lại đòi hỏi rất nhiều yếu tố cần thiết như ánh sáng, tranh ảnh, bài trí mà các chủ rạp phải cung cấp cho đầy đủ. Có vậy, nhạc cảnh đã sử của họ mới thành công được.

Bước sang năm mới, chúng ta chỉ biết mong rằng những ai đang phụ trách việc nâng cao giá trị ca nhạc mới trên sân khấu sẽ phát triển thêm loại *nhạc cảnh đồng quê*; Thêm vào những màn diễn tả cảnh sinh hoạt nông thôn như *GÁNH LỬA, ĐƯỢC MÙA, THỜI TƠ, HỒ LƠ, KÉO GỖ*, các nghệ sĩ trong làng nhạc mới sẽ biểu hiện được cả *tâm lòng* những nhân vật cần lao trong những màn nhạc cảnh có cốt chuyện ca tụng chí kiên nhẫn, lòng hi sinh, nỗi kham khổ, niềm khát vọng của dân quê V.N. Loại *nhạc cảnh* đã sử sẽ tiếp tục ra đời để luôn luôn nhắc nhở chúng ta nhớ đến công lao của tổ tiên yêu quý. Thêm vào đó, tôi mong mỗi năm 1954 sẽ được Trần văn Tách chẳng hạn, diễn tả những màn *nhạc cảnh phố phường* tả chân xã hội thị thành để làm giàu cho phong trào ca nhạc mới!

Nói thêm vào vấn đề tổ chức, những đoàn nhạc mới phải hết sức đoàn kết, chăm chỉ học tập và nghiên cứu thì mới mong biến đổi được những màn *chính diễn* chứ không phải *phụ diễn* nữa. Vấn đề chuyên môn cũng phải bỏ khuỵt, vì dụ về giàn nhạc; phải tranh đấu để có thêm nhạc công; về hòa âm: phải do nhạc trưởng soạn kỹ cho thật phù hợp với tinh thần nhạc cảnh; về ánh sáng: phải đặt lại đèn chiếu cho đúng chỗ (phần nhiều ánh sáng của mấy rạp Sài thành không làm nổi bật gương mặt diễn viên); về y phục: phải chịu nghiên cứu cho đúng vai trò...

Cuối cùng, vấn đề quan trọng nhất là vấn đề NGƯỜI: Năm 1953 là năm đa số nhạc sĩ diễn viên khoác áo quần nhân. Đó cũng là một duyên cớ làm

(đọc tiếp trang 45)



ĐỜI MỚI

MỘT NĂM VĂN NGHỆ

của **NGÔ ĐỒNG THANH**



NĂM vừa qua có thể gọi là năm « TÌM LỐI THOÁT » của Văn nghệ.

Thực vậy, suốt bảy năm non sông khói lửa, văn nghệ sĩ luôn luôn bị hãm vào cảnh giao động, đa số đã chịu qua một câu đoạn trường mà thời *Trịnh Nguyễn phân tranh* đã vạch ra bằng câu ca bất hủ: « Con sông sâu, nước chảy đôi dòng, đèn khêu đôi ngọn, em viết trống ngọn nào? »

— Biết trông ngọn đèn nào cho tìm ra lối thoát?

Đó là câu hỏi dẫn dắt tâm trí hàng người thường sống bằng tình cảm, ngang với sống bằng lý trí và bằng hành động. Họ đã tự vấn. Và họ đã tự giải bài toán nhân sinh của họ. Thành khẩn triết để, vì họ là những tâm hồn chẳng hề nói dối ai, nhất là không chịu tự giấu mình. Họ đã định đoạt thái độ tinh thần của họ vậy. Định đoạt sau bảy năm thử thách.

— Họ đã định đoạt ra sao?
— Họ đã tạm vạch ra hướng đi. Theo hai lối:

Một là phục vụ nông dân thì dồn sinh lực vào phía sáng tác để *xây dựng Văn Nghệ nông thôn*. Viết và vẽ về sinh hoạt nông thôn, bằng tiếng nói và hình ảnh của nông thôn, để cho nông dân xem và đọc. Cho nên, đến giây phút này có thể không ngoa ngoắt mà nhận rằng: đã có hẳn một cơ sở văn nghệ nông thôn rồi, về đủ mọi mặt văn, họa, nhạc, kịch, ảnh.

Mặc dầu là nền văn nghệ này, do chứng bệnh ấu trĩ gây ra, đã nhiễm tinh chất đơn phương, đơn điệu, khô và nhạt một đôi phần thật, song bình tĩnh mà xét thì quả là nó đã tỏa ra rất rộng, và ăn vào cực sâu ở trong đời sống của triệu triệu nông dân rồi: nó đã là một sức mạnh đáng kể.

MỘT mặt khác, văn nghệ sĩ cương quyết « tung chân » ra phục vụ thị dân, đứng trên lập trường « Độc lập, Thống Nhất, Dân chủ, Tự do, Hòa Bình ».

XUÂN 1954



VỀ VĂN HỌC

Thi ngành Văn nghệ song song cùng tiến với ngành Học thuật: trong khi các sách giáo khoa, các sách nghiên cứu trường chừng lần át hẳn các tác phẩm sáng tạo đi (như mấy năm trước đây) thì, nhằm khoảng giữa năm 1953, cả một phong trào *Lý luận Văn Nghệ* phồn thịnh nổi lên, ở trên các báo, đề vạch một đường lối cho đời sống văn nghệ, về ba phương diện: động viên, tổ chức và sáng tác.

Nhờ có phong trào này hướng dẫn mà lúc đầu đã thấy mọc ra ít nhiều tác phẩm chứa một sinh khí mới (*Nhìn xuống* của Sao Mai, *Trại Tân bởi* của Hoàng công Khanh) thay thế cho loại tiểu thuyết dăm màu... *Tự lực văn đoàn* của thời tiền chiến.

Vì còn chấp chừng nền ngành này chưa thu được nhiều thành tích đáng kể, và chưa gây nổi một triển vọng khả quan: chứng cứ là cuộc *Thi truyện ngắn hay nhất thế giới* không thu được mấy may kết quả gì.

Rút lại thi về bộ môn Văn Học, năm 1953 là một năm xây đắp cơ sở cho cả hai nền văn học nông thôn và thị thành, một nền phục vụ bình dân và một nền phục vụ từng lớp trung lưu.

VỀ BỘ MÔN HỘI HỌA

Hay nói cho rộng thì về bộ môn thuộc ngành tạo hình (arts plastiques) và kiến trúc — thì 1953 phát triển về khía thương mại nhiều hơn là về khía nghệ thuật mặc dầu là có sự nâng đỡ của chính quyền và của



nhân dân. Đa số họa sĩ và kiến trúc (hoặc có tên tuổi rồi, hoặc mới là loạt măng mọc) đã một phần thi nhận sai lạc nhiệm vụ của mình, một phần thì vì quá thiên về chuyện mưu sinh nên tổ chức liên miên biết bao nhiêu cuộc triển lãm, có tính cách « buôn bán » hơn là có tính cách phục vụ (tác phẩm không nói được cái gì mới lạ, đã vậy lại còn đồ xô vào chỗ nuông chiều sở thích hiếu kỳ của một số du khách ngoại quốc giàu lỗi, khiến cho phòng triển lãm nhiều khi đã hóa ra một góc chợ... bán tranh, mà lại là thứ tranh kém cả giá trị nghệ thuật của tranh quảng cáo nữa). Do đó, mà nghệ sĩ dăm ra... đào ngũ: bỏ rơi đất sống chính đáng của mình (là sự cộng tác với văn học, kịch trường) rồi lao đầu vào ngành bài trí sơ cấp của nghề đồ gỗ sơn vẽ hoa hoè hoa sồi.

Đề tài vẫn là khuôn mỹ nữ, và... đồng quê: đề tài thoát ly thực tế nhõn tiền mà!

Chung quy, chỉ còn ngành đồ gốm Biên hòa là thấy khởi sắc, và mới đây, có một vài họa sĩ trẻ tuổi đem thử thách tài nghệ vào sân khấu, thì cũng thu lượm được khá nhiều kết



quả (Phạm Khanh dựng *Tiểu Sơn trang sĩ*, Phan Tài và Mai Lân dựng *Bến nước Ngủ bờ*, Nguyễn Thành Hiệp dựng *Hận Kinh Kha*). Cũng cần kể qua đến công trình minh họa sách báo nữa, nhưng thành tích so với thời tiền chiến, và vì với nền hội họa phục vụ nông thôn thì thật là một trời một vực.

ÂM NHẠC

Về lượng, tiến vượt bậc, về phẩm, vì tiếp tục con đường « cải cách đã hóa ra cũ kỹ rồi », nên, ngoài những bản phát triển lễ lối dân ca (của Phạm Duy) ra thì đa số lại có khuynh hướng lui về thế giới diêm tính, lãng mạn để ru những linh hồn u hoài mong đợi một cái gì

không bao giờ đến được, vì một lẽ giản dị là thứ nhạc đó không xúc khích, không thức tỉnh được nguồn hoạt động của con người: nó chỉ mới mơn trớn được phần cảm quan hơi hợt của thính giả chứ chưa khuấy động được phần tiềm thức và phần ý thức của nhân dân. Cho nên nó chỉ xui dục người ta trốn tránh thực tại thôi.

Tuy vậy, cũng có một triệu chứng chuyển hướng, biểu lộ ở tác phẩm của một nhạc sĩ thuần túy cổ điển Tây phương (Võ Đức Thu), xưa rày vẫn chủ trương Nghệ thuật khó lòng phục vụ được giai đoạn thi, mới đây, đứng trước cảnh tang thương của cơn lốc vũ ở Trung Việt, đã đột biến rung lên bản « *Điệu Tân* » để « trả lời thời thế »; ngoài ra, nhạc sĩ cổ kinh Nguyễn Hữu Ba cùng các bạn hăm mộ nhạc cũ đã thành lập hội *Chấn hưng Nhạc cổ*. Sau cùng, một nhóm nhạc sĩ ở Sài cảng có ý định phổ biến *Nhạc cổ Tây phương*, mặc dầu khó lòng thành công được, vì cả hai phương diện nội dung và hình thức nhạc ngoại lai, nhất là nhạc cổ thật không thể vào được nhân dân Việt, trong lúc này.

Bản đến Nhạc 1953, cần phải nêu ra hai vấn đề tuy phụ thuộc song cũng khá quan hệ đến sự phát triển của bộ môn này: trước hết là vấn đề liên can đến các đài *Truyền thanh*, vốn là đất sống rất rộng rãi và hiện nay là « lò đạo đạt độc nhất của Nhạc vào quảng đại quần chúng », hằng ngày bằng làn sóng điện đã phóng vào không gian biết mấy mươi bản nhạc. Nếu người phụ trách mà có ý thức về việc *Truyền Thanh*, thì việc giáo dục nhân dân về Nhạc và bằng Nhạc thật là sẽ có ảnh hưởng lớn đối với sự uốn nắn tâm tình đại chúng. Thứ đến vấn đề *phối hợp Ca vào Nhạc*, vì trong thực tế thì không tài nào đòi hỏi được sự tồn tại của ngành Nhạc thuần túy ở trong nền Văn Nghệ Việt Nam hiện thời.

Sở dĩ từ 1940 đến nay, Nhạc mà phổ biến được ở trong nhân dân, đích là nhờ có Ca « lôi cuốn » đi. Lý do ngụ một phần ở nhược điểm: Dân mình chưa được may mắn có một mô thức cơ bản về khoa Nhạc để thưởng thức ngành nghệ thuật này và cũng còn ngụ cả ở sở khiếu: Dân ta

ưa Ca hơn Nhạc, có lẽ vì tiếng nói của mình uyên chuyên quá sức chưa có thứ nhạc khi nào phổ âm được đầy đủ chăng?

Dù sao đi nữa thì muốn cho Nhạc tiến bộ đúng mức của nó, tất phải giải quyết cho xong xuôi hai vấn đề Truyền tin và phối hợp ca nhạc.



CA NHẠC KỊCH

Đề cập đến ngành CA NHẠC tức là đã đặt một chân sang lãnh vực sân khấu rồi: năm 1953, ca nhạc, và biến thể của nó, là ca vũ nhạc kịch đã nổi bật lên trên kịch trường toàn quốc, ở cả hai bên nhịp cầu. Mà tiêu biểu hơn hết là những cuộc thử thách của các đoàn hợp ca Sài cảng, trong đó phải kể tới nhóm *Thăng Long* là nhóm đã hoạt động có đường lối rõ rệt hơn cả, mặc dầu về kỹ thuật diễn xuất còn cần phải trau dồi nhiều nữa mới biểu dương được trọn vẹn phần nội dung của tác phẩm ngàn ngàn, đậm màu dân tộc, mà nhóm đó thường đem ra trình bày ở cả bốn thủ phủ Trung, Nam, Bắc, Tây kỳ.

Ca nhạc kịch sở dĩ có nơi thơm hạt giống hiệu nghiệm đến như vậy, là vì nó đã sinh gặp thời và gặp đất: thời hoang mang của nhân dân trong lúc hồi cổ đến những ngày oai hùng của dân tộc đã được thể hiện lên sân khấu vĩ đại, là toàn cõi Việt Nam, và đất tổ của cải lương đã sản ra cả một đám đông khán giả trung thành và cuồng nhiệt của ca kịch.

Ca nhạc kịch, một ngành phụ, mà đã nảy nở đến thế, thì ngành chính: là ca kịch tất phải gây được nhiều thành tích lắm lắm mới là hợp lý. Ấy thế mà thực ra thì 1953, cũng như 1945 dĩ hậu, nhất định là ca kịch không tài nào nhích thêm được nửa bước, khiến cho những đứa con yêu dấu của nó, đã có kẻ phải nuốt hận mà « ly dị » với nghệ, và khiến cho những ai, dù sẵn thiện chí đến mấy cũng không dám dèo bóng cái nghiệp chương nọ nữa!

Tại sao vậy? Tại ca kịch hết « khách » rồi chăng? — Không phải; khán giả vẫn đông như thường, mặc dầu « tuồng » rất ư là dở. Tại ca kịch hết nhựa sống rồi chăng? Cũng không phải, vì luôn luôn đã có đoàn (như Năm Châu, Phụng Hào, cổ công

« giữ lấy lẽ » cho nghệ) tận tâm phụng sự Nghệ. Mà vẫn « Không đi đến đâu cả »! Thì tại sao? — Sau bao nhiêu kinh nghiệm, học bằng mồ hôi nước mắt và bằng cả túi tiền nữa, thì hiện giờ kẻ thức giả mới nhận được ra rằng: « Tại thiếu vở mới ». Có thể thôi. Giản dị lắm! Song, cứu vãn được tình thế thật không phải là dễ gì. Vì trình độ thưởng thức của khán giả, do sự cạnh tranh của màn ảnh thức đây, đã tiến bộ hơn xưa, nên sáng tác ra một vở tuồng, hợp với thị hiếu của đông bào đô thành lúc này, tất nhiên phải đòi ở kịch sĩ một ý thức cách mạng, một tài năng siêu việt và một kiến thức cao rộng hơn ngày xưa khá nhiều. Cho nên, phi có sự hợp tác giữa giới văn nghệ chuyên nghiệp và giới « tài tử » chuyên môn ra thì khó lòng làm thỏa mãn được sở thích của quần chúng.

Gần đây, đoàn Phụng Hào, với vở *Hận Kinh Kha* đã nêu gương « cải cách ngành cải lương » bằng sự phối hợp công tác giữa mấy văn nhân họa sĩ và anh chị em « nghệ sĩ », bằng một cuộc « đảo chính » nho nhỏ về chủ trương « binh cũ rượu mới », cũng như đoàn Năm Châu áp dụng thứ trò « ảo thuật có tính cách khoa học », là đèn có ánh sáng u huyền để gây cảm giác mới, cũng như các đoàn Kim Chung, Kim Phụng, Hương Hoa, Nam Hồng v... v... thực hiện lối diễn xuất « vô hồi » — nghĩa là ít khi buông màn bất khách phải đợi dọn bài trí — na ná lối diễn chèo cổ ngày xưa. Bao nhiêu cuộc cải cách đó đều cũng chỉ có tính chất... cải cách thôi. 1953 cũng chỉ mới là một giai đoạn « tìm lối thoát » cho sân khấu thời vậy.

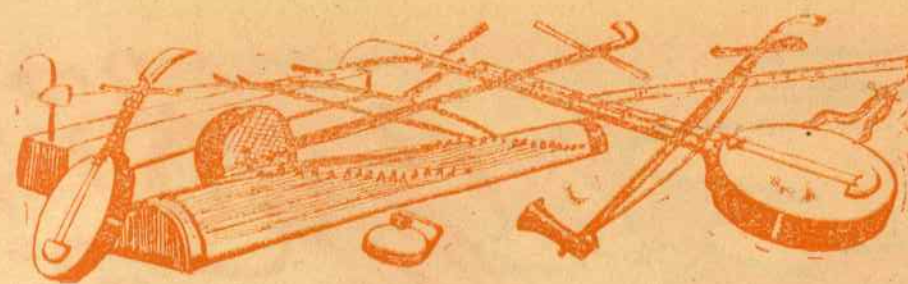
Đối với ngành CHÈO CỎ được « ngoài kia » gọi là *bình kịch*, thì kịch sĩ Tam Lang đã cùng một số người hoài cổ, cố sức phục hưng nó lại, nhưng xem ra khó lòng « phục hưng » lắm lắm, nên hiện giờ rạp Lạc Việt cũng đành quay lại « phục hưng » ngành chèo cải lương, kiểu Nguyễn Đình Nghi 1925-30, và đôi khi lại pha vị... xi nê nữa. Cũng đang « tìm lối thoát » để, rồi đây, đi tới cách giản hóa chèo: giữ lấy những điệu hết sức dễ nói, dễ ca, dễ nghe, rồi « hy sinh » những điệu khó hát, khó hiểu — điệu phong kiến, nho sĩ — chăng?

VỀ KỊCH NÓI

Thì 1953 thua hẳn mấy tuần trước đây, mặc dầu ở Bắc có đoàn

(đọc tiếp trang sau)

ĐỜI MỚI



« Sông Hồng », ở Trung có đoàn kịch miền Trung « quên thời thế » dựng « Bến Nước Ngủ Bờ », và... trên sân khấu ít nhiều rạp hát cải lương Sài Thành, các đoàn « Hấp dẫn » (mỹ danh là attractions) cũng như các đài phát thanh dưới nhãn hiệu « Văn Nghệ Tap Lạc », (1) đã phổ bày một số kịch ngắn ngắn phần nhiều cốt để giải trí hơn là để xây dựng Văn Nghệ « ít trình diễn nên ít sáng tác: ít sáng tác nên ít trình diễn », câu than thở đó đã thành một điệp khúc khá luân quần của giới Văn Nghệ nói chung, và của giới thoại kịch nói riêng. Âu cũng là do oan trái gì đây? Nên nhìn trước ngó sau, trên kịch đàn văn chỉ thấy những cây bút quen quen. còn những người « đi trước » thì... đi đâu cả ấy.

Rút lại, có điều đáng chú ý là:

1) Báo chí đã đặt sân khấu lên ngang hàng với sân... đá banh, nên mỗi tuần, mỗi tờ đều có trang nghiên cứu, phê bình, nhận xét khá hãn hoi về kịch trường, kể thêm màn ảnh.

2) Lý luận sân khấu đang hoang, đề cập tới một cách khá đáng hoàng, đề định hướng cho sinh hoạt kịch trường: góp vào việc cảm hóa nhân dân.

3) Ở cả ba mặt động viên, tổ chức và sáng tác, giới kịch có vẻ khuynh sang đất sống mới và khá đặc địa, là điện ảnh cả.

NGÀNH ẢNH

Điều nhận xét cuối cùng trên đây dẫn ta đến ngành ảnh (gồm cả Nhiếp ảnh và điện ảnh). Riêng về Nhiếp ảnh thì nhờ sự phát triển của báo chí và các phòng thông tin, cũng như nhờ thị hiếu của nhân dân, ở cả hai bên nhịp cầu, mà máy ảnh đã thành một « nhu cầu » của thời đại: dĩ nhiên là nghệ này bốc lắm.

Do đó, nó cũng được vinh hạnh gửi một địa vị khá quan ở trong các

cuộc thi đua quốc gia, quốc tế. Và, cũng do thị hiếu có tính cách khá hãnh tiến một phần, một phần khác do sự « đào ngũ » của họa sĩ, mà trên « bìa » báo chí vẫn thấy ảnh xâm chiếm hãn địa vị, đáng lẽ phải có của tranh.

Ảnh hầu như đã lên « chiếu » độc tôn, thì điện ảnh tất nhiên là phải đóng vai « tiên chỉ » trong làng văn nghệ. Sức thu hút mạnh vô chừng. Ảnh hưởng lớn vô kể. Quyền lợi rộng vô cùng. Uy tín to vô hạn. Thiên hạ mê, thiên hạ nghiện Xi nê. Ty rượu (R.A.) và ty Nha phiến (R.O.) đã được thay thế bằng ty... Xi nê (R.C.)

Nhân dân đóng góp một thứ thuế mới mẻ và kén sù cho các hãng phim ngoại quốc, nắm giữ độc quyền về ngành sản xuất điện ảnh, cho tới khoảng trước đây vài tháng.

Trước đây đã vài tháng, sau một cuộc chạy thi khá sôi nổi thì đến « nước rút », còn có hai đấu thủ, là KIẾP HOA và BẾN CŨ, tới đích trước tiên. Cho nên chiếm giải ngao đầu: đoạt kỷ lục về số lượng khán giả, vượt hẳn các phim vô giá của quốc tế. Được thế là nhờ sự ủng hộ của nhân dân, đang bừng bừng tự ái với khẩu hiệu « người Việt dùng đồ Việt » nên tha thứ mọi khiếm khuyết của mấy nghệ phẩm, ấu trĩ vì sơ khai đó.

Cả một viễn ảnh sản lạn đang chờ ngành nghệ thuật thứ bảy, nếu cán bộ phụ trách bộ môn ấy thẩm nhuần nổi nguyên tắc bất dịch này: « Điện ảnh là một kỹ nghệ, nhưng sản phẩm điện ảnh phải là một nghệ phẩm » và nếu các vị đó biết chuẩn bị kịp thời để đối phó với sự cạnh tranh tất nhiên là cực kỳ kịch liệt của ngoại nhân.

TRÊN đây mới nhận xét chớp nhoáng về đời sống tự thân của Văn Nghệ nước nhà trong năm vừa qua đó thôi. Muốn đặt cuộc sinh hoạt ấy vào đúng bối cảnh lịch sử của nó trên khung khổ quốc tế thiết tưởng cần phác qua vài nét về những nguồn ảnh hưởng của bốn phương trời văn nghệ đã thổi vào đất Việt này.

Trước hết là luồng gió của Văn nghệ và của Văn Hóa Pháp, thì năm 1953 đã là năm Pháp nhận định khá sáng suốt về « mối tình già » giữa hai nền văn minh cổ cựu, nên tăng việc trao đổi tài liệu tĩnh (sách, vở, báo, chí, tranh, ảnh) và động (nhân vật tiêu biểu: văn, họa, nhạc, kịch, ảnh đủ ngành), trao đổi thường xuyên nhưng vẫn chưa tài nào rũ sạch được mọi mối phức cảm tự ty hoặc tự đại, nên « mối tình già » kia cũng chẳng lấy gì làm khàng khật cho lắm.

Còn về phần các dân tộc khác thì Trung Hoa có cung cấp cho ta khá nhiều « mẫu » lý luận, Mỹ và Anh khá nhiều « mẫu » thực hành văn nghệ, với một mục đích, tỏ liễu vì cấp bách, là: dùng văn nghệ làm lợi khí tranh đấu chính trị hoặc kinh tế.

Trong cuộc giao tế văn nghệ này, có một hiện tượng khá quan trọng cần ghi nhớ là: trước sự tấn công, hoặc hòa bình hoặc bạo động, của văn nghệ quốc tế, thì văn nghệ Việt Nam đã đối phó lại bằng chiến lược « đồng hóa » rất mau lẹ và rất hiệu nghiệm, chứng cớ « cuộc tiếp xúc với ngoại quốc càng đậm thâm bao nhiêu thì tánh chất dân tộc của đời sống văn nghệ Việt Nam càng đậm đà nổi bật lên bấy nhiêu », người ta hãnh diện nói tiếng Việt, học tiếng Việt, viết chữ Việt, vẽ cảnh Việt, phổ âm Việt, diễn chuyện Việt, chụp hình đời sống Việt Nam.

Đề tổng kết chương tạp khảo này, tạm cầm hai tấm mốc sau đây cho đời sống văn nghệ của năm 1953:

1.— Giới văn nghệ V. N. đang tìm lối thoát bằng cách vùn đấp một cơ sở lý luận vững chắc: « dùng văn nghệ làm lợi khí giải phóng và kiến thiết quốc gia. »

2.— Nền văn nghệ V. N. càng va chạm bao nhiêu với nền văn nghệ quốc tế, càng trau dồi cho mình có được một bản sắc phong phú, linh động, độc đáo hơn xưa: lựa chiều phân hóa để tiến tới mức đồng hóa, nghĩa là « kết tinh » văn nghệ ngoại lai thành tinh chất dân tộc đặc biệt Việt Nam.

Đó là giá trị của nền văn nghệ Việt Nam năm 1953.

NGÔ ĐỒNG THANH

(1) Có lẽ là « tạp diễn » thì sát nghĩa danh từ Variétés hơn chăng?





Em ơi! CỨ ĐỢI ANH VỀ

Em ơi! Cứ đợi anh về,
Dù bao năm tháng quên gì hồi em!
Em ơi! cứ vững niềm tin:
« Ráng người chân gối của em sẽ về.
Dù bao cách trở sơn-khê,
Thủy-chung anh cũng sẽ về cùng em ».

Em chờ chờ anh bên cửa sổ,
Mỗi mòn đôi mắt ngóng trông anh.
Đừng cho giếng mát rưng rưng lệ
làm nhạt đôi làn sống mắt xanh.

Em chờ chờ anh trên đốt tay,
Đếm thời gian rụng, ngày qua ngày...
Đếm mùa ly biệt năm xa cách,
Mà vốc hình mai phải ứa gầy.

Khi nhớ anh, em đừng lấy ảnh
Nhìn hình anh thêm nhớ thương anh
Đừng rơi lệ thấm trên khung ảnh,
Đừng áp má em lên má anh.

Khi nhớ anh em đừng đan áo,
Đan làm chi thêm khổ lòng em.
Nếu anh ấm áp mà em lạnh,
Anh có vui gì mặc áo len.

Hay là em cứ bẻ que đan,
Đứt hẳn đường lên áo ngự hàn.
Đừng đem tương tư theo giọt lệ,
Theo đường len thắm, theo thời gian...

Em đừng ôm gối ôm chân
Mơ người chân gối đang nằm bên em.
Em đừng khêu ngọn đèn lên,
Viết trong nhật ký giữa đêm mưa dầm.
Đừng nhìn bọt nước hợp tan,
Nhìn sông quê, ngõ bến tương giang đôi
đầu.

Em đừng ra đứng bến cầu,
Nhìn trăng tàn xế, ngắm màu hoàng hôn.
Đừng nhìn mây trắng cuối thôn,

Đừng nghe tiếng vạc, tiếng con chim chi
Đừng nghe tiếng trúc tiếng tiêu,
Tiếng ai hát giữa rừng khuya vương sà
Đừng cho mắt đục lo âu,
Vỗ làn tóc rối mây sâu, em ơi!
Mỗi em dù vắng nụ cười,
Đừng sầu héo hắt mà mỗi thăm màu.
Em ơi! đừng đọc thơ sầu,
Đừng xem « tiểu thuyết » với câu văn buồn
Đừng cho mềm yếu tâm hồn,
Ráng gìn giữ tấm lòng son với chồng.

Em cứ chờ nhưng đừng ủ-rũ,
Như thường tình nhì nữ nghe em.
Đừng nuôi tuyệt vọng và tang tóc,
Đục khoét lòng em với trái tim.

Này em! này hồi! này em!
Thơ này anh viết giữa đêm giao thừa,
Gửi về mái cũ, thêm xưa,
Về căn nhà lá, dưới bóng dừa chòm cao
Cho người vợ trẻ áo nâu,
Cả niềm tâm-sự buổi đầu xuân sang.

Thư rằng:

« — Em cứ đợi anh về,
Em cứ bám đốt tay
Đếm từng phút từng giây,
Theo tháng rộng ngày dài;

Từ trăng khuyết đến trăng đầy,
Đến ngày tầm đỏ, đợi ngày dâu xanh
Đếm ngày trái chín oằn cành,
Cho no lòng mẹ, cho lành áo chạ.
Đốt tay ghi một ngày qua,
Đếm ngày trái chín và hoa nở hồng.
Đếm ngày tầm sắp ra non,
Đếm ngày, nắng ráo để hong tơ vàng.
Thấy tơ, nhớ kẻ sa trường,
Thoi đưa càng lại nhịp nhàng thoi đưa

Chợ làng, em nán phiên trưa,
Ráng ngồi bán hết quả dưa trái cà.
Mua thêm giấy mực bánh quà,
Nuôi con ăn học, ấy là thương anh.
Dù đôi sống mắt bớt xanh.
Nắng mưa nán má vợ anh bao lần.
Dù đầu em lệch chiếc khăn,
Vương vương tóc rối bên làn tóc mai.
Dù trên trán đọng mồ hôi,
Và môi em vắng nụ cười từ lâu.
Dù đôi tà áo vải nâu,
Thắm màu mưa nắng, bạc màu gió sương.
Chồng em càng mến càng thương,
Ái ân càng đậm, lửa hương càng nồng.
Vậy em cứ vững tấm lòng,
Xây niềm hy vọng mà trông người về ».

Em cứ đợi anh về,
Dù mưa dầm tầm tã,
Dù nắng lửa chang chang,
Dù gió ngàn heo hút,
Dù cao vút núi đồi,
Dù đường xa vắng lặng,
Dù rừng thăm biển khơi,
Dù đói nghèo, gian khổ,
Dù một mù khói lửa,

Dù không may thành nàng Tô thị,
Lên núi nào hóa đá vọng phu...
Dù biển động muôn trùng bão tố,
Cánh buồm khơi vắng bột tin thư...

Em cứ đợi anh về.

Làn tóc buồn em chải lại cho suôn,
Đề đợi bàn tay anh về vuốt tóc.
Em hãy lau khô đôi lòng giếng mắt,
Đề hồn say ngây ngất với yêu đương.
Mỗi em hãy tỏ hồng phơn phớt,
Phơn phớt thôi, cho màu môi ươn ướt.
Nở nụ cười duyên dáng trước môi chồng,

Đôi cánh tay em đừng chút ngại ngần,
Hãy dang đón người chồng xa cách biệt
Anh sẽ ghi em trong đôi tay gắn chặt
Siết cho gần thâu lại nỗi chia phôi
Và dặm đường lằng lắt đã chia đôi
Kẻ chân trời và người nơi góc bể.
Trong buổi ấy, anh muốn em rơi lệ,
Đề tay anh lau giòng lệ dùm em;
Rồi lệ ấy cứ mưa dầm trên đôi ngực
Uớt lòng em và thâu tận tim anh,
Cho lòng anh thông cảm nỗi chung tình.
Của người vợ hiền lành và son sắt.
Em cứ xích cho gần, ghi cho chặt;
Cho mặn tình như đêm tối tận hồn.

Rồi anh sẽ đặt chuỗi hôn,
Trên làn tóc rối vẫn còn ướt nhưng.
Và trong đôi mắt giếng trong,
Trên khung ngực trắng môi hồng của em;
Trên tà áo vải thâm đen,
Bạc màu sương gió thắm niềm sắt son
Vì em thơm cả tâm hồn,
Anh say sưa dệt chiếc hôn tượng phùng.
Chiếc hôn cao quý vô cùng
Không lời lẽ, lại mặn nồng em ơi!
Chiếc hôn có một lần thôi,
Của người góc biển chân trời gặp nhau.
Dẫu rằng ngày ấy còn lâu,
Em ơi! cứ đợi, đừng sầu nữa em.
Lòng em cứ vững niềm tin,
Rằng người chung thủy của em sẽ về.

KIÊN GIANG





TIẾNG chó sủa vang ngoài ngõ xa. Tồn nhìn ra ngoài. Ánh sáng xanh đục của chiếc đèn măng xông từ trong nhà tỏa ra sân, bị vườn cau ngăn lại.

— Ai đó? Tồn hỏi to.

— Tôi đây ạ!

Cái giọng miền Bắc quen thuộc với Tồn, lại khiến Bằng ngỡ ngàng; anh nhìn người anh họ, hỏi bằng mắt, rồi bằng lời:

— Ai đó vậy anh Tồn?

— Một người bạn.

Chó đánh hơi quen, thôi sủa. Người khách ban đêm đã qua khỏi vườn cau, đứng trước thân cây ồm nhom màu trắng mốc mà ngó vào nhà. Y không vào ngay như thường lệ, vì y thấy khách lạ. Vả, đêm đó là đêm ba mươi Tết, nên y còn ngại điều gì.

Tồn đi ra tới ngoài thềm, kêu:

— Bác cứ vào.

Vâng, nhưng bác đã « vào kem » chưa?

— Vừa lên bờ dựng nều xong là bác đến. Nhưng bác đừng ngại, tôi không kiêng cử gì đâu.

Người khách bước lên thềm. Y mặc một chiếc áo dài bằng the thâm, đầu bịt khăn đóng chữ nhật, chơn đi giày hăm ếch.

Y nghiêng mình chào Bằng rất lịch sự, rồi bước vào nhà.

— Chú Bằng, em họ của tôi. Bác Thụ, khai thác lâm sản ở vùng này. Mời bác ngồi.

— Cảm ơn bác. Thật tôi có lỗi quá, tôi...

— Thì đã ưng thuận rồi mà, bác cứ... Tồn bỏ lửng câu nói đoạn đây qua bác mà rằng:

— Bác Thụ đây là chỗ ban thân, tôi mời bác đến ăn Tết nhà mình cho vui.

Thụ nhột nhạt trước lời này, vì có khách lạ trong nhà. Tồn đoán biết nên nói luôn thêm:

Chú Tồn của tôi đây, còn không được như bác. Bác chỉ xa nhà thôi. Còn chú ấy thì không còn ai hết: Thị hai anh đến đây với tôi là phải.

Thụ vốn muốn tìm thân mật ấm cúng trong đêm giao thừa, lại gặp ngay người khách lạ, nên không khí bỗng trở nên lạnh lẽo; giây lâu anh nói:

— Tôi muốn xin phép xuống nhà sau thăm Cụ.

— Xin phép, xin tắc gì. Công việc xong cả, tôi chỉ còn đợi cúng giao thừa nữa thôi. Ta cũng xuống dưới ấy cho vui.

Phải, trong các gia đình nhà quê, nhà bếp là nơi vui vẻ nhất vào những đêm giỗ tiên thường, vào những đêm ba mươi tháng chạp. Vui nhờ đông người cũng có, nhưng cũng nhờ thứ khác.

Như đêm nay, dưới ấy chỉ có mình bà Cả, mẹ Tồn, và Dần, em gái của anh Thôi. Họ lại đang ăn một cái Tết giản dị của thời loạn (1), không nấu nướng gì cho nhiều; ngoài kia, không nghe lấy một tiếng pháo do những người ham giao thừa đi sớm như vào mọi năm thái bình, vậy mà nỗi vui cũng bừng dậy trong lòng họ.

Có lẽ nhờ sự sum họp, hay nhờ sự có mặt của một bà mẹ. Hay là nhờ ánh lửa?

Lửa bao giờ cũng vui, tiết ra nhiều sanh khí. Ba người con trai

đều đưa mắt nhìn những lưởi lửa đang liếm đáy của một cái chảo bắc trên ba ông tảo khổng lồ dưới trời đất.

Ánh lửa đỏ mót phủ màu mơ huyền hoặc lên ba gương mặt xương xươ, hân hoan vì sung sướng được sưởi ấm gần lò trong cái lạnh thử của tháng chạp còn chần chờ ở nhà lại đôi ba ngày cuối cùng.

Ngoài kia, bóng tối dày đặc, ngời bàn tay lên không thấy, cứ lăm lăm rình, chực chờ lửa hấp hối để trả ủa vào.

Đó là hình ảnh xa xôi của một thời tiền, loài người còn ở lỗ ăn lông, lại nhúm đông lửa ngoài cửa hang để sưởi ấm trong những đêm đông giá lạnh, hoặc để đuổi xua thú dữ.

« Hồi đó... hồi thuở đời xưa, trở lại đời Táo xuống làm thần giữ lửa... »

Ngày nay người ta đưa ông Táo về thói quen, vì loài người đã thu nhỏ lửa trong một hộp nhỏ, chỉ phát ra một cử chỉ nhẹ là có lửa rồi. Vị thần tôn lên trong một thời tối lạnh để giữ của báu đã bị bạc đãi từ lâu.

Nhưng thứ hình dung về hủi hủn của người thượng cổ khi mặt trời lặn xuống, lo sợ không biết rồi cả nguồn sáng và ấm ấy ngày mai còn trở lại hay không.

Thứ tưởng tượng nỗi vui mừng của người tiền sử, nhảy múa quanh lửa đầu tiên của nhơn loại, xẹt ra từ hai thanh củi khô cọ sát mãi với nhau, dưới bàn tay lơ đãng của một chủ hang.

Từ đó, từ ngày bắt gặp lửa, những đoàn du mục trôi nổi bình bồng mới dừng chơn quanh đồng lửa, lập nên

gia đình đầm ấm đêm đêm hằng nhen nhúm lửa thiêng.

Từ đó lửa muôn năm được nuôi nấng trong lò, như đời người truyền kiếp muôn thế hệ.

Bằng cầm một thanh củi mà trở cho lửa bốc lên. Củi nổ lách tách, phun lên những đám mưa than đỏ, tua tủa như pháo hoa cải.

Năm Ngo, Bằng nói, tôi lại nhớ đến một câu của Buffon: *Cuộc chinh phục đẹp nhất của loài người là con ngựa.* Nhưng thật ra chính lửa mới là cuộc chinh phục đẹp nhất của nhơn loại.

Lửa nhánh cây khô của những kẻ đi rừng như tôi, lửa hoa tiêu, nguồn sống độc nhất ngoài khơi, lửa thuyền chài « nhấp nháy trong sương », lửa câu dằm trên ruộng vắng, lửa lò sưởi của kẻ bó rơm tro lòng, tất cả đều là bầu bạn, hay an ủi vô về.

Con Dần thường bị má tôi mắng vì dễ bấp lửa tắt. Không biết vì thói quen hay vì nỗi băn khoăn đi truyền mà má tôi thường đề tâm nhen nhúm lửa cả ngày lẫn đêm. Chiều nào má tôi cũng bảo chị tôi chụm vài thanh củi gang. Thứ củi ấy chắc thịt, đậu than bền. Rồi đến đêm má tôi cho phủ lên đó một lớp tro mỏng. Thế là than âm thầm ngủ chờ đến sáng.

Vốn thừa tự nỗi lo âu truyền kiếp ấy, tôi buồn rười rượi và thương hại vô ngần mỗi khi nhìn một mái nhà không quyen khói, vì

Cái bếp lạnh, mái nhà không quyen khói. Là không có người nhen nhúm lửa thiêng. Đó là hai câu thơ mà anh tôi đã làm ra, và lúc sanh tiền anh rất thích ngâm.

Bấy giờ trà nước đã kêu ầm. Bà Cả bưng lại một rổ bánh chưng rồi cầm từng chiếc bánh một mà thả vô đó. Bánh rơi xuống nước kêu cái chũm, vài giọt nước nóng toé lên. Bà Cả vội giũ tay ra, rồi bốc chiếc bánh khác.

— Lạ quá! Thụ nói, năm ngoái con cũng ăn Tết ở nhà này với Cụ và anh Tồn mà con quên hỏi về vụ bánh chưng này. Hình như người miền Trung và miền Nam chỉ biết gói bánh lét thôi, có sao...

Bà Cả cười mà ngắt lời:

— Ấy những gia đình cổ ở đây vẫn còn nhớ cách thức gói bánh chưng.

Gom thật, truyền đến bảy trăm năm.

— Cái gì bảy trăm năm.

— Thì cái bánh chưng chứ gì. Từ đất Bắc vào đến vùng Thanh Nghệ thì nó đã biến thành cái bánh tét rồi. Bánh tét đi bảy trăm năm mới đến miền Nam. Nhưng làm sao mà người miền Nam còn nhớ được cách gói bánh chưng.

Bà Cả cười hề hề:

— Tôi cũng chẳng biết vì làm sao. Tôi học với mẹ tôi, mẹ tôi lại học với bà ngoại tôi, và chắc là cứ như vậy cho tới bảy trăm năm về trước.

— Thừa cụ, tại làm sao cụ lại không gói bánh tét như tất cả mọi người khác.

— Bánh tét chặt tay lắm, ông tôi hồi sanh tiền ông không ưa, nên tôi phải gói bánh chưng, rồi nó cứ quen cái lệ đi.

Một chị hàng xóm bỗng bước vào, tay xách hai đòn bánh tét cột dính đầu lại với nhau.

— Thừa bà, bà làm ơn cho cháu gói hai đòn.

— Bánh này lớn quá, sao không đem sớm để lột trà, giờ bỏ vô nó



nhẹp cả bánh của tao. Thôi, thì cũng cứ gói đi chứ biết làm sao bây giờ.

Chị hàng xóm cần thận như thả trứng để luộc, hít hà nhìn hai đòn bánh nặng chìm mau, xuýt xoa sợ bề vỡ cái gì dưới ấy, đoạn chào tất cả rồi ra về.

Thịt mỡ dưa hành, câu đối đỏ. Nêu cao, tràng pháo bánh chưng xanh. Bằng lơ đãng nhìn lửa, đọc lên hai câu đối ấy rồi như nhớ sự lại cái gì, dạy qua hỏi Thụ:

— Chắc anh thích ăn bánh chưng hơn bánh tét nhiều?

— Phải, ăn Tết trong gia đình này, tôi thấy gần với quê tôi hơn trong bất kỳ gia đình nào ở đây. Nhưng...

— Nhưng làm sao?

— Nhưng mà cũng chưa thật ph

cái không khí Tết của ngoài tôi...

— Ừ, Tồn nói hớt, anh nói còn thiếu cái lạnh, còn thiếu bình thủy tiên, thiếu hoa nở, thiếu lộc non, và nhiều thứ lặt vặt khác, và tất cả những thứ lặt vặt ấy hợp lại thành một thứ lớn gì mà anh nói ra không được, mà vẫn nghe là rất khác cảnh ở đây.

Bằng rất chú ý đến những lời đó. Chàng mỉm cười nhìn những bóng người mùa nhẩy chạp chơn trên vách bồ kho.

Giây lâu anh nói, không nhìn ai hết, không biết để đáp lời Tồn, hay bày tỏ với Thụ.

— Cái gì cũng do thói quen anh à. Anh thấy mãi lối ăn Tết ở miền Bắc, rồi ngỡ là Tết phải như thế, khác đi thì không phải Tết nữa.

Thói quen gặt găm lắm đó anh. Như chúng tôi đây quen quá với lối ăn Tết với dưa hấu và đường phôi, rồi thấy không phải Tết nữa nếu thiếu hai thứ ấy. Nhưng ngoài anh thì làm gì có dưa hấu vào mùa Tết, cho nên không có dưa đỏ, anh chỉ dừng dừng như không.

Con người ta hay bảm vùi vào những hình ảnh quen thuộc màu sắc, những mùi vị quen thuộc lắm. Bảm vùi vào rồi thấy nó là thiêng liêng, không rời được nữa.

Đất, mồ mã, gia đình cái gì cũng thiêng liêng tuốt. Thì thiêng liêng thật đấy. Nhưng cái thiêng liêng ấy chỉ do mình tạo ra để mà mến vậy thôi, chứ chính nó thì chẳng thiêng liêng gì. Người du mục chắc là không mến đất, không bận rịn, quyen luyến mồ mã tổ tông, vì hân hỏa táng kia mà.

Tôi nói điều này không ngoa là nhiều khi người ta không dám làm một việc gì chỉ vì tiếc mồ đồ sử cô. Nếu một tai nạn xảy ra đập bể những món ấy đi, tự nhiên người ta xuýt xoa thương tiếc vài ngày rồi sợ giấy vô hình ràng buộc họ với các thứ ấy tiêu đi lần lần cho đến một khi kia, họ không còn bận bịu gì nữa.

Thụ và Tồn cảm nghe một sức dưng chạm rất khó chịu trước những lời này. Thụ nhìn Bằng rất lâu rồi hỏi:

— Anh tự nhiên mà có những ý tưởng ấy từ lâu rồi, hay anh học ở sách nào?

— Trước kia, tôi cũng như anh, cũng như Tồn. Nhưng « đồ sử cô của tôi » bề lần lần hết sạch và lần lần, những ý nghĩ ấy thành hình trong tôi.



Xế trưa mồng ba, Tồn cũng đưa ông bà xong rồi nói:

(đọc tiếp trang sau)

— Chỉ còn một bữa cơm nữa thôi
mai anh bằng lại lên đường. Anh
Thụ có gì vui không, để tiền anh ấy
trong bữa ăn.

— Tôi chỉ muốn đưa anh Bằng một
câu, nhưng lại sợ mich lòng.

— Không, anh không thể làm mich
lòng tôi được, cứ đưa đi.

— Như thế này. Anh không nhận
sự thiêng liêng của mọi việc. Nhưng
anh lại thấy cái Tết trong gia đình
là thiêng liêng.

Bằng mỉm cười, nhìn Tồn như bảo
anh ấy trả lời giùm anh.

— Không, anh Bằng không phải về
đây ăn Tết như anh đâu. Anh chưa
hiểu bụng anh nên không cho anh
biết gì hết. Thật ra, anh chỉ về để rửa
tôi đi.

Và một miếng thịt mỡ với dưa giá,
củ kiệu, Bằng ngón ngấu nói bằng cái
miệng đầy ư :

— Kể ra thì thịt mỡ cũng thiêng
liêng đấy chứ. Có cả một câu ca dao
lâu đời về thịt mỡ dưa hành. Nhưng
các anh à, dân Việt Nam đưa ông bà
ngày mồng ba Tết, ngày mồng ba là
thiên liêng. Nhưng dân Nam Việt
(trừ vài gia đình cổ như nhà ta đây)
lại đưa ông bà ngày mồng bốn, ngày
mồng bốn là thiên liêng. Vậy cái
thiên liêng chỉ tùy địa phương thôi
à ?

Bữa cơm chót của Bằng lạnh không
phải vì ai giận ai, mà vì Bằng đã làm
họ lạc hướng, và họ đang cố liêu hóa
món ăn nặng hơn thịt mỡ mà Bằng
đã đưa ra. Họ uống rượu nhiều, để
nhận chìm những băn khoăn mới.

Trên bàn thờ nhang đã cháy lụi tới
cọng tre son đỏ ; bình hương, sau ba
ngày Tết, trông giống như một hải
cảng sầm uất với rừng cột buồm chia
thẳng lên trời. Cột buồm ở đây là
những chum nhang xanh, đỏ mọng
như lau sậy trong vườn hoang. Một
cọng nhang trước khi chết, bùng lên
trong cơn hấp hối. Gặp một luồng gió nhẹ
thổi vào, lửa bắt cháy thành ngọn.

Cả ba gặt gu, không ai hay gì cả,
cho đến khi tàn lửa rơi xuống mặt
bàn thờ, ngùn cháy vật gì đó, Bằng
mới ngược lên, đánh hơi rồi kêu :

— Gì mà nghe khen khét !
— Với anh thì cái gì cũng khét tuốt,
không có gì thơm cả.

— Thật chứ không giỡn đâu. Hai
anh lắng nghe thử coi. Tồn hình như
hít hết hơi vô :

— Ủy, thật các bạn à !
Thụ ngó nháo nhác rồi vừa hít, vừa
nhảy xuống ván :

— Ấy chết, lửa trên bàn thờ.
Cả ba cùng chạy vội lên đó. Lửa



không còn un khói nữa mà đã bắt
ngọn lên cao đến đầu con lân của
nắp chiếc lư đồng vò cua.

— Trời ơi, chết tôi rồi, Tồn kêu
thất thanh, linh quỳnh xô ngã cả
chờn đèn, lư đồng, mà không dập
lửa.

Thụ bình tĩnh nhảy lên một cái
ghế đầu, trật khăn đóng đập vào
ngọn lửa. Ngọn lửa đã hạ. Những
mảnh lửa vụn bị bắn tung lên bay
như bướm bướm. Thụ lại với tay
lấy tờ sớ cổ đựng đầy nước lạnh trên
bàn thờ, tưới ngập chỗ còn ngùn
khói.

— Sợ nhiều hơn bị thiệt hại, anh
Tồn à, gì mà như là quyền lịch Tàu
ấy, Thụ nói.

Tồn đứng chết sững như trời trồng,
hà miệng, trở mặt mà nhìn những sợi
khói thừa, nhỏ như sợi chỉ uốn mình
theo hình khu ốc bay lên trần.

— Đã bảo không thiệt hại gì mà !
Sao anh chết sững thế ?

— Tồn chồm lên bàn thờ đưa tay
kéo quyền lịch. Giấy bản cháy, nhưng
tro còn y tờ. Tồn kéo ra thì những
tờ giấy ấy lại rã nát xuống như hoa
cải rã ra khi người cải tằm nấp
hôm lên. Tay anh run run hốt mở tờ
giấy ấy lên, ngửa ra mà xem, rồi
những ngón tay gân guốc co quắp lại
vò bẻ vụn ra trong một cơn tức giận.

Cái nắm tay chân nắn từ từ rút
xuống, rồi tro tàn bên cạnh bàn thờ.
Tồn bơ phờ nhìn Bằng.

— Quyền gia phả nhà ta !
Bằng sửa lấy một vẻ mặt buồn cho
hợp lúc, một vẻ mặt buồn gượng gạo
còn lưu lại rất nhiều dửng dưng :

— Thôi, anh à, chân vụn gia đình
khác không có nó thì đã sao.

Trong khi Tồn còn tần ngần đứng
nhìn đồng tro, Bằng kéo Thụ trở lại

mâm cơm. Họ không ăn nữa.

— Anh Tồn tôi ảnh cứ tự hào về
cái dòng họ cổ như Nam Việt của
chúng tôi. Còn mồ mả những mười
một đời ! Gia phả chép về tổ
tông đến hai mươi đời !

« Tự hào và mãi vương bận vì những
cái đó. Tình quyến luyến ấy, theo tôi,
cũng không hại gì. Ác một nỗi là nó
lại kéo theo cả bầy cả lũ những thứ
tinh ý khác, cái nào cũng cổ kìn như
ngôi mộ cổ đóng rêu. Thí dụ, ảnh
nặng nề bảo rằng một cuộc kỹ nghệ
hóa xứ sở sẽ giết chết chất thơ của
những cánh đồng nhà quê ta đi, vì
một lần kia đường rầy xe lửa xuất
đi ngay qua thỏ mộ nhà chúng tôi.
Thật ra thì không phải ảnh sợ xe lửa
động long mạch lắm. Ảnh thành thật
tin tưởng thế, tin nơi sự thiêng liêng
của một trật tự cũ, thấy ngôi miếu
nhỏ dưới gốc cây đa là đẹp, thấy con
trâu kéo cây trước một rặng tre là
nên thơ. Theo tôi thì những trò ấy
chỉ là trò quen mắt thôi. Hai trăm,
năm trăm, người ta sẽ quen với hình
ảnh anh thợ máy ngồi trên máy cày
trước rặng tre, và hình ảnh mới ấy
cũng sẽ nên thơ được như thường. »

Thụ không nói gì, lại uống thêm
một cốc rượu để nhận chìm những
bàn khoăn vừa mới dậy...

— Thế nào anh Tồn, hết buồn rồi
chờ. Dầu sao, anh cũng phải rán mà
vui, vì mai này tôi đã lên đường rồi.
Rồi anh sẽ thấy, mỗi lần anh mất đi
một quyền gia phả như vậy là lòng
anh nó biến chuyển đi một bước.

— Hết rồi, chú ơi, thật là đã hết.
Tôi chán nản vô cùng.

— Có gì mà chán nản ? Tồn tiên ta
cũng vẫn còn nơi lòng ta, mặc dầu
đã mất ghi trong tập giấy cháy. Và
anh tự hào về dòng dõi mà làm gì
chờ.

Xã hội loài người làm bằng muôn
triệu kẻ vô danh, chờ không phải làm
bằng dòng dõi họ Lê hay họ Trịnh.
Muôn triệu kẻ vô danh ấy vì trời nổi
lưu lạc có thể không biết đến ông tổ
hai đời của họ. Nhưng họ vẫn giỏi
đang được và giúp rất mạnh vào sự
đi tới của loài người. Lần sau, tôi về,
chắc anh hiểu tôi hơn.

— Mai anh đi thật sao ?

— Chờ đi giả làm sao được.

— Anh nán lại năm ba ngày không
được à ?

— Cũng được, nếu cần. Có cần gì
tôi không ?

— Không, nhưng tôi cần suy nghĩ
lại trước khi buông anh ra.

B.N.L.

ĐỜI MỚI



★ QUANG DŨNG ★

Chợt mưa phùn gió lạnh,
Càng lạnh càng hoa mơ ;
Đất trắng ngân cánh rụng,

...

...

Càng mưa phùn gió lạnh,
Càng lạnh càng hoa mơ !
Càng yêu màu trần thu

Mở bạc qua màn mưa.
Ôi ! Những bàn chân nhỏ
Từng đau đón bao giờ ?

Đường tàn cư lầy lội,
Run run leo cầu tre.

...

Trời mưa giăng màu xám,
Màu thê lương lại về.
Hoa mai đầu nở trắng,

...

Mai mùa xuân xanh tốt,
Mùa xuân chẳng lỗi thề,

...

Trời mưa giăng màu xám,
Bồi vì đầu thê lương ?
Chân đơn chiếc khôn ấm,

Già càng đau nhớ thương
Bao nhiêu vành khăn trắng ?
Đằng đẳng tin sa-trường...

...

Trời mưa giăng nước mắt,
Sông "tê" bên quạnh hiu,

...

Người sao hết dăm chiều ?
Ngày xuân đầu hứa hẹn,
Cỏ hoa biết gì đâu ?

Mấy mùa xuân vắng lạnh,
Mấy mùa đông tiêu điều...

...

Càng mưa phùn gió lạnh,
Càng lạnh càng hoa mai,
Càng nhớ xa xôi lắm,

Những con đường chạy dài,
Từ biên giới xa xôi...
Lau cao mờ dột gió,

Cỏ hoang mờ những ai ?
Là tá trong mưa lạnh,
Âm thầm qua viếng người.

Quê hương chừng xa lắc...
Thăm mờ... mấy cánh mai.

Nay mai lại tiết Xuân,
Từ đầu rừng cuối
biên.

Qua trùng đường
mấy lần,
Chúng ta dù cách
biệt,

...

Cùng chung một mùa Xuân.
Cùng chung một thế kỷ,
Cùng đau khổ vô ngần...

...

Quê ai không khăn trắng,
Nhưng chắc có màu tang.
Những người con đi vắng,
Những mẹ già nhớ thương.

...

Trời mưa giăng màu xám,
Bồi vì đầu thê lương ?
Hoa có dâng màu trắng,
Đời còn đang chiến trường.

...

Trời mưa giăng nước mắt
Màu thê lương lại về,
Hoa mai đầu nở trắng,

...

Mai mùa Xuân xanh tốt
Mùa Xuân chẳng lỗi thề,

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

...

TẾT RỪNG XANH

ĐÚNG 1 giờ sáng, chúng tôi bắt đầu mất liên lạc với anh em. Trời mưa dầm, lạnh buốt xương, dãy núi Trường sơn đen ngòm như một viên mực tàu khổng lồ, dày đặc gai góc giãy nhậy chẳng chịt lẫn nhau bủa lải «bát quái» trùm lấy chúng tôi, một thiếu nữ và ba thanh niên, với một bao lương khô, một con ngựa gầy và vài thứ vũ khí tùy thân, quần áo ướt như chuột lột. Tất cả bị lạc lỏng vào giữa rừng xanh đêm 22 tháng chạp Tết năm ấy.

— Anh Nam ơi! Sao Bắc đầu ở ngã nào rồi anh?
— Chị Hoài im miệng đi! Cọp nó xoi cả lũ bây giờ! Dao găm san sàng ở tay! Chúng ta sắp đi tìm Nam tào chứ không phải Bắc đầu nữa đâu. Tôi gắt người bạn gái đồng hành.

Tép! Tép!
Tiếng Cọp gầm, rít lên, ran ran vào sườn núi, gió thổi ào ào, mưa tầm tã. Bò bằng bốn chân, cúi nấp mình dưới cành lá rậm rạp, chúng tôi vừa chuyển dịch vừa lắng nghe gai góc ghi lại trên lưng một cách tỉ mỉ những gian khổ của một cuộc đấu tranh.

Tuấn ngã rồi! các anh ơi!
Hoài la thất thanh.
Có tiếng sột soạt của một cái gì đang rơi lóng lóng từ trên cao xuống. Tuấn ngã! Tuấn tuột chân rơi xuống vực!

Thiệt vừa nói vừa mở tung cuốn dây mang sẵn sau lưng buộc một đầu vào một góc cây, rồi vọt theo dây tuột xuống núi tìm Tuấn. Mắt chừng một tiếng đồng hồ, mới kéo được Tuấn lên nhưng Tuấn đã mê man, vì cánh tay trái bị gãy.

— Anh Nam à, Tuấn đau, em cũng mệt lắm chúng ta hãy tạm nghỉ chứ đi sâu vào rừng xanh lắm rồi. Hoài vừa run vừa rên trong một bụi rậm.

— Mệt rồi à! Trốn cõ lại mà khiêng đi! Tôi đã thường bảo anh Nam là gặp

— Để cho chị Hoài ở lại đây, tìm lấy một đực lang quân «Đuôi ươi» nửa rồi dựng nhà bên suối mà ở.

Cả ba cùng cười, tiếng cười ran ran vào sườn núi, tan dần trong tiếng suối chảy, nhỏ dần rồi chìm hẳn vào núi rừng tịch mịch.

Rừng quá rậm rạp lại có sương mù phủ kín nên ban ngày không thể tìm được bóng mặt trời, ban đêm không thấy trăng sao. Sau khi thảo luận với các bạn đồng hành, chúng tôi quyết định men theo giòng suối chảy mà đi vì theo kinh nghiệm, suối bao giờ cũng chảy xuôi về đồng bằng cả.

Không một đường mòn, không một bóng người, tôi đi trước cầm dao mở đường, Thiệt đi sau cầm súng hộ vệ. Hoài và Tuấn cỡi ngựa đi giữa. Đường đi theo hình tròn ốc, từ cao xuống thấp, từ đỉnh núi bắt qua đỉnh kia rồi vào nhau như hình con số 8. Càng đi càng thấy núi rừng trùng trùng điệp điệp, vòng vây của Thiên nhiên hình như càng ngày càng dày đặc. Sự sinh hoạt của thú rừng càng ngày càng thấy nhộn nhịp thêm. Cọp uốn nước, voi kéo đàn kéo lũ lên xuống núi, bò rừng, hươu nai đùa rôn dọc theo đường đi. Thiệt thở dài bảo tôi:

— Phải tính kế lâu dài mới được đường còn xa lắm, có lẽ chúng ta lạc sang Cao mên mắt, anh Nam ơi!

Hoài là đọc đường, tôi và Thiệt mồi hôi trán nhỏ giọt, đã hai ngày trời chúng tôi không có một tí gì lót dạ. Tuấn không bước được nữa.

Thiệt đưa Hoài và Tuấn vào nghỉ trong một bụi rậm, tôi xách lựu đạn xuống suối tìm đồ ăn. Hai tiếng liền tiếp, bọt nước tung lên, cá lớn bé chết nổi trắng bụng giữa vực sâu và bị nước cuốn trôi theo giòng. Tôi đứng ở dọc bờ vớt cá lên, nhóm lửa nướng chín rồi mang về. Cả bọn chế một bữa thật no nê.

Tôi dắt ngựa xuống bờ suối cho ăn cỏ, Hoài lo buộc lại vết thương cho Tuấn, Thiệt xách súng vào rừng tìm đồ ăn buổi chiều.

Trời đã xế chiều, tôi đã sắp đặt việc khởi hành xong vẫn không thấy Thiệt về. Chờ mãi đến tối Thiệt cũng không về. Tôi và Hoài hoảng hốt



phải xông vào rừng tìm Thiệt.

Bằng qua hai ba đỉnh núi. Trong đêm tối, chúng tôi vừa đi vừa gọi âm ỉ mà vẫn không tìm thấy một dấu vết nào của Thiệt, đành trở lại chỗ cũ.

Suốt đêm ấy, cả bọn không thể nhắm mắt được. Hoài khóc, Tuấn khóc, cả bọn tôi mong cho trời sáng để đi tìm Thiệt.

Hai hôm sau, chúng tôi mới tìm thấy thi hài của Thiệt đã bị giầy nát ra nhiều mảnh. Thiệt chết dưới một gốc cây đổ, có nhiều dấu chân của voi dẫm nát mái rừng chung quanh.

Tôi biết ngay là Thiệt đi đường gặp voi nên treo lên cây trốn nhưng chẳng may bị voi nhìn thấy nên đã bị nạn.

Giữa cảnh núi rừng âm u thăm đậm, hai chúng tôi vừa khóc vừa nhặt xác Thiệt, rồi mai táng Thiệt trong một hốc núi, tôi rút lưỡi lê ghi lên tảng đá lớn bên cạnh đó một dòng chữ:

Ngày 27 tháng chạp năm Thiệt, Nam, Hoài và Tuấn lạc đường vào đây, Thiệt bị nạn đã táng ở chỗ này.

Đọc đường về, tôi buồn man mác, thương bạn, thương mình thương những người cùng thế hệ, lo lắng ngày mai chưa biết ra sao khi mình đã mất Thiệt, một người bạn can trường tháo vát, Tuấn thì còn đau nặng, Hoài cũng đang ốm dở trong lúc núi rừng càng đi càng thấy dày đặc, ngày mai vẫn còn chìm đắm trong sương mù.

Từ đây trở đi, tôi vừa dắt ngựa vừa phải cầm dao chặt cây cối mở đường, Hoài cầm súng đi sau bảo vệ cho Tuấn cỡi ngựa đi giữa. Chiều 29 Tết, chúng tôi gặp được một hòn núi bằng phẳng, ít cây cối. Thấy Hoài và Tuấn đã kiệt sức sau một ngày đường gian nan, tôi quyết định dừng chân nghỉ xác ở đây ít lâu.

Một túp lều nhỏ lợp lá chuối rừng được cất lên trên chóp núi, chung quanh có hàng rào bằng nửa xanh bao bọc.

Tuấn vì bị gãy một cánh tay, thiếu thuốc men, lại phải đi đường liên tiếp nên sức Tuấn hôm đó đã suy nhược lắm. Anh nằm mê man không chịu ăn uống gì cả. Tôi và Hoài nhìn nhau thở dài.

Sáng 30 Tết trong lúc ở đồng bằng, đồng bào rộn rịp sắm sửa đón xuân sang, thì ở đây tôi và Hoài xách súng thất thểu vào rừng tìm đồ ăn lót dạ, chúng tôi đã nhịn đói suốt một ngày hôm qua. Hai đứa mới đi được một khoảng đường thoáng thấy một đàn bò rừng đang ăn cỏ ở bờ suối bên kia. Hoài và tôi lên lội xuống nước trèo lên một hòn đá thật lớn nằm giữa dòng suối.

Nhắm vào con bò lớn nhất đàn, tôi kéo cò súng.

Đoàng! Hoảng hốt, đàn bò chạy tung ra từ phía rừng.

Đoàng! Một tia lửa bật sáng, con bò vừa bị thương nhảy xổ húc đầu vào hòn đá chỗ chúng tôi đang ngồi. Lập tức tôi bắn tiếp luôn phát thứ hai, thứ ba, thứ tư, con bò ngã lăn kinh giữa suối. Ngoảnh cổ lại không thấy Hoài.

Hoảng hốt nhìn từ phía, Hoài vì sợ hãi đã ngã xuống suối đang bị nước cuốn theo giòng lăn tròn như một khúc gỗ. Tôi nhảy bổ xuống dòng nước chảy như tên bắn, đuổi nhau tới một vực sâu mới vớt được Hoài lên. Nàng đã mê man bất tỉnh nhân sự.

Họa vô đơn chi! Tôi cống Hoài về đặt nằm chung giường với Tuấn loay hoay chạy chữa, chiều tối ngày 30 vào lúc thiên hạ làm lễ «trừ tịch» thì ở đây Hoài mới tỉnh lại.

Tôi lạy trời vào rừng nhóm lửa nướng thịt bò mang về, ăn no nê rồi cả hai đứa lên nằm bên cạnh Tuấn. Vào khoảng giao thừa, đang ngủ mê một bỗng nhiên tôi giật mình tỉnh dậy, nghe tiếng Tuấn thở dài gấp rút, tôi lại gọi Hoài dậy đốt lửa lên.

Tuấn, mặt xanh mét, mắt mờ trừng trừng nhìn chúng tôi, nước mắt dàn dụa, hai tay run lay bầy. Tuấn lịm dần rồi tắt thở.

Sáng mùng một Tết, chúng tôi đưa Tuấn ra huyết, người bạn đồng hành

thứ hai đã bỏ chúng tôi sang thế giới khác. Hoài ôm lấy tôi khóc, tiếng khóc nức nở theo tiếng suối chảy tiếng vượn hót, nghe bi sầu ảo não như một bản «nam ai».

Dựng xong chiếc bàn thờ bằng nửa tôi lấy lưỡi lê vạch bức bản đồ Việt nam lên một tảng đá rồi đặt lên bàn thờ có bài vị của Tuấn và Thiệt. Từ giả túp lều chúng tôi lại tiếp tục lên đường.

Ngày đi, đêm nghỉ trong các hang đá, Hoài cưỡi ngựa, tôi đi chân. Chiều mừng ba Tết, tôi lên cơn sốt phải nằm lại dưới một bụi cây lớn dọc đường. Đạn hết nhẵn, súng đã thành vật vô dụng. Hoài đói lả nằm mê mết bên cạnh tôi. Đánh thức Hoài dậy, tôi bảo nàng:

— Bây giờ cùng kể rồi, tôi định giết con ngựa ăn thịt, Hoài cố gắng đi chân nhé! Nếu không, chúng ta cũng chết đói ở đây mất.

Hoài khóc, nàng nhất định từ chối. Chúng tôi đành dắt nhau đi bắt «nhái» nhóm lửa nướng chín rồi mang về ăn với rau má nhỏ được ở các gốc cây gần bờ suối.



Quần áo cả hai đứa rách tả tơi, râu và tóc càng ngày càng mọc dài. Hoài, cô nữ sinh trường Đồng Khánh năm xưa, bây giờ chỉ còn là một người rừng, da đen như Mọi.

Suối vẫn chảy xuôi, chúng tôi vẫn đi núi rừng vẫn mù mịt không một mây may hứa hẹn của ngày mai.

Đi ba hôm liền, lết dạ dày bằng củ nâu cùng các thứ mầm non của cây cối hái được dọc đường. Hoài đã quá kiệt sức. Không thể nào ngồi vững trên lưng ngựa nữa.

Ngồi thiu thiu bên cạnh chỗ Hoài nằm, tôi chưa nghĩ ra được một lối thoát nào cho số phận cả. Bỗng thấy xa xa, ở đỉnh núi bên kia thấp thoáng có làn khói xanh bay lên. Tôi mừng cuống quít, vội bế Hoài đặt lên ngựa, trói chặt nàng ở trên yên. Tôi dắt ngựa đi tìm chỗ phát sinh làn khói đó.

(Xem tiếp trang 38)



của Giang Tân



Hôm nay nhìn lên tấm lịch đúng vào ngày kiêng của dân Việt mình :

14 tháng 10 (thiếu) năm Quý Tỵ.

Mồng năm, mười bốn, băm ba, Cừ ba ngày ấy đừng ra khỏi nhà.

Chính ngày hôm nay tôi nhận được thư Bạn. Trong thư, Bạn dặn phải viết thư kể cho Bạn biết Sài Gòn sắm sửa đón Tết ra sao và nhất là Bạn lại cố đòi hỏi tôi phải cho Bạn rõ cảm tưởng của tôi đối với Xuân năm nay như thế nào, thật khó trả lời cho Bạn !

Hôm nay là ngày kiêng, một trong ba ngày trong tháng không nên « ra khỏi nhà ». Có lẽ ở thời đại nguyên tử này chẳng còn có ai tin vào hai câu trên đây, nhưng nếu có ai tin chẳng nữa thì người cầm viết, sống với ngòi viết cũng không được góc viết dù có đoán biết « bút sa có lúc nhà phải cháy ». Tôi không kiêng nên tôi đã dám viết thư trả lời Bạn.

Viết thư Xuân cho Bạn ngày hôm nay kể cũng hơi sớm đây ! Hay Bạn cũng có quan niệm đón Xuân như làng báo đón Xuân, chưa đến Xuân nhưng cứ tưởng tượng Xuân đã về, rồi viết lên đây tập báo, in trước một hai tháng, ngời đợi Xuân về, đem bán cho thiên hạ và bắt thiên hạ thưởng Xuân qua óc tưởng tượng của mình ?

Xuân năm nay sẽ phải khác Xuân năm ngoái, Xuân Quý Tỵ ắt không thể giống Xuân năm Ất Dậu. Mỗi năm Dân Tộc mỗi khôn lớn thì mùa Xuân Dân Tộc cũng phải thay đổi. Theo luật biện chứng, trong vũ trụ có vật nào đứng yên, nên có mùa Xuân nào lại có thể giống một mùa Xuân nào được.

Nói dài giòng như vậy là cũng chỉ muốn cho bạn biết ngay bây giờ dân Saigon chưa có dấu hiệu gì sắm sửa đón Xuân nhưng làng báo ở đây đã rục rịch đón Xuân rồi !

Chính tôi cũng bắt đầu « khai bút » từ một tuần nay. Phải nói là « khai bút » vì mình đã viết những ý nghĩ, tư tưởng của mình trong năm con Ngựa trong lúc mình sẵn còn lệ thuộc vào khoảng thời gian của năm con Rắn.

Saigon đã sắm sửa đón Tết chưa ? Chưa có dấu hiệu gì cả mà chỉ có làng báo ở đây rục rịch đón Xuân, cũng như tôi, tôi đã viết bài về Xuân mặc dầu Xuân chưa đến. Đã kể rõ Bạn nghe, nhưng e rằng Bạn còn thắc mắc muốn biết Saigon sắm sửa đón Tết ra sao nên tôi cũng phải trả lời Bạn biết, trả lời cho Bạn theo óc tưởng tượng của tôi nhưng phải nói để Bạn yên tâm sự tưởng tượng ấy không đi xa sự thật quá nhiều vì hơn một lần tôi đã đón Xuân giữa thành phố Saigon và năm nay chắc chắn tôi cũng sẽ đón Nàng giữa Saigon « tài hoa » này.

Vậy chúng ta hãy dắt tay nhau dạo một vòng khắp các ngã đường Saigon, Cholon thử nào ? Ở ! Tôi đã bảo Saigon chưa có dấu hiệu gì sắm sửa đón Xuân mà chúng ta đi dạo như thế còn nghe thấy cái gì nữa ! Thôi cứ cho Saigon đang ở khoảng thời gian một tháng trước Tết hoặc ở những buổi đầu năm con Ngựa đi Bạn nhé ! Chúng ta có thể tai nghe, mắt thấy những gì ?

Catinat, Bonard, Gia Long, Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, Chợ Bến Thành, cầu Ông Lãnh trăm nghìn con đường

khắc nữa đều đông nghịt người đi sắm Tết. ...

Ngày đêm, làn sóng người và xe cộ va nhát là xe cộ như không bao giờ ngừng chảy. Sắp đến ngày Tết hay giữa canh Tết về, cái gì cũng tưng bừng hơn thường lệ. Người như hình đông hơn, xe cộ đông hơn, hàng hóa nhiều hơn, và giá bán mọi vật cũng có phần tăng lên, rồi tiếng ồn ào... tất cả và tất cả cái gì cũng phần nhân lên gấp năm, gấp mười cả Bạn ạ !

Chợ Bến Thành, đúng vào địa điểm chúng ta lại thấy dựng lên những gian lều bày la liệt nào mứt, rượu, bánh ngọt... nhân vật giữ hàng vẫn những khuôn mặt trát đầy phấn và luôn luôn nở nụ cười như những hình nộm để đón đưa khách. Saigon cũng như Huế, Hà Nội Hải Phòng và tất cả mấy lòng thành phố « hoa lệ » trên giải đất nước mình kể nặng túi bao giờ cũng ăn Tết tưng bừng nhộn nhịp hơn kẻ khổ rách áo ôm điếm ấy chắc mọi người đều cùng một sự nhận xét như chúng mình.

Hãy nhìn cảnh ấy giữa Saigon đã Trông kia, một bà béo tròn như con lợn quay mới ở chợ Bến Thành bước ra. Thưa sau bà, ba bốn người : đàn ông vừa đàn bà đang hì hục khuân vác những vật bá sấm : nào lể jume Dalat, cam Tàu, dưa hấu Trảng Bưng, Ba Quẹo... đã



thứ, trong chợ bày bán vật gì là bà sắm đủ vật ấy. Nếu Saigon có đủ « hai trăm gia đình » như gia đình bà thì dân nghèo chắc không còn thể nào sắm nổi một thứ gì mà ăn Tết nữa nhất là đối với cái Tết năm nay, mọi vật tăng giá vùn vụt...

Nọ, một lớp người : trai cô, gái cô, đàn ông, đầu trét « bi ăng tin » láng bóng, dùng da đũng đĩnh trong bộ « com lê » có những đường xếp sắc như lưỡi dao, lẻo đẻo theo sau là những người đàn bà, sồn sồn tuổi cô, « xuân xanh đến tuổi dậy thì » cô, tà áo của họ thôi đủ màu sắc sỡ ; cổ, tai, ngón

tay... đều bị « xiềng » nào cả rá, bông tai, nhẫn, kiềng vàng... Màu vàng dưới ánh nắng mặt trời làm khổ mắt cho những khách qua đường thôi ! Họ nhớn nhoe dạo khắp các ngã đường, vào tiệm này hỏi mua vật nầy, vào tiệm khác, tìm mua vật nọ. Mỗi lần họ đi qua, một mùi hương thơm nức xông lên tường thành như họ vừa tắm trong bể nước hoa mới ra.

Xem chừng họ đã mỏi chân rồi đây ! Cả lớp lại ghé vào một tiệm giải khát. Từ này đến giờ, họ lo sắm sửa đón Xuân và chính lúc này họ cũng đang sắm sửa đón Xuân. Mấy anh « xéc vơ » chạy xăng xít, dạ dạ, vàng vàng, chờ mong ở một món « buốc boa » hậu hơn ngày thường. Mấy em bé đánh giày cũng đã chực sẵn.

— Đánh giày thầy ? Đánh giày cô ? Thấy cô gật đầu.

Các em cúi xuống, (mấy chân thầy, ôm lấy chân cô. Năm hết Tết đến, mấy em tò mò muốn xin thầy cô lên ba đồng, nhưng kỳ kèo rồi thầy cô vẫn trả đúng theo giá thường lệ : hai đồng, không thêm không bớt.

Mấy em lại mang chiếc hộp gỗ, đứng nhìn và chờ đợi, sắm sửa đón Xuân bằng cách sắm sửa Xuân cho thiên hạ trước đã.

Sữa tươi vào, thầy cô đã lại sức. Thấy cô vừa sửa soạn đứng dậy, là có người đứng chực chờ hết ly sữa của thầy cô uống còn lại, hoặc dành dặt nhau cái bánh ngọt có rang thầy cô cần đỡ.

Bạn họ hấp tấp nhét vào dạ dày chút của thừa của thầy cô sắm sửa đón Xuân, còn sót lại. Họ cũng sắm sửa đón Xuân đây !

Thầy cô bước ra cửa. Đã có sẵn mấy cỗ xích lô chờ chực. Thấy cô bước lên xe, cười cười, nói nói bàn tán về Tết, về Xuân thì anh phu xe vẫn gò lưng đạp...

Saigon sắm sửa đón Tết như thế ấy ! Người tài năng, bụng nặng, kẻ lòng hầu bao, lòng hiao tức đang sắm sửa đón Xuân như thế ấy ! Còn một lớp người nữa,



lớp người vừa phải bán sức hơi, bán luôn cả xác thịt mình, sắm sửa đón Xuân như thế nào, xin mời Bạn lại cùng tôi đi dạo qua mấy con đường danh tiếng : Dixmude, Lefebvre, Cây Mai, Hamelin... Ở ! Chúng ta chỉ dạo quanh mấy con đường « diên hình » ấy thôi, thật ra đường nào cũng có, hém nào cũng có bóng họ cả. Quốc Dân, anh bạn thơ, khi Xuân về cũng đã than thở cho số kiếp của họ với những câu :

Chúng em là bọn người thô lỗ
Sống giữa trần gian kiếp dọ đầy

Vui làm sao được khi Xuân đến
Muôn vạn người trai rộn ý tình

Xuân về, Tết đến, họ vẫn tiếp khách. Khách lo sắm sửa đón Xuân thì họ cũng bị lôi kéo sắm sửa đón Xuân theo khách.

Bạn ;

Kể qua loa như vậy. Bạn cũng đủ rõ Saigon sắm sửa đón Xuân như thế nào nhưng chắc chắn rồi Bạn sẽ lại viết thư trách tôi là đã kể cho Bạn nghe những chuyện quá nhảm, quá thường, vì ở đâu mà chẳng thế : người có tiền ăn Tết nhiều, kẻ ít tiền ăn Tết ít, và gái làng chơi ngày Xuân về cũng vẫn tiếp khách.

Tôi không chối cãi, không giận Bạn, trái lại cảm thấy vui hơn vì thấy rằng Bạn cũng có một nhận xét như tôi. Saigon cũng chẳng khác gì Huế, Hà Nội, Hải Phòng... đầu đầu trên đất nước mình cũng có lớp người thừa tiền vung vãi, kẻ lại sống tối tăm suốt đời cho đến cả lúc Xuân về Tết đến vẫn phải còng lưng làm thân trâu ngựa hoặc bán đến cả xác mình hầu thỏa lòng vui cho thiên hạ.

Thôi, kể chuyện Saigon sắm sửa đón Xuân như thế cũng dài rồi, đến lời đòi hỏi thư hai của Bạn, tôi không biết trả lời cho Bạn như thế nào đây ?

Cảm tưởng của tôi đối với mùa Xuân năm nay ra sao ?

Từ ngày trên đất nước, tiếng pháo mừng Xuân được thay bằng tiếng súng, cái ý thiết tha chờ đợi Xuân về của chúng ta không thu hẹp trong cái lợi riêng tư nhỏ nhặt của tuổi thơ ngây và thời kỳ cấp sách đi học nữa. Có phải thế không Bạn ? Cứ mỗi độ Xuân về, chắc Bạn cũng như tôi, chúng ta lại nhớ đến tuổi thơ ngây mà luyến tiếc. Chúng ta tiếc ở cái tuổi vô tư của thời kỳ niên thiếu. Không

phải chúng ta tiếc vì không có người cho chúng ta bán quần áo mới, mừng tuổi chúng ta bằng số tiền gói kỹ trong bao giấy đỏ hoặc được ăn uống luôn miệng rỗng rả suốt mấy ngày trong buổi đầu năm. Chúng ta đau thêm nghĩ đến những cái ước muốn con trẻ ấy. Chúng ta tưởng nghĩ đến những gì đẹp hơn.

Chúng ta đã khôn lớn, vì Dân tộc cũng đã khôn lớn. Dân tộc đang hùng dũng đứng dậy đón Xuân và chúng ta cũng đã từng hy sinh tất cả để lo vun trồng cây hạnh phúc cho dân tộc.

Xuân trẻ, đẹp. Xuân mang về bao hy vọng, bao tin tưởng...

Hoa mai tô màu vàng trên nền rừng xanh thắm. Màu vàng tượng trưng cho niềm hy vọng. Họa huệ nhuộm trắng khu vườn. Màu trắng nói lên lòng tinh khiết. Bông hồng thắm đỏ gieo nguồn tươi sáng. Xuân Dân tộc đem bao nét lành mạnh thân yêu. Xuân đem về hy vọng, tin tưởng, trong sạch, tươi sáng...

Chúng ta cũng biết Xuân trôi đi luôn luôn tồn tại, Xuân... vẫn tiến lên vĩnh viễn nhưng có lẽ Xuân lòng bạn, Xuân lòng tôi, một mùa nào đã có chiều thay đổi. Nhưng dù sao cũng nên vui lên bạn ơi ! Một mùa Xuân tươi sáng đang chờ đợi chúng ta và chúng ta sẽ lại góp nhau hàn huyên và liên hoan trong một mùa Xuân Huy Hoàng của Đất nước.

Xuân bước nhẹ trên chồi non lá mới
Bạn đời ơi ! Vui với chút trời hồng.

GIANG TÂN





HẸ Tết đến là tôi nhớ hẳn. Người hẳn dong dong cao, gầy như que diêm, với đôi mắt sáng trong, đầu tóc bù xù, không bao giờ chải. Hẳn có vẻ liến thoắng như một con chuột nhắt, nói

lẻo nhéo luôn mồm. Hẳn cũng có một cái tên « quai nôi » như thiên hạ. Nhưng cái sở thích của đời hẳn đã đặt cho hẳn một danh hiệu... bất hủ : « Thăng đốt pháo. »

Từ nhỏ đến bây giờ, tôi chưa hề biết ai thích đốt pháo như hẳn. Đốt pháo đã thành một lễ sống sôi nổi của hẳn trong những ngày đầu Xuân.

Trong khoảnh khắc ngắn ngủi làm môi giới giữa hai đoạn thời gian để đặt tuổi cho loài người, có lẽ hẳn là người tận hưởng những niềm vui hơn ai hết.

Tết đến, hẳn không cần mặc áo đẹp, không cần ăn đồ ngon. Hẳn chỉ cần đốt pháo. Kể từ ngày hai mươi chín tháng chạp, hẳn đã bắt đầu vắng nhà. Đến mùng một Tết trở đi, gia đình hẳn may lắm mới thấy mặt hẳn giữa bữa ăn. Tất cả những thi giờ khác, hẳn sống ngoài đường, loanh quanh trên những mớ xác pháo đỏ ối, giữa những tiếng nổ dồn dập và trong khói mù thuốc súng.

Năm nào cũng thế, giữa cảnh xô bồ của những ngày cùng tận, thiên hạ lo âu, thanh toán mọi việc để tiếp đón mùa xuân mới, hẳn cũng có một sự lo âu, đối với hẳn, không phải là nhỏ. Hẳn lo thế nào có thật nhiều pháo để mà đốt, làm sao dự cho được những cuộc đốt pháo lớn nhất của phố Hội nhỏ hẹp này. Tôi là người bạn trung thành nhất của hẳn từ cái ngày hai mươi chín tháng chạp trở đi. Ngay ngày ấy, trong lúc những đứa trẻ khác xin xỏ, ăn cắp tiền của gia đình để đi đánh tôm cua, tào cào vụng trộm ở xó chợ, đầu đường, thì hẳn, hẳn cũng xoay tiền bằng mọi cách để mua cho được pháo.

Đứng trước hàng pháo bày la liệt, mặt hẳn đã sáng càng sáng thêm ; hẳn nhìn trừng trừng vào những lớp pháo bọc toàn một màu giấy đỏ. Hẳn đưa tay sờ nhẹ trên lớp giấy bọc láng nhẵn của những quả pháo lớn với một cử chỉ dịu dàng triu mến ; hẳn cầm từng phong pháo lấy những ngón tay ấn mạnh để đếm từng trái pháo như người khách hàng khó tính ; nhưng có lẽ hẳn sợ nhất là bốc lấy những miếng pháo dập nhỏ. Cái chất diêm sinh không giấy bọc,

TẬP VĂN của LƯU NGHĨ



THĂNG ĐỐT PHÁO

cũng nhuộm một màu đỏ máu co sát da bàn tay như truyền cho hẳn một hơi nóng.

Mặt hẳn long lanh. Hẳn đưa lên mũi ngửi, hít từng hơi dài... Hẳn mua pháo với tất cả sự cẩn thận của một kẻ đã bị lừa bịp nhiều lần ; hẳn đi dạo khắp các hàng bán pháo, xem xét, chọn lựa... để mua cho kỷ được thứ pháo tốt nhất. Đến hàng pháo nào hẳn cũng lắc lờ lắc lảo, mặc cả từng trái pháo một, và bao giờ trên gương mặt, cũng thể lộ một sự thêm thuồng không dấu được.

Mua được pháo là hẳn đốt ngay, bất kể đã có lệnh hay chưa có lệnh của nhà chức trách. Cảnh sát có nghe thấy, muốn đuổi bắt hẳn, hẳn chạy biến như một con thỏ rừng.

Năm đầu tiên tôi kết bạn với hẳn chính là cái năm hẳn bị lão Bép Huê bắt vào bót vì đốt pháo sớm quá. Vào bót, hẳn còn giữ khư khư mấy viên pháo đập và cả một phong pháo dẹt



dầu trong lưng quần. Hẳn cố nhồi mình lên khung cửa nhỏ có song sắt hỏi thăm mọi người :

— Năm nay có lệnh được đốt pháo không, hả các ông ?

Số là phố Hội nhỏ như lòng bàn tay, muốn ra một công lệnh gì cho dân chúng biết chỉ cho lão Thìn vào phen la đi rao khắp phố là thiên hạ biết cả ngay. Nên, ngồi trong bót kín, hẳn vẫn lắng tai nghe tiếng phen la lè rè, quen thuộc và giọng lão Thìn đồng dục :

— Hai bên thành phố, lẳng lẳng mà nghe : Quan lớn có truyền ra, Tết này ban ngày treo cờ, tối thấp lồng đèn từ mùng một đến mùng ba, cho đánh bạc, đốt pháo...

Được đốt pháo... là đủ cho hẳn lắm rồi. Đánh bạc ? Hẳn không thiết.

Năm ấy, hẳn được thả vào chiều ba mươi. Vừa ra khỏi cổng ty Cảnh sát hẳn vội lấy viên pháo đập đặt trên vệ đường, tìm một hòn đá lớn, đập mạnh xuống viên pháo.

Viên pháo nổ vang, hẳn cười ha hả. Rồi vừa chạy lom khom vừa quẹt viên pháo xuống mặt đường ; pháo nổ lộp bộp, rền rẹt, hẳn cười hểnh hếch, lui về tận sân trong nhà hẳn...

ĐÊM giao thừa.

Cả phố Hội sắp sửa lên nhan đèn cùng lễ. Một vài tiếng pháo đi để nổ xa xa.

Trong bóng đêm trừ tịch thoắt nhẹ hương trầm, có lẽ hẳn là người xuất hành về một hướng nhất định. Năm nào hẳn cũng xuất hành về một hướng nhất định : hẳn đến thẳng nhà ông Bác Phụng. Trong những giờ cùng tận của năm dài. Khi con người Á Đông kính cẩn chờ làm cái lễ thêm tuổi cho đời mình, thì hẳn — thẳng đốt pháo — ngồi chồm chồm ở lề đường, trước nhà ông Bác Phụng. Hẳn cũng chờ đợi lễ giao thừa nhưng không phải để cảm thấy mình trưởng thành và trên đôi vai phủ đầy thêm ít nhiều vui sống.

Cái kim đồng hồ càng xê dịch về nửa đêm tối mịt, hẳn càng hồi hộp và sung sướng. Trong nhà, ông Bác Phụng đã tự tay nhen lửa lư trầm ; trong hương khói tỏa lên cuộn cuộn, cảnh vàng son nhà ông Bác Phụng trông càng uy nghi, nghiêm kính. Nhưng, uy nghi hay không, hẳn không quan tâm mấy. Hẳn chỉ mong những cây đèn sắp đồ trên bàn thờ cháy thật mau, và tiếng chuông vát tạ ngàn nga, rớt dài trong hương khói. Một tiếng áo quần xào xạc tiến



ra trước cửa : người con trai ông Bác Phụng khỏe nệ bưng một chiếc mâm đồng ; trên mâm đồng : một giấy pháo thật dài, cuộn quanh, dây cựa như một con cuốn chiếu khổng lồ.

Hẳn vụt đứng dậy, đi qua đi lại vội vàng, cuộn lại lưng quần cho cái quần ngắn bớt, rồi đứng chờ... Bên hàng xóm đồ xô đến vài thằng con nít thức khuya, vừa dụi mắt, vừa bịt lỗ tai, mắt ngó chằm vào dây pháo thông dài từ mái nhà xuống thêm gạch.

Trên thềm nhà, Bác Phụng đã đốt sáng một cộng nhân to, tiến đến dây pháo, kính cẩn chằm vào cái ngòi màu trắng bạc. Chấm lửa lóe sáng, chớp loẹt xoẹt... tiếng pháo nổ vang dồn dập, đánh thức cả phố phường. Hẳn nhảy cẫng lên, khoa chân múa tay, chạy quanh dây pháo nổ, cười, hét như thằng điên. Mấy đứa trẻ hàng xóm bịt kín tai, nháy mắt lia lịa, đứng nép vào góc tường.

Trước khi tiếng pháo cuối cùng chấm dứt, hẳn nhảy nhanh vào giữa đồng xác pháo đỏ ối như những cánh hoa hồng nát vụn. Hai mươi ngón tay, ngón chân của hẳn cày sâu vào mớ xác giấy tơi bời còn ẩm lửa, bụi rơi, tìm tòi, xào xóc. Bắt được một trái pháo còn nguyên vẹn, hẳn ngấm nghĩa nắn bóp, xem xét kỹ lưỡng rồi thu vào túi áo.

Mặt hẳn tươi hẳn lên. Khói pháo quện với hương trầm tỏa mỏng trong không gian. Giấy pháo nhà ông Bác Phụng đã biến thành xác giấy... Khi ấy, hẳn mới yên tâm đi đốt pháo dạo khắp phố phường thơm hương trầm trừ tịch.

Mờ sáng mùng một đã thấy hẳn

ngoài đường. Có năm, hẳn chỉ mặc một bộ quần áo cũ rích ; không phải vì mẹ hẳn nghèo đến không sắm nổi một chiếc áo Tết cho con ; mà chính vì một lý lẽ của hẳn :

— Mặc đồ tốt không cướp được pháo. Phải mặc cái thứ đồ thể này mới « lặn đạn » vào được.

Bất cứ ở đâu có tiếng pháo dài là có hẳn. Hẳn như thuộc lâu cái chương trình đốt pháo của cả phố Hội xưa cũ này. Cả ngày mùng một, hẳn sống suốt dọc đường Quảng Đông — con đường có nhiều tiệm buôn người Tàu hơn hết. Hẳn nhớ rõ không những tên hiệu mà còn nhớ cả cái giờ đốt pháo của từng hiệu một. Hẳn để biệt chủ ý đến hai nhà : ông Xường bán kẹo và ông chủ Đại Thành có cái bụng to như cái thùng. Hai nhà ấy đốt pháo không hề tốn tiền. Mà thiên hạ đốt pháo nhiều là hẳn sướng, như pháo của chính hẳn vậy.

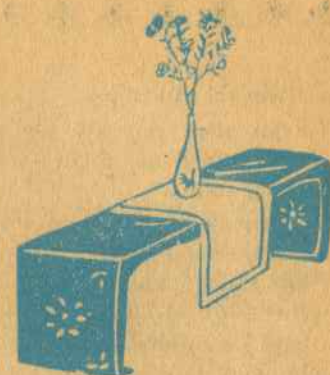
Pháo của chính hẳn, hẳn đốt rất thận trọng và đốt đủ lối khác nhau. Lúc nào hai túi áo của hẳn cũng đầy nhóc đủ loại pháo : pháo dẹt, pháo đập, pháo điện, pháo phong, pháo tre... tất cả loại pháo có tiếng nổ như tiếng súng. Hẳn không thích loại pháo chỉ chạy loanh quanh như pháo chuột hoặc chỉ loẹt xoẹt đồ sáo như pháo bông ; cả thứ pháo thăng thiên phóng thẳng lên trời cao, hẳn cũng chẳng ưa chút nào.

Bao giờ hẳn cũng mang theo lễ kẻ một cái lon bằng thiếc như lon sữa bò chẳng hạn. Hễ có cuộc đốt pháo thi, lúc nào cái lon của hẳn cũng vàng cao hơn ai hết. Lũ trẻ khắp phố Hội phải nhìn nhận rằng hẳn là « ông tổ » đốt pháo lon, mặc dầu rất ghét hẳn, vì cái tánh nói nhiều lắt nhắt.

Trước đây một năm, tôi gặp lại hẳn giữa những ngày Tết tung bưng ở một đô thị nhỏ.

Hẳn đang đánh cờ tướng với một ông cụ già. Về mặt trầm ngâm, đôi mắt nhìn chằm chằm vào bàn gỗ, hai người chỉ nhẹ nhàng xô đẩy những thẻ trận của ván cờ tàn ; không một tiếng nói.

Ván cờ ấy, hẳn được. Ông cụ già hẳn học lia mạnh mấy con cờ vào mặt bàn gỗ, định sắp lại ván khác. Còn hẳn, hẳn vẫn đứng đưng, chỉ yên lặng ngưỡng thẳng thân hình thờ ra nhẹ nhẹ. Hẳn chợt nhìn



thấy tôi, mặt hẳn sáng lên một chút. Hẳn xin lỗi ông cụ già đưa tôi về một căn nhà nhỏ xinh xinh. Một chiếc giường bố, một khuôn bàn đầy sách, báo, một bộ « xa lông » và ở góc bên phải : hương trầm tỏa khói trước bốn tấm hình lồng gương, những thân nhờn của hẳn. Hẳn tự tay soạn khay trà, rót nước mời tôi uống. Nhà hẳn vắng như một cảnh chùa.

Nắng ấm tràn qua khung cửa sổ. Ngoài kia, màu vôi mới của phố phường rực sáng lên, những tà áo màu, những bộ y phục mới qua lại nhón nhón. Chợt một tiếng pháo nổ dồn dập ở nhà bên cạnh. Khói thuốc súng hay giạt vào khung cửa sổ, tan mau trong ánh nắng.

Hẳn vội vàng đưa tay lên bịt kín lỗ tai ; mặt hẳn nhăn nhó như người sầu khổ nhất đời.

Tôi hỏi hẳn :

— Anh không được khỏe ?

Hẳn thông thả uống một ngụm nước trà, chậm rãi trả lời :

— Cảm ơn anh. Tôi vẫn khỏe mạnh.

Rồi như chợt nhớ một điều gì, hẳn nhìn tôi, cười nhếch mép.

— Chắc anh ngạc nhiên vì cử chỉ vừa rồi của tôi. Trước đây, tôi mang danh là « thăng đốt pháo ». Đến nay, tôi lại có vẻ sợ pháo như sợ...

Hẳn nhìn xuống nền nhà tự lự.

Tôi yên lặng thở khói thuốc lên trần nhà, cũng tự lự.

(đọc tiếp trang sau)



Hắn chậm rãi nói tiếp :

— Từ hai năm nay, tôi sợ pháo lắm. Tiếng pháo nổ nhắc cho tôi những tiếng súng...

Hắn ngừng lại, như nghẹn ngào, mắt vẫn nhìn xuống đất.

— Những tiếng súng đã làm tan nát gia đình của tôi và của nhiều người. Ở góc nhà hương trầm chừ tỏa khói lên cuộn cuộn, làm mờ đi những bức ảnh lồng gương.

Hắn chợt ngừng lên, thở dài, nhìn ra cửa sổ :

— Ngày trước, đối với tôi, tiếng pháo là tiếng nói của mùa xuân; không tiếng pháo mùa xuân thật vô vị.

« Nhưng đến nay... tiếng pháo nổ, thuốc súng làm tôi liên nghĩ đến những cảnh chém giết, chết chóc; và nhìn đồng xác pháo tôi bồi, tôi cảm tưởng nhìn thấy bao nhiêu cái xác con người bị vùi dập trong cảnh máu xương... »

Hắn cúi mặt tàn thuốc lá bên mép bàn, ném ra ngoài ánh nắng; đôi xương quai hàm của hắn cử động mạnh.

— Nhưng, gia đình tôi hay gia đình của mỗi người có tiêu tan đi, cũng chẳng nghĩa gì. Con người chúng ta đã chém giết nhau nhiều quá rồi !

Đó mới là mỗi buồn khổ lớn nhất của anh, của tôi, hay của bất cứ người nào...

Một vài tiếng pháo đi-đet nổ xa xa. Tôi nhìn thẳng vào mặt hắn. Tự nhiên, trở lại trong tâm trí tôi hình ảnh « thằng đốt pháo » đang nhảy cẫng giữa khói mũi thuốc súng, và đang cười hênh hếch nhìn cái lon thiếc lăn dài trên đường nhựa lấm tẩm mưa... Nắng âm ỉ rung rinh tràn qua cửa sổ.

LƯU NGHI



NHÂN XUÂN



Tôi nhớ mùa xuân xưa,
Tự thuở còn ngây thơ :
Bên đình làng pháo đỏ,
Nêu cao lồng lộng gió,
Trống dục dã lòng tơ,
Trai làng hơn hờ,
Cánh áo the đen,
Quần chúc-bầu diêm dúa,
Gái cười nụ mắt đưa,
Dập diu ai đó chào hỏi vội :
« Năm mới mừng « o » « ngọt »
bánh dứa. »

Tôi nhớ xuân mùa xưa,
Đình làng rộn tiếng trai tơ.
Thôn nọ giết giải đua thuyền,
Thôn kia thắng cuộc cờ,
Cười vui hơn pháo nổ...
Các cụ áo điều thăm lại mớ
tóc bông,
Gặp nhau hi-hà chúc Xuân,
Chúc mùa lúa được,
Chúc bông chắt ngoan.

Xuân nay khói lửa lan tràn,
Thôn xóm đôi nơi điêu-hiu, lạnh
Giao thừa đón Xuân tràng
pháo súng,
Trai tơ, đời nặng chiến chinh,
Mẹ già nhớ-nhớ mùa xuân cũ.
Mơ một ngày « mô » : NƯỚC
THÁI-BÌNH !

Xuân năm nay :
Vạn mảnh lòng ngát hương
trinh,
Trót hẹn với thanh-bình,
Trai hùng « say » nợ nước,
Gái hiền « biệt » phần son.
Gởi cho nhân-loại tình tri kỷ,
Trong gió xuân lành : vạn
tiếng THƯƠNG !

Nhân ai hoan lạc phố phường
Bớt mùi hoa lệ đón hương
xuân về...

VIÊN LĂNG

TẾT GIỮA RỪNG XANH

(Tiếp theo trang 31)

Vượt hai hòn núi, len lỏi trong các con đường mòn rất nhỏ, tôi mới tìm tới một làng Mọi, xơ xác ba bốn nóc nhà. Nhìn thấy nhà cửa đồ dùng cũ họ, tôi biết ngay là họ chưa bao giờ tiếp xúc với dân cư miền đồng bằng. Đàn ông đàn bà đều trần truồng, sống bằng nghề săn bắn, hái hoa quả trong rừng và chăn nuôi súc vật. Thấy bọn chúng tôi, họ lần trốn vào rừng hẻo lánh rồi dùng nỏ tên thuốc độc bắn ra. Tôi phải dợ tay làm hiệu, chỉ tay và Hoài nằm trên lưng ngựa ra hiệu cho họ biết chúng tôi là kẻ mắc nạn tìm cứu.

Họ tỏ vẻ bằng lòng để tôi và Hoài trú ngụ ở nhà anh Mọi đầu đàn của họ. Qua 5 ngày nghỉ ngơi, thấy đã hồi sức, chúng tôi lại tiếp tục xuống núi. Trưa ngày 15 tháng giêng chúng tôi ra tới đồng bằng nhưng không phải đồng bằng Việt Nam nữa mà là x. Larsao cách Nape (biên giới Lào-Việt) 20 cây số. Sông suối đã chảy xuôi nhưng xuôi về nước Lào.

Nhờ thông thạo tiếng Lào, chúng tôi được dân chúng địa phương giúp đỡ quần áo, cơm nước sau khi được nghe tất cả sự gian khổ của cuộc hành trình vượt Trường Sơn mà chúng tôi kể lại.

Sau một tháng, chúng tôi mới được liên lạc với các anh em khác tôi có công việc phải đi lên miền ngược, Hoài phải về xuôi tiếp tục phận sự cũ.

Hôm chia tay, Hoài ôm tôi khóc nức nở :

— Anh Nam ơi ! những người cùng thế hệ với chúng ta có biết Tuấn Thiết chết rồi không ? Có biết sự gian khổ của chúng ta không ? Bao giờ chúng ta lại gặp nhau được ?

Tôi cúi người lên đường giữa màn chiều mưa lạnh.

Hai năm sau, một buổi sáng vào cuối thu, tôi vào ăn bún bò trong một quán nhỏ của một bà già người Huế ở sau chợ Đồng xuân của cố đô Huế. Nhìn lên vách quán thấy ảnh Hồ đang mỉm cười, tôi hỏi thăm bà chủ quán, mới biết bà cụ là mẹ đẻ của Hoài và Hoài đã bị tử thương cả đây một năm.

HỒNG NAM

ĐỜI MỚI



Em vẫn đợi anh về
Xuân qua, rồi hạ tới,
Đến thu lại, đông sang,
Dù nắng lửa chang chang,
Dù rét về cắt thịt,
Bóng anh xa mờ mặt

Tháng năm dài đằng đằng
Em giữ trọn lời thề :

Vẫn cứ đợi anh về
Đợi anh về mãi mãi.
Anh ơi anh ! đừng ngại !
Đừng lo lắng vì em
Đề tâm trí yếu mềm
Mà vóc hình tàn tạ.
Rừng xanh dù trụi lá,
Sông dù cạn, núi mòn,
Một tấm lòng sắt son
Em quyết tâm giữ
trọn.

Nhớ lời anh căn dặn
Em không đọc thơ

sâu,
Không ra đứng bên
cầu,

Không nhìn trăng lúc
xế,

Không cho mắt ứa
lệ,

Không bấm đốt ngón
tay

Không đếm phút
đếm giây,

Không thức dài đêm
trăng,

Không hao huyền mơ mộng
Trắng nước nặng hương thề
Vẫn cứ đợi anh về
Đợi anh về mãi mãi.
Tin thư dù vắng lại,
Vẫn bền chí vững lòng
Nuôi tin tưởng thành công
Ngày anh về chiến thắng.

Một ngày về tươi sáng
Chung tất cả dân mình
Riêng em và riêng anh,
Đó là ngày sum họp
Cúng là ngày tươi đẹp
Của tình vợ, nghĩa chồng
Trọn hai tiếng thủy chung
Đã bấy lâu gìn giữ.

Đêm nay bên cửa sổ,
Cứng dưới mái tranh

xưa
Giữa giờ dến giao
thừa

Vẳng tiếng cười hoan
hỉ,

Vẳng bóng chồng yêu
quí,

Vẳng cả bóng Xuân
về,

Viết thư này gửi đi
Mai đây, nơi quan tái

Độc thư em gửi lại
Nở nụ cười hân hoan

.....

.....

.....

Ngày anh, em, chờ
trông

Ngày đôi ta mong ước
Là ngày XUÂN ĐẤT NƯỚC
Ngày Xuân của đôi ta
Ngày anh vui trở về
Ngày em thôi chờ đợi !

Làm đề đáp lại bài « Đợi anh về »
của Simonov và bài « Em ơi ! cứ đợi
anh về » của Kiên Giang.

GIANG TÂN

TRANG 37

HỘI HỌA 1953 ĐÃ NÓI ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

của ĐẶNG TÂM THÀNH

KHÔNG ai có thể chối cãi được rằng: từ ngày giáng sơn quét khỏi, ngành Hội họa đã cùng ngành Ca nhạc giúp một phần rất lớn vào công cuộc giải phóng dân trí.

Tại sao vậy? Há không phải tại rằng: hội họa xưa nay vẫn là thứ từ ngữ phổ thông của hạng người mù chữ. Chứng cứ là các tranh hình và các tượng hoặc phù điêu, ở nhà thờ Gia tô cũng như chùa chiền, miếu mạo theo đạo Phật, đạo Hồi hồi chẳng qua cũng chỉ là những câu chuyện được kể lại cho nhân dân thất học hiểu biết sự tích giáo lý, kể lại bằng mọi thuật tạo hình thôi.

Mà dân trí của mình thì, về trước khoảng 1945-48, vẫn còn thấp kém lắm: 83% dân số mù chữ. Cho nên ai quan tâm đến việc giáo dục đại chúng cũng đều mang ơn giới hội họa rất nhiều trong mấy năm gần đây, họa sĩ đã dùng ngòi bút và màu sắc để khai thông dân trí bằng tranh hình hoặc vẽ trên áp phích các báo chí vì nhiều nhất là ở trên các bức tường, bức vách, bức phen, bức liếp, dựng khắp nơi, khắp chốn cho đến tận mọi ngõ hẻm hẻo lánh cùng toàn quốc. Tranh hình đã mở đường cho phong trào Bình dân học tập. Họa sĩ đã là đội hình tiên phong của một trận trừ giặc đói.

Vậy thì vai trò thứ nhất của Hội họa đã ngụ ở việc giáo dục sơ khai của nhân dân, trong công cuộc kiến thiết quốc gia.

Vai trò thứ nhì, không kém phần quan trọng, của Hội họa là việc tuyên truyền cho uy danh của dân tộc, trong lúc mới được góp mặt với thế giới: vì tranh hình là một thứ ngôn ngữ quốc tế, nó có tính cách vạn năng như âm nhạc thuần túy vậy. Màu sắc và cách bố trí các tương quan màu sắc, xưa nay vẫn là tiếng nói phổ biến của những người khác ngôn ngữ dùng để trao đổi ý kiến với nhau; hơn nữa màu sắc cũng lại còn là phương tiện để thể hiện sở thích, thể hiện thị hiếu không những là của từng cá nhân mà lại còn là của từng đoàn thể, của

từng dân tộc một: màu cờ bao giờ cũng là thể hiện tinh thần của con người ta, tức là ý định của con người ta. Ngạn ngữ Việt Nam cũng đã từng nói: «Hay, mỗi người một ý; lịch sự, mỗi người một màu.»

Vậy thì, hội họa có nhiệm vụ đại diện cho xứ sở từng thời kỳ lịch sử, đại diện cho khuynh hướng của từng dân tộc: nó phải nói lên được tiếng nói của dân tộc, trước là để cảm hóa lẫn nhau ở trong tập đoàn của mình, sau là để truyền cảm với quốc tế.

Nhiệm vụ của nó phải là thế, ấy thế mà nhìn lại nền hội họa nội thành, về năm 1953, thì chúng ta thấy gì?

Chúng ta thấy nhà cầm quyền, vì mục đích khuyến khích nghệ thuật hay vì mục đích khuyến khích kỹ nghệ — hai việc đều đáng khen cả — đã hết sức nâng đỡ Hội họa, có lúc đã nâng đỡ quá sức, nên mấy hỷ trường quốc gia mặc nhiên đã hóa ra các phòng triển lãm thường xuyên, tranh hình được đem ra phô bày và bán rao nhiều đến nỗi có kẻ phải lo là rồi đây sẽ có một «phổ triển lãm», một «hội chợ triển lãm» mất. Sở dĩ người ta lo là xét trong cái sở trung bình là 27 họa sĩ lớn nhỏ (cứ 15 ngày lại có một thứ triển lãm) đã ra mắt đồng bào, trong năm vừa qua, thì kẻ thức giả, dù rặng lượng mấy đi nữa tất cũng chỉ lọc ra được có ba «cây vẽ tiêu biểu» thôi.

Đó là hai nam họa sĩ: Nguyễn Huyền và Đinh Minh, và một «nữ họa sĩ», bà Dung Đoàn.

TUYÊN lựa xong rồi, bây giờ ta thử bình giá ba vị đó xem họ đã nói được những gì?

Riêng đối với họa sĩ N. Huyền thì bạn làng tranh thấy đều nhớ đến con người có một nét bút gân guốc không kém gì nét mặt của họa sĩ; nét bút đó đã được một tư tưởng gang thép điều khiển nên đã có kẻ mắt xanh gọi Huyền là họa sĩ của bắp thịt.

Thực vậy, nếu N. Đ. Cung đã là họa của «cây khô không chồi», nếu L. Nhị là họa sĩ của «phấn son», P. Khanh P. Tú là thi họa sĩ của «tuổi thơ đkh», N. G. Tri là phù thủy của màu lung, T. N. Văn là thuật sĩ của «màu sắc», Tạ Tỵ là kỹ sư của hình kỷ luật, N. V. Tỵ là nhiếp ảnh của «lưng nóc», dân», nếu P. S. Ngọc là thợ rèn của «nét lửa», nếu N. V. Đôn là Tạo hóa của «thế giới ngày thơ», nếu B. X. Phụng là họa của Đinh Minh gần đạt được tới là trộm gánh xiếc «hệ họa» thì Nguyễn Huyền đã là tay phó cả của xưởng «cổ sự» gần đạt được «cổ sự» của Đinh Minh kèm phần đọc đáo: Đinh Minh đã đi vào con đường mòn của những năm nào năm nào kia rồi, mà tên họ toàn là những bậc thầy cả, như Trần Quang Cần, như Mai Trung Thứ, hay ít ra cũng đã là những bậc thầy lãnh nghề của thế hệ, như Lê Văn Đệ cùng đồng hội.

Cho nên Đinh Minh chỉ là hồi quang mờ nhạt của một thời xa xưa: thời tượng trưng, vốn nó đã bị thế sự xua vào góc tối tăm nhất của lịch sử rồi.

Bởi vậy, xem tranh Đinh Minh, kẻ thức giả như thấy mình lạc vào một viện bảo tàng, quanh mình toàn những hia ửng mốc meo, những giáp trụ, sắc sở thì sắc sở thật nhưng cũng chỉ có là sắc sở thôi, và, cũng vì sắc sở nên cũng chỉ gây được nổi một ấn tượng hoa hoè hoa sỏi thôi vậy.

Hơn nữa, đôi lúc người ta có cảm giác lơ lửng dẫn mình vào một tha ma, lơ lửng đây đó đám ba bóng dáng của những hình ma, khiến cho người ta rợn rợn nhiều hơn là rung cảm, khiến cho người ta mãi lòng hơn là phấn khởi.

Họa sĩ Đinh Minh là hậu thân của một thế đã qua, qua hẳn rồi. Tiếng nói của Đinh Minh do đó chỉ là tiếng nhại lại của một đoàn ca sĩ đã quá mùa rồi thôi vậy.

BẦY giờ đến «nữ họa sĩ» Dung Đoàn. Thì đây cuộc Triển lãm về vụ cuối hè 1953 của bà của bà quả là một vụ «cuồng đoạt», hơn nữa, đó là một cuộc

hầu ra rồi, khởi sắc nhất, chỉ có một bức vẽ gia đình dân chài thôi nhưng đây lại là một gia đình đoàn viên trên môi huyền, quần áo là lượt, gia đình ngư phủ «đã qua cơn sóng gió rồi», nghĩa là bức tranh con thuyền đã cập bến, biểu lộ tinh thần cầu an, tinh thần hưởng thụ: tranh thuyền đứng, thuyền đã cập bến, buồm đã hết gió.

Nguyễn Huyền 1953 đã là một con thuyền thả trên mặt nước ao tù rồi vậy. Cho nên những «bắp thịt» của chàng cũng cạn nhựa sống. Cho nên những nét gân guốc của chàng cũng khô cằn, cứng nhắc, sắc sặc. Cho nên về mặt của chàng cũng kém phần quốc thước.

Cả tính nghệ thuật ấy đã xuống dốc rồi chẳng? Nó chỉ thốt ra được một tiếng hờ dài nào nuốt mà thôi.

NẾU N. Huyền là thuộc «mệnh thủy» thì Đinh Minh thuộc «mệnh thổ»: chất họa (là nguyên liệu, là nền, là màu, là đất) của Đinh Minh gần đạt được tới độ tận của Lương Xuân Nhị; của «thế giới ngày thơ», nếu B. X. Phụng là họa của Đinh Minh gần đạt được tới là trộm gánh xiếc «hệ họa» thì Nguyễn Huyền đã là tay phó cả của xưởng «cổ sự» gần đạt được «cổ sự» của Đinh Minh kèm phần đọc đáo: Đinh Minh đã đi vào con đường mòn của những năm nào năm nào kia rồi, mà tên họ toàn là những bậc thầy cả, như Trần Quang Cần, như Mai Trung Thứ, hay ít ra cũng đã là những bậc thầy lãnh nghề của thế hệ, như Lê Văn Đệ cùng đồng hội.

Cho nên Đinh Minh chỉ là hồi quang mờ nhạt của một thời xa xưa: thời tượng trưng, vốn nó đã bị thế sự xua vào góc tối tăm nhất của lịch sử rồi.

Bởi vậy, xem tranh Đinh Minh, kẻ thức giả như thấy mình lạc vào một viện bảo tàng, quanh mình toàn những hia ửng mốc meo, những giáp trụ, sắc sở thì sắc sở thật nhưng cũng chỉ có là sắc sở thôi, và, cũng vì sắc sở nên cũng chỉ gây được nổi một ấn tượng hoa hoè hoa sỏi thôi vậy.

Hơn nữa, đôi lúc người ta có cảm giác lơ lửng dẫn mình vào một tha ma, lơ lửng đây đó đám ba bóng dáng của những hình ma, khiến cho người ta rợn rợn nhiều hơn là rung cảm, khiến cho người ta mãi lòng hơn là phấn khởi.

Họa sĩ Đinh Minh là hậu thân của một thế đã qua, qua hẳn rồi. Tiếng nói của Đinh Minh do đó chỉ là tiếng nhại lại của một đoàn ca sĩ đã quá mùa rồi thôi vậy.

BẦY giờ đến «nữ họa sĩ» Dung Đoàn. Thì đây cuộc Triển lãm về vụ cuối hè 1953 của bà của bà quả là một vụ «cuồng đoạt», hơn nữa, đó là một cuộc



«tiềm vị» về nghệ thuật, nếu nghệ thuật có nghĩa là sáng tạo, có nghĩa là sản xuất ra những giá trị mới lạ đủ sức truyền cảm. Vì cả công trình của bà chỉ là một sự chép nhặt để tài, một sự bôi bác màu sắc, một sự... vẽ phỏng (calque) thôi. Đó là những bức... tranh ư? Không! Đó là những tấm hình chấp nối, và vĩa.

Chúng chỉ là một tiếng trề ú ớ, cổ bắp bẹ nói lên một câu: «Tôi muốn làm hội họa lắm!» Nhưng câu này cũng còn ngóng nghịu, chưa thành tiếng người, chứ chưa dám gọi là tiếng Nghệ sĩ.

Sở dĩ kẻ đến vụ «cuồng đoạt» này là cốt muốn nhắc tới những thời tung hoành của một Lê Thị Lựu, có nét vẽ sắc mẫm, thanh tân của một Nguyễn Thị Kim, có những hình ngày thơ mà đậm thắm, chất phác mà sâu xa, nét vẽ hình của hạng người «có hồn». Thời đó đã nói lên được tiếng nói của một tầng lớp biết mặc áo Lemur, biết đọc thơ Thế Lữ và biết xem tiểu thuyết của Khải Hưng.

TRÊN đây, tạm điếm qua vài but tích của mấy họa sĩ tiêu biểu cho phong trào Triển lãm. Muốn cho sự sơ khảo được thêm phần đầy đủ, thiết tưởng không bỏ quên được công trình sáng tác của ba họa sĩ... «không Triển Lãm»: là Mạnh Quỳnh, Lương xuân Nhị và Bùi xuân Phái.

Mạnh Quỳnh với nguồn sinh lực dồi dào đã gây được khá nhiều thành tích ở địa hạt báo chí (hoạt họa hàng ngày theo kiểu Phong hóa xưa kia; minh họa đã sử hoặc tiểu thuyết), ở địa hạt sách truyện (dùng tranh hình để trực tiếp giáo dục nhân dân nhất là nhi đồng).

Nhưng đó cũng chỉ là sự tiếp tục công trình tìm tòi của M. Quỳnh về thời tiền chiến thôi. Một phát minh mới lạ của chàng họa sĩ kiêm thuật sĩ ấy là sự phối hợp ngành học vào ngành «múa rối» cổ hữu của dân tộc: ngành Điện kịch đã liệt Mạnh Quỳnh vào hạng sáng chế Văn Nghệ, kiểu Walt Disney. Thực vậy, vụ Tết

năm ngoái, «gánh» Mạnh Quỳnh đã gây nổi một thời tưng tửu hoạt động tin đời cho lớp thanh thiếu nhi Bắc Việt, với những vở Thạch Sanh, Đứa bé tí hơn Hận Nam Quan.

Mặc dầu là chưa khai thác kho tàng truyền thuyết của dân tộc được đầy đủ, song sáng kiến của M. Quỳnh cũng đã mở được lối thoát cho nghề «sân khấu non bộ», và đặt được viên gạch đầu tiên vào công cuộc kiến thiết phim hoạt họa (dessins animés). Nếu công trình đó được nhân dân khuyến khích thì thế nào nó cũng phải thành sự, nhưng tiếc thay! nhân dân Bắc Việt còn nhiều nhiệm vụ khẩn cấp khác để giải quyết tức thời, trong khi chàng mở lớp truyền bá hội họa phổ thông.

Đồng một ý kiến ấy với M. Quỳnh, và vụ một công tác sâu xa hơn, Lương xuân Nhị cũng đã «tung chân» ra để gánh vác một xưởng học bình dân thiết lập trong trụ sở hội Trí Tri cũ tại Hà Nội. Với kinh nghiệm dày dặn của mình, với ý thức phục chân thuần của mình, L. X. Nhị đã cổ «rút ruột tâm» ra để «ổ gây lấy một thể hệ họa sĩ mới, về cả lý luận lẫn thực hành.

Nổi sức cây vẽ lão thành này, còn phải kể đến một cây bút lông tuy trẻ nhưng rất lão luyện và rất thực tế: đó là Bùi Xuân Phái, người bề ngoài có một vẻ thư sinh thời lêu chổng nhưng đời sống nội tâm lại là cả một «lò lửa» bùng bùng bốc cháy tuy lẫn lộn lắm mới tỏa lên cấp mắt mệnh mỏng được một nỗi buồn thiên cổ, song luôn luôn ngọa lửa nọ đã kết tinh vào những nét sắc và gọn của các bức hoạt họa cực kỳ là tinh xác của tay vẽ nhanh và đúng số 1 hiện thời của đất nước.

Bùi xuân Phái gần đây có trình bày công trình sáng tác của môn phái mình, ở trong một khung cảnh thân mật và ấm cúng, giữa những tâm hồn yêu nghệ và tận tụy phụng sự lý tưởng của mình. Được đầu tung ra đã hứa hẹn khá nhiều. Đó là một triệu chứng đáng mừng cho giới Hội họa, hiện đang sống trầm hùng với toàn dân đất Bắc.

RÚT lại thì về phía công khai, ngành Hội họa năm qua đã phát triển khá mạnh trên bình diện Thương Mãi, cho nên họa phẩm đã cất lên nổi một tiếng rao hàng khá ăn khách — khách đây phần lớn là hạng ngoại nhân trợ phũ và tầng lớp «phủ hảo nhờ thời thế mà hành tiền».

Còn về phía thâm lặng thì ngành Hội họa thị thành cũng hòa tiếng nói đòi phần đồng điệu với tiếng gọi của nền Hội họa nông thôn, để chuẩn bị phụng sự quảng đại nhân dân.



NĂM nay ăn Tết ở quê nhà, tôi không khỏi hồi tưởng lại cái Tết đầu tiên nếm trải ở xứ ngoài cách đây 13 năm khi còn là một tên lính thợ không nghề tại Pháp (tức ONS hay Công binh).

Năm 1940, chúng tôi qua Mạc xây vào tháng tư, thì tháng 6 Ba lê thất thủ.

Tết Tân Tỵ (27-1-41) nhằm giữa lúc chúng tôi phải chịu một mùa lạnh cực kỳ gắt gao ở Lyon, cái tỉnh trót ắt, và sương mù có tiếng không thua gì Luân đôn.

Ái cũng tưởng Pháp Đức đã ký đình chiến thì lính thợ Việt Nam sẽ được trở về quê quán, nên chúng tôi đinh ninh sẽ ăn cái Tết Tân Tỵ đó ở xứ sở giữa cảnh sum họp của gia đình. Nào ngờ thời cuộc lại định một cách khác!

Không năm nào xứ Pháp lại lạnh như năm 1940! Tuyết, tuyết khắp nơi; mặt người nhìn chỗ nào cũng thấy tuyết, một màu trắng xóa, âm đạm. Những ai thường ca ngợi tuyết rụng, sương rơi... trong thi phú, nếu được mục kích cảnh đó trực tiếp như



«CÔNG TY ĂN TẾT»

của Việt kiều ở Pháp

Ký ức của ĐÀO GIA

chúng tôi, ắt hẳn hết muốn ngậm vịnh, rằng họ sẽ run lập cập, đập vào nhau, đầu họ lấy hết nghị lực mà chống lại.

Mùi, tai họ tím bầm, cứng buốt tưởng như miếng thịt chết. Nước mũi luôn luôn chảy và kết thành băng trên môi: Mắt không khóc mà cũng rưng rưng... lệ. Rét! rét buốt ruột, rét thấu gan. Rét nước đó thì chỉ còn thứ chui vào « ỏ ». Nhưng...

«Tết nhất rồi, anh em ta cũng phải sắm sửa chứ. Tôi đã bấm tay, năm nay năm Thìn tháng thiếu, thì 29 tức ăn làm 30 Tết».

Tiếng anh Dũng, người có ít Nho học và từng làm hương lý trong làng. Rồi anh đồng đặc gọi những bạn muốn nhập « Công ty ăn Tết » của anh:

— Anh em nào muốn « chèn » với chúng tôi thì đưa tiền đây, ta hùn nhau mà mua gà, thỏ, bánh rượu, lệ lên kéo muộn rồi. « Cơ » bên kia người ta sẵn sàng đầu đầy, chỉ còn có chờ giao thừa.

Thế là cả trại náo nhiệt; tiếng gọi nhau rĩ rĩ; khắp nơi bàn Tết, vui dào dạt!

Sắm Tết: cả một vấn đề

SẮM Tết vào cái năm 1940 ở nước Pháp vừa đình chiến, không phải là chuyện dễ! Mua cái gì cũng phải có « tích-kê ». Bởi vậy nảy ra

cái nạn đầu cơ, đầu cơ không những ở ngoài đường, giữa dân Pháp và dân Việt mà cả ở trong trại giữa dân Việt và dân Việt nữa. Một cái

bánh mua « chợ đen » tại tiệm có 5 (5 quan; lúc ấy đồng bạc vẫn 10 quan) về trại phải trả 1\$, 1\$20.

Mà phải nản nỉ, phải là bà con quen thuộc, anh « lái buôn » mới bán. Các luật cung cầu mấy anh Công binh lúc đó chưa học tới như sau này.



nhưng đã biết lợi dụng triệt để. Có khách hàng vừa trả giá một khoản bánh mì 2 cái rượu, làm le cầm tay, thì chợt một anh được bạc về sẵn tiền đưa luôn ra 3 cái, thế là chủ miếng bánh đã giựt ngay lại mà bán cho anh sau. Những « sen » như thế diễn ra hằng ngày, có khi chấm dứt bằng những cuộc ẩu đả. Có bạn khôi hài cho là có vậy mới « nóng máu », khỏi phải ngồi sưởi. Bánh, rượu, phở mát, bơ, thứ nào ăn được cũng phải trả giá đắt hết.

Xoay Tết

SAU khi lập thành « công ty ăn

Tết » anh Dũng lo ngay đến việc tổ chức. Nói đến tổ chức ăn thì dân quê Việt Nam đã sẵn truyền thống. Cho nên chẳng cần phải được « huấn luyện », anh Dũng cũng đã biết phân công rành rẽ lắm: nào è kíp chuyên đi mua bánh, è kíp vận tải rượu, è kíp đi một củ cải (thứ củ cải đỏ và ngọt người Pháp dùng cho ngựa ăn) è kíp dao thớt, è kíp kiểm củ... v.v... Còn anh Dũng tất nhiên đóng vai điều khiển, có phần sự làm sao cho bộ máy « xoay Tết » được ăn khớp và chạy cho có kết quả.

Mới sáng tinh sương ngày 30, trong khi trong trại còn ngủ im lìm, phòng nào, phòng nấy khê nong hơi người vì cửa đóng kín mít. Các è kíp tiếp tế của anh Dũng đã lên đường. Mỗi người một cái « ba lô » lính thu hình trong chiếc áo choàng có nón bằng da (pèlerine) dài lướt thướt; họ xông pha trên tuyết, chấp chớn trong sương mù như những bóng ma. Họ đi lung lay khắp các hang cùng, ngõ hẻm; họ xông vào bất cứ một hiệu bánh nào nản nỉ hết lời; miệng nói, tay chỉ bụng lép kẹp để nài mua cho được một cái bánh hoặc nửa cái, hoặc cùng lắm từng mẩu.

Họ thò thần, kiên nhẫn chờ trước cửa hàng, đợi cho tới lúc vắng khách mới vô; họ chỉ cái này, cái nọ, họ mua cho kỷ được. Phải hiểu cái tài đóng kịch và gan lì của họ đã đến chỗ tuyệt diệu, cho nên ít ai nỡ từ chối. Như thế tới trưa, anh nào về cũng có chiếc « ba lô » đầy ắp. Cực nhất là những bác góp ít tiền, phải lãnh trách nhiệm đi «mót» củ cải. Họ phải đi thực xa, ra những cánh đồng hoang vắng, lội tuyết, lụng gập lăm đôi, tay móc những củ cải hoặc khoai tây ngâm dưới 3, 4 phần tuyết. Sương nhất là những chú được cử ở nhà lo việc bếp núc.

Không phải ai cũng xung vào hỏa đầu quân được: phải là người đã được thử thách có tài « đánh tiết canh », thọc huyết heo, và nấu nướng khéo. Đến những ông được lo việc trưng bày cảnh Tết, nằm dài viết câu đối hay kẻ dọn bàn ghế, ấy mới thực là những cụ « tiên chỉ, thứ chỉ » chỉ chờ... ăn, vì có nhiều tiền đã thả ra cho anh em sắm Tết.

Tối ba mươi ai cũng bảo nhau thức cho tới giao thừa. Từng tốp họp lại trong gian phòng ấm. Nơi này tổ tôm, nơi kia sóc đĩa, một tốp khác quây quần chung quanh lò



sưởi kể chuyện Tết. Vài anh đã khê khà chén rượu, trước một đĩa đồ xào.

Cũng có những người « năm hết Tết đến không có một xu » thì đánh nước bài trù mền ngủ kỹ. Một ông giở rượu lục kiểm bộ quốc phục để sửa soạn sang xông đất « nhà » bạn, mặc dầu « nhà » đó chỉ là một chiếc giường cây, cách giường ông không đầy 20 bước. Reng! Reng! Reng! đồng hồ «ai reo 12 giờ: thì ra đã có ông cần thận để đồng hồ báo thức, sợ ngủ quên giao thừa. Tức thời tiếng «pháo nổ» nổ chan chát, màu pháo bông phun tung toé trong phòng. Giữa làn khói khét lẹt, vang lên những tiếng chúc tụng « năm mới, năm me ». Họ lay nhau thức giấc để cùng ly.

Âm nhạc nổi lên, phát tự chiếc máy hát cũ kỹ.

Nhưng lại là những điệu hát ai oán: « Anh khóa ơi! Em tiễn chân anh xuống tận bến tàu!... » cho hợp cảnh, hợp người!

Ngày mồng một

SÁNG mồng một, đúng như tục lệ đất nước, không ai rờ đến rác rến. «Cổ vè» được miễn. Từ mờ sáng tiếng gọi nhau đi lấy cà phê, lãnh rượu, lãnh bánh, đã nghe nhéo từ trại nọ sang trại kia. Trông 3 ngày Tết đặc



biệt có rượu, có thịt heo, có bánh ngọt.

Những người cầm quyền cũng thừa hiểu phần ăn đó đầu tương đối có khá hơn hàng ngày, nhưng cũng chẳng đủ cho lính ăn một cái Tết đáng hoàng. Lính phải trông ở tài xoay trở đặc biệt của họ, hơn là ở các quan coi trại. Nhưng xin cam đoan với các bạn, cái Tết của họ tuy có thiếu thốn, nhưng cũng đáng gọi là đáng hoàng. Được vậy cũng là nhờ ở một bữa bổi thiêng liêng: gói «ta ba» (thuốc là phát cho lính) đôi gì cũng được. Mỗi trại, ngày Tết là một thôn xã nhỏ ở Việt Nam. Họ cố «chép» lại tất cả mọi tục lệ để làm sống lại hương vị ngày Tết.

Từ tục lệ hay đến tục lệ dở! Đây, ở góc phòng ông giáo dạy «ba câu tiếng Pháp» mỗi ngày, nay được các trò y phục chỉnh tề đánh thức dậy để nhận lễ: vài bao thuốc lá, một chai sâm banh. Tốp ấy đi, tốp khác tới, nhà mô phạm phải nhận hết «lễ mọn», không dám chối từ, sợ làm người ta xui cả năm. Tiếng mừng tuổi, tiếng cười nói bắt đầu huyền ảo khắp trại. Thay vì những câu chúc tụng «làm ăn bằng năm, bằng mười năm ngoài» hay là «thăng quan tiến chức» người ta chỉ chúc nhau «cuối năm hồi hương». Có những câu chúc mà không ai bảo ai đều cảm ngất, đại khái: chúc «vợ anh cuối năm đẻ con trai». Vì đó là cả cái ác mộng của «lính thú đời xưa» hay đời nay.

Hết đám tiệc này đến đám cỗ khác; cái bàn dài dọc nhất kê ở giữa phòng không lúc nào ngớt khách, và người ta đã cần thận chia nhau giờ ăn uống. Rượu vào lời ra, đã bắt đầu có những cuộc cãi cọ. Những tay «miệng lưỡi» phải nhọc công đi từ bàn này qua bàn khác để «hòa giải». Trong cái vui ồn ào ấy, thỉnh thoảng pha vào một cảnh bất ngờ, làm cho mọi người động tâm vì cảnh ngộ ly hương: một ông bỗng nhiên nhớ nhà tru tréo lên khóc; có ông cầm quả trứng vào

(đọc tiếp trang 49)

rằng Charlie Chaplin là một thiên tài? Đó là một việc thừa. Phân tích các thiên tài ấy lại là một việc làm đáng ngại, nhất là trong địa hạt điện ảnh mà

một cảnh thoáng qua giây lát trên màn bạc có thể xúc động người xem mãnh liệt hơn hàng chục trang sách nghiền ngẫm trong hàng giờ.

Mà Chaplin xem ra có rắc rối gì cho cam! Ai cũng có thể hình dung vai hề già đi ấy; chẳng có kẻ lại giả trang Charlot giống hơn cả Ch. Chaplin đó sao? Có gì đâu, quanh đi quẩn lại cũng vài ba hàng điện, lui tới vui buồn cũng năm bảy nét cười.

Ấy thế mà Charlie Chaplin đã diễn tả được hết và gọi cho ta hiểu được hết. Cái con người quen thuộc đến nhàm ấy hiện ra trên màn bạc là đưa cho chúng ta những trận cười nghiêng ngửa, cho đến khi chợt cảm thấy những giọt âm âm lán trên má mới kịp bàng hoàng.

Lần lúc cái tự ái lý trí của ta nổi dậy: « Quái cái thằng cha này thật bịp bợm! Hẳn làm thế nào mà mê hoặc những cảm nghĩ của chúng ta, biến chúng thành một lũ đồng minh trung thành ngoan ngoãn của hắn. Hẳn làm thế nào mà sau những nét mặt bộ điệu cũ mèm ấy hẳn cho ta thấy, ta hiểu được tất cả những gì ta muốn thấy muốn hiểu: mặc dầu « cái muốn » thâm mỹ giữa mọi người chúng ta thật là vô cùng, xa khác! »

Đúng đấy, nhưng thôi, tự ái mà làm chi! Ta cứ cười với Chaplin trên mọi nỗi vui buồn lẫn lộn mà có quên tự hỏi « tại sao? » thì chẳng nên lấy làm điều quan trọng. Chaplin bước thẳng vào những nỗi sâu kín nhất của lòng người, cũng tự nhiên như ta sống, ta vui, ta buồn...

NHƯNG cái uy quyền tuyệt thế ấy lại có bề bất lợi cho thiên tài đây. Một nhà đạo diễn Pháp danh tiếng đã viết: « Tôi thành thật thương hại cho những kẻ nào chưa hiểu Chaplin... ». Nên đọc qua cái hình thức kiêu kỳ của câu ấy mới lo lắng thiết tha đối với nghệ thuật.

Đã bao nhiêu nhà phê bình văn nghệ, bao kẻ hăng quan tâm đến sân khấu màn ảnh đã bị tài đóng trò của Chaplin thu hút mà lãng quên tài

Suy gẫm trên sự nghiệp một thiên tài

CHÚNG TA MONG GÌ Ở ĐIỆN ẢNH?

sáng tác của nghệ sĩ. Chaplin không những là tài tử đóng vai chính, nhà đạo diễn, mà còn là tác giả của chính phim mình. Con người ấy đâu phải chỉ là một vai hề, một tay đóng trò (dù đã suy tôn lên là « siêu việt của thời đại »), Chaplin « tác giả phim »

của THANH LƯƠNG

là một thiên tài sáng tác có một chưa hai của nghệ thuật điện ảnh. (Kể xem chiếu bóng thường không chú ý đến quá trình xây dựng nên một cuốn phim. Trước khi cuốn phim hay được đem quay dưới sự điều khiển của người dàn cảnh, phải có người biết chọn một đề tài giá trị, dựng thành một chuyện phim hấp dẫn, cấu tạo nên nhân vật đầy đủ bản sắc, xếp đặt lớp lang thành như một tiểu thuyết bằng hình ảnh. Người đó là tác giả cuốn phim mà cái công đầu « mang nặng đẻ đau » quyết định cái quan trọng nhất là phần nội dung tư tưởng của cuốn phim).

Những phim của Chaplin chào đời từ những năm 20, 30, của thế kỷ, bây giờ đem chiếu lại vẫn còn giữ nguyên giá trị thâm mỹ.

Trong địa hạt điện ảnh mà sự đảo thái trong một vài năm bằng cả hàng trăm năm trong những môn nghệ thuật khác, cái thời gian tính bền vững trong những sáng tác của Chaplin thật đáng cho mọi nghệ sĩ nghiên cứu học hỏi.

Nhân vật của Chaplin đã đạt đến cái tính chất tiêu biểu và vĩnh cửu của những điển hình trong văn nghệ cổ. Nếu Don Quichotte là cái mẫu linh động của những thành phần quý tộc suy tàn thời phong kiến, nếu những lão Harpagon, Jourdain của Molière đại biểu được cho hạng người trọc phú trong những bước đầu của chế độ tư bản, thì những con đề tinh thần của Chaplin đã làm sáng tỏ trên màn bạc những bước ngang trái của xã hội thời đại chúng ta.

Xa hoa thành thị làm mù quáng lòng người, kim tiền cơ khi trở ngược lại bắt con người làm tôi mọi, chế độ độc tài đưa ra làm lối thoát cho để quốc chủ nghĩa trong giai đoạn tột

thai nghén ra: « Đồi xí đi tìm vàng », « Ánh sáng đỏ thành », « Thời đại tiến », « Lão Verdoux », « Kẻ Hết tài », « Ánh đèn sân khấu »... Thật là những đứa con dồi dào sinh khí của nghệ thuật điện ảnh, chúng nó đùa khờ mạnh, với vĩnh cửu nhưng không bao giờ khờ rên hơn tử.

Trước những khổ tâm của con người thời đại, những nỗi bất công mà bản thân Chaplin đã sớm trải từ thuở là lòng mẹ giữa một xóm tèn tèn của thị trấn Luân đôn, Chaplin bắt đầu như một kẻ khác kêu rên than khóc vu vờ rồi chạy trốn vào những hang cùng ngõ hẻm của một thế giới siêu hình thì cũng chẳng ích gì cho ai. Đã Chaplin chỉ vọc khuấy lên mà cười rồi lôi cuốn chúng ta cười theo. Không phải những trận cười cuồng loạn ý thức, cũng chẳng phải những nụ cười kiêu xa gượng gượng phải trả để giả nghìn vàng. Ta hòa với Chaplin một chuỗi cười xây dựng, cái cười khêu sáng bừng sự thật, sưởi ấm lòng thể nhân...

Mà cười là phải! kêu rên hẳn họ chỉ tỏ rằng mình bất lực và làm khác hoang mang trốn tránh. Quí thật nếu một phần nhân loại đang bị những đứa con đề của mình là má móc tiền bạc trở ngược lại chà đạp lên sinh mạng, nhân cách, phẩm giá của mình, thì đã có gì tuyệt vọng?

Chẳng qua đó là một quãng chôn gai phải trải qua trên bước đường tiến hóa, gắng giữ bình tĩnh sản xuất mà hiểu đời, mà yêu sống ở tranh đấu. Gắng tiến lên một bước nữa, rồi loài người (chứ không còn là một số ít người) sẽ làm chủ lại các lực lượng máy móc vĩ đại, cái kho giàu sang vô tận mà họ đã chung sức xây đắp trên mặt trái đất để cùng nhau chung hưởng.

Đó, vui lên mà mạnh bước! Bộ mặt của nhân loại đấu tranh (cho chính nghĩa) đâu phải chỉ độc có những nét căm hờn, khắc khổ, dăm chiêu?

Cái nhân sinh quan lành mạnh, tươi vui làm sao!

cùng, tài năng óc con người « bó rọ » trong một kiến trúc hời hợt. Những cái dăm chiêu của Chaplin đã cả thông sâu sắc. Thiên tài của nghệ sĩ đã giao hợp với thực tế xã hội để

Từ lâu danh vọng, giàu sang của Charles Chaplin đã lên đến tột bậc. Nhưng tư tưởng của nghệ sĩ không hề xa rời đám người nghèo hèn đã cùng mình chia sẻ trong những ngày đói rách gian truân. Ở đời cũng lắm lối giàu sang, giàu sang đâu phải chỉ là cái « tội ». Thí dụ: Tranh đấu cách mạng để làm gì nếu không phải để tìm sự giàu sang cho... tất cả mọi người? — Cái giàu có của Chaplin có lợi cho nghệ thuật.

Cứ tưởng tượng con người lồi lạc ấy với 2 bàn tay trắng, muốn quay phim mình, phải nép thân cầu cạnh chiều chuộng những ông chủ công ty điện ảnh; và những ông này (chẳng trừ một ai) đều đã trót đặt sinh mạng của nghệ dưới sự chi phối chặt chẽ của ba nhóm tài phiệt Rockefeller, Morgan, Hearst...

Thật may cho nghệ thuật mà ở Chaplin, con người nghệ sĩ lại kết hợp được một bộ óc tổ chức khoa học. Người nghệ sĩ điện ảnh ấy đã sớm biết tự tạo cho mình đầy đủ vốn liếng, máy móc để thực hiện lấy những sáng tác của mình. Nhờ vậy mà Chaplin đã can đảm bỏ qua mọi áp lực để có thể nói lên được với quần chúng cái gì nghệ sĩ muốn nói.

Điện ảnh, từ một môn kỹ thuật chuyên môn khô khan của những phòng thí nghiệm, con người đã biết đưa nó lên thành một tiếng nói màu nhiệm phong phú để trao đổi cho nhau tình cảm và tư tưởng. Điện ảnh trước tiên phải là nghệ thuật.

Nhưng trong giai đoạn kinh tế đại kỹ nghệ hiện nay thủ đoạn độc quyền thao túng những phương tiện sản xuất và phổ biến văn nghệ phẩm đang muốn nhốt bắt gốc rễ của nghệ thuật lên khỏi mảnh đất đang nuôi sống nó, đời sống nhân dân. Vì nó mà bao tài hoa phải cam phận lạc loài, bao nhiều nghệ sĩ tha thiết muốn đem tim óc mình ra « cống hiến thêm vui buồn cho thiên hạ » mà phải ảm ức nuốt nghẹn cái bất lực của anh hề Calvero... khi bị « mắc nghệt trong cái trống lũng »!



Charlie Chaplin có những phương tiện độc lập để sáng tác điện ảnh theo đường lối của mình, nhà sản xuất phim ảnh ấy lại không bao giờ khinh rẻ nghệ thuật bằng cách đánh giá tác phẩm mình bằng bao ngàn thước phim nhựa, bao nhiêu tấn sơn nàu, bằng những hàng số zéro dài dằng dặc trên bảng « bi lảng », cho nên chẳng có gì ngăn cản được Chaplin khi con người ấy muốn đem san sẻ vui buồn với đám quần chúng đông đảo, người bạn trung thành hiểu biết của muôn đời nghệ sĩ. Thật là một bài học quý giá cho thế hệ văn nghệ sĩ hiện đại: Trong một hoàn cảnh hết sức gay gắt cho nghệ thuật, người « nghệ sĩ toàn vẹn » ấy đã biết phối hợp ý thức tư tưởng với kỹ thuật máy móc để thống nhất cái « biết » và cái « làm » của nghệ sĩ, để chứng minh rằng trong việc sản xuất điện ảnh mặt nghệ thuật phải dẫn đạo mặt kỹ nghệ và trí óc con người bao giờ cũng vẫn cao quý hơn máy móc, tiền tài.

Có kẻ bảo: « Quần chúng của Chaplin là giai cấp cần lao ». Sao lại thái quá đi như thế để chịu tiếng là hẹp hòi? Ta chẳng nghe nói: Máy đem liên giữa thủ đô Luân đôn hàng vạn con tim của người xem từ những bức vẽ con người quý giá cho đến kẻ khổ rách áo ôm đã cùng hòa nhịp trước cái đẹp trong sáng rực rỡ của « Ánh đèn Sân khấu » đó sao!

Trừ một số ít người, quá hoang mang lo ngại cho cái quyền lực xé chiều của mình mà dăm ra kiêu căng lỗ bịch, còn lại tất cả đều có thể là quần chúng của Chaplin.

Con người chúng ta có khác nhau về màu da, về giai cấp, về quần áo, về tánh tình nhưng trong thâm tâm của chúng ta ai lại chẳng còn được

chút lương tri để cau mày trước một nỗi bất công, bằng khuôn trước một mối tình trong trắng, thôn thục trước một cảnh đời éo le ngang trái... dù là đưa ra đề mà cười!

Qua bao độ tương tàn, lòng yêu sống, tình thương đồng loại có bao giờ tắt hẳn trong chúng ta đâu! Mảnh đất thông cảm ấy luôn luôn chờ đón và sẵn sàng nuôi dưỡng những mầm sống nghệ thuật.

Lòng ngưỡng mộ của nhân dân thế giới đối với Chaplin chỉ cho chúng ta cái đích cao nhất của nghệ thuật mà đồng thời cũng là lớp sâu kín nhất của đáy lòng Nhân loại: đó là cái hoài vọng tha thiết đoàn viên của giống người từ cái ngày xa xưa nó lỡ chia thành giai cấp.

Suy gẫm trên sự nghiệp của Chaplin ta thêm tin tưởng ở Nghệ thuật trong việc giúp đỡ con người thực hiện cái ước nguyện chính đáng ấy...

« Điện ảnh sắp sửa bước vào cái tuổi Hoa Niên... Nó sẽ bêu dương cuộc đấu tranh vì « đại của con người và của các dân tộc để làm « chủ lấy vận mạng mình và làm chủ thiên nhiên. Nó sẽ làm sáng tỏ một giai đoạn mới « của bước đường văn minh: sự phục hưng « lại thế giới mà nhân loại đang thực hiện « với xương máu, bằng tư tưởng và hành « động... Nhưng, điện ảnh chỉ đạt đến mức « thành tựu tột cùng của nó khi mà mọi dân « tộc đã bước đến nấc thang tột cùng của tự « do. Điện ảnh khi ấy sẽ nói lên niềm out sum « vầy của nhân loại... » (1).

Trước một chân trời còn mịt mù khói lửa và hăm dọa, con người thứ nhất đã dùng điện ảnh kéo nhích lại gần cho chúng ta cái viễn ảnh ấm áp kia là Charlie Chaplin, người nghệ sĩ đã mang được trong tâm tư tất cả những thắc mắc, hoài vọng của thời đại chúng ta mà vẫn bình thản hồn nhiên như không hề hay biết.

Xã hội chưa tốt đẹp, « Cây Đàn Muôn Diệu » kia đã vì nhân sinh mà tấu lên hết những cung điệu vui buồn của thế cuộc chưa?

— Thưa, chưa hết!

Nghệ sĩ còn sáng tác, chúng ta vẫn tin tưởng đợi chờ...

Nhưng, với những cái mà nghệ sĩ nói lên vì công lý, vì phẩm giá con người, với con đường hạnh phúc mà nghệ sĩ đã vạch ra cho điện ảnh và

nghệ thuật nói chung, Charlie Chaplin đã xứng đáng với lòng tri ân của thế hệ.

THANH LƯƠNG

(1) Lời của Léon Moussinac





TẾT TRUNG HOA

☆ của LÂM NGŨ ĐƯỜNG ☆



AI Tết âm lịch cũ kỹ của người Trung hoa là cái đại lễ thông thường trong mỗi năm, so với bất cứ lễ nào khác thì xem ra có vẻ vui và khoái hoạt hơn. Rõ ràng năm ngày, toàn dân trong nước đều diện những bộ áo quần sang nhất, các nhà hàng đều đóng cửa, những kẻ nhàn rỗi rong chơi ngoài đường, đánh chiêng, đốt pháo, bạn bè đến thăm nhau, quần chúng kéo nhau đi xem hát.

Người nữ tỳ hèn mọn nhất cũng không phải bị la mắng và có điều thật lạ là đến những người đàn Trung hoa ham việc nhất đều kiêng việc rửa ráy, tắm gội và cũng không động chạm gì đến con dao làm bếp; họ nghĩ việc đi dạo chơi và cần hạt dưa. Sự lười đi dạo chơi và cần hạt dưa. Sự lười đi dạo chơi và cần hạt dưa.

Trên mỗi cửa nhà đều có dán những dung giấy đỏ đề những chữ: May mắn, Hạnh phúc, Bình an, Thịnh phát, Tàn xuân. Bởi vì, cùng trong lúc xuân về, vạn vật hồi sinh, cuộc sống hưng thịnh chính là lúc người ta làm lễ đón mừng.

Khắp nơi, trong sân, ngoài đường, tiếng pháo nổ ran, mùi thuốc súng bàng bạc trong không. Người cha cắt đi về trang nghiêm mọi ngày, các cụ ông trông đáng yêu hơn bao giờ cả, trẻ con đeo những chiếc mặt nạ tự do nô đùa. Những nàng thôn nữ, y phục diễm dúa, vượt hàng bao nhiêu dặm đi xem hát và những chàng trai trẻ diễm dàng đánh bạo theo dõi tán tỉnh những nàng thiếu nữ xinh đẹp. Đó là ngày giải phóng của phụ nữ, một ngày hoàn toàn rảnh việc; người đàn ông có đôi lòng thì ăn một thứ bánh trắng, một bát mì hoặc một miếng thịt gà ướp.

Chính phủ quốc gia Trung Hoa đã có lần thủ tiêu cái tết âm lịch, nhưng nó vẫn sống dai dẳng trong lòng chúng ta, không chịu chìm trong quên lãng.

Tôi là một người rất mới. Tôi vốn

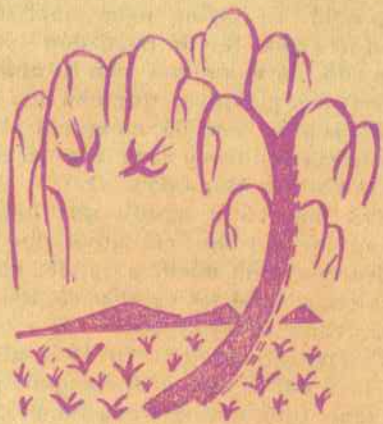
Hai dân tộc Trung Hoa và Việt-Nam từ xưa vốn cùng chung một nền văn hóa như hai anh em cùng chung một mẹ, thì cái Tết của hai dân tộc hẳn là không khác gì nhau, mặc dầu hai ngọn lá trên cây vẫn không hoàn toàn giống hệt nhau.

Ta sẽ thấy tất cả những cái gì quen thuộc cổ hủ của ta trong bài ký sự của nhà văn Trung Hoa Lâm-ngũ-Đường, nói về cái Tết ở nước ông. Mặc dầu là một người thuộc về phái mới, tâm hồn đã chịu rất nhiều ảnh hưởng Tây phương, trong lúc đón mừng cái Tết cũ kỹ thông thường ấy một cách miễn cưỡng, ông đã tự nhận rằng chính trong lúc đó ông mới thấy rõ tâm hồn ông là một tâm hồn đặc biệt Trung Hoa; đúng hơn, đó là cái tâm hồn bất diệt của mọi người Á-Đông chúng ta. — Dịch giả

có hảo ý đối với lịch pháp La Mã là thứ lịch ước định mỗi năm 364 ngày. Nói cách khác, quan điểm của tôi rất khoa học và lý luận. Chính vì thế mà cái tự phụ khoa học kia đã bị tổn thương nặng nề khi tôi nhận thấy rõ ràng sự thất bại thật sự của cái tết « nhà nước »; mặt khác, những ai đã chủ trương đón mừng cái tết ấy với một mối chân cảm, chính họ cũng nhận thấy thế.

Tôi vẫn không ưa nghe nói đến cái tết cũ. Nhưng dù thế nào, nó cũng vẫn đến, rất đúng thì, vào ngày mồng bốn tháng hai dương lịch.

Cái « ta khoa học » của tôi xúi giục tôi không đề ý đến nó, tôi ngoan



ngoan vàng lỏi. « Hãy làm ngơ đi, tôi tự chủ với sự cổ tâm hơn là tin ở chính mình; bởi vì tôi đã ngắm theo hình con thỏ, những món thấy, từ đầu tháng giêng tây, những tiếng động báo trước cái lễ xưa. Một buổi sáng người nhà dọn cho tôi được hay một người bạn đồng một bát cháo hạt sen long nhãn, sự nhờ là đã đến ngày mồng 8 tháng chạp âm lịch. Một tuần lễ sau, người nhà đến xin tôi cho lãnh trước thán lương trả vào dịp tết. Hân được tự một buổi chiều và đưa cho xem màn một gói vải bông xanh mà hẳn sẽ gửi cho vợ hẳn. Vào ngày mồng một ngày mồng hai tháng 2 dương lịch, tôi phải thường tiên cho người nhà thư, người đưa sữa, người nhà sách v.v... Than ôi! tôi đã cảm cái gì xảy đến.

Sáng ngày mồng ba tháng 2, quyết tâm tự nhắc lại với tôi « Minh đừng chú ý gì đến cái lễ kỷ ấy! » Nhưng vợ tôi bảo tôi quần áo. Tôi hỏi:

— Sao vậy?

— Người nhà sắp giặt quần áo hôm nay. Họ không thể để đến ngày mồng một hay ngày kia được.

Vốn là kẻ thường tình và dễ dãi tôi không thể nào từ chối được. Sự phẫn đối của tôi trở nên bất lực bắt đầu từ đó.

Sau buổi cơm sáng, cả nhà tôi đến phải đi đến nhà ngân hàng, mọi người không khỏi nhao lên, và điều ấy thật là vô lý, vì, như chính phủ đã ra lệnh cái tết cũ không có nữa.

Vợ tôi bảo tôi:

— N. Đ., chúng tôi có thuê một chiếc xe hơi. Anh hãy đi với chúng tôi đi.

Đi xe hơi thực là một điều cảm động, tôi không thích đi thăm nhà ngân hàng, nhưng tôi lại thích xe hơi.

Tôi nghĩ thầm:

— Ta sẽ đến các đền thờ trong thành phố. Ta sẽ được thấy những gì mà ta có thể tìm thấy ở đó cho bọn trẻ. Chắc chắn là sẽ có những cây đèn lồng trong dịp này và đứa con trai bé nhất của ta chưa bao giờ được thấy những cây đèn quay.

Tôi đã nhượng bộ như thế nào và vì sao như thế? Việc gì xảy ra đều



hư đã định sẵn, một lần ở đền, vào dịp năm ấy.

Tôi bước ra khỏi nơi đó với những cây đèn quay quay, những cây đèn theo hình con thỏ, những món đồ chơi đủ các loại, những cành hoa tươi hoang dại thơm nức. Lúc trở về nhà tôi được hay một người bạn đồng hương vừa gửi cho tôi một giỏ thủy tinh đầy hoa đã làm rang tiếng tâm chấp âm lịch. Một tuần lễ sau, người nhà đến xin tôi cho lãnh trước thán lương trả vào dịp tết. Hân được tự một buổi chiều và đưa cho xem màn một gói vải bông xanh mà hẳn sẽ gửi cho vợ hẳn. Vào ngày mồng một ngày mồng hai tháng 2 dương lịch, tôi phải thường tiên cho người nhà thư, người đưa sữa, người nhà sách v.v... Than ôi! tôi đã cảm cái gì xảy đến.

Đến bữa ăn sáng, hương thủy tiên lại làm cho tôi liên tưởng đến cái kỷ niệm về một món cơm sen nấu gạo Phúc Kiến với lá cải củ.

Không khỏi có giọng tiêng tiếc, tôi nói:

— Năm nay họ không gửi cho mình thứ gạo có củ cải nhỉ?

— Có ai ở Áo môn đến đây đâu. Tôi nhớ cô lần đã ăn món cơm sen nấu gạo Phúc Kiến với lá cải củ.

— Tôi nhớ cô lần đã ăn món cơm sen nấu gạo Phúc Kiến với lá cải củ.

— Tôi không chắc như vậy, vợ tôi nói như thử thách tôi.

— Chắc lắm chứ! tôi nói như khiêu khích lại.

Vào lúc ba giờ chiều, tôi chở về nhà một thùng bánh rán.

Lúc năm giờ, chúng tôi ăn bánh, hương thủy tiên thơm ngát tỏa ra khắp phòng ăn, và dần dần, tôi có cái cảm tưởng bối rối của một kẻ phạm tội.

Tôi nói, giọng quả quyết:

— Tôi không muốn ăn Tết đầu. Tôi xem chiếu bóng.

Vợ tôi hỏi:

— Sao vậy? Anh không nhớ chiều nay có ông T. lại ăn cơm à.

Đến năm giờ rưỡi, đứa con bé nhất

XUÂN 1954

BỜ MƠI

TRANG 44

của tôi lộ ra, sừng sinh trong chiếc áo đồ mới.

Nhặt đi một cách can đảm, tôi cất tiếng hỏi, lòng không khỏi thấy cảm động hơn lên:

— Ai mặc áo mới cho nó đó?

— Có lẽ Hương Mai.

Vào lúc sáu giờ, những cây nến đỏ sáng rực trên lò sưởi trông thật vui mắt, ánh lửa chấp chờn của nến gieo những tia sáng đặc thắm ngao nghe làm cho cái « lương tâm khoa học » của tôi bớt ray rứt. Cái lương tâm ấy có thể nói là đã thành cái gì rất mơ hồ, yếu ớt và hư ảo.

Trong lúc ấy tôi tưởng nên hỏi:

— Ai đã thắp nến đó?

— Chị Mai đấy.

— Thế ai mua về?

— Chính anh đã mua sáng nay chứ ai.

— Thật à?

Hắn là tôi có cái đáng điệu lố bịch lắm! Ý tưởng ấy vừa đến trong trí tôi. Tôi nghĩ đến cái thái độ của tôi ban sáng, sự giằng co giữa tình cảm và lý trí của tôi. Chính trong lúc đó, đầu óc bối rối của tôi bị những tiếng pháo « tạch đùng » ngoài đường lôi kéo. Tiếp theo nhau, những tiếng ấy vang vào tận trong cái bản thể có ý thức của tôi và có sức khích động một tâm hồn Á đông mà không một người Âu châu nào có thể hiểu nổi.

Tôi sẽ để yên sự khiêu khích như thế mà không trả lời chăng?

Rút trong túi một đồng đô la tôi bảo anh bởi:

— Chạy mua cho ta những cái pháo thăng thiên, pháo « thiên địa », tất cả những thứ gì lớn nhất, mạnh nhất, tốt nhất.

Và trong tiếng « tạch đùng » phát ra từ cái pháo bông riêng của tôi, tôi ngồi chủ tọa buổi cơm chiều trong dịp năm mới. Tôi xin thú thực là tôi đã cảm thấy sung sướng thật tình.

HUYỀN VI dịch

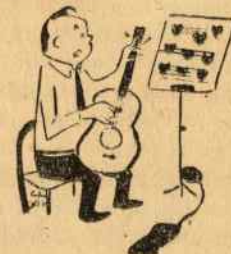


Muốn sống có hạnh phúc

Có chín điều kiện cần thiết để sống có hạnh phúc: có đủ sức khỏe để thích thú làm việc; có đủ tiền bạc để tiêu dùng cần thiết; có đủ nghị lực để tranh đấu vượt mọi nỗi khó khăn; có đủ phúc thiện để nhận những lỗi lầm của mình và không phạm tới nữa; có đủ nhẫn nại để chịu đựng cho đến khi đạt đến kết quả tốt; có đủ lòng nhân từ để nhìn thấy chỗ tốt đẹp của người khác; có đủ tình yêu để thúc giục mình trở nên hữu ích và giúp đỡ người khác; có đủ lòng tin để thực hiện nhiệm vụ của con người; có đủ ước vọng để đừng lo sợ tương lai.

GCETHE

thi hào Đức



NHẠC CẢNH 1953

(tiếp theo trang 20)

cho nhạc cảnh của những ngày cuối năm lông lẻo. Năm vừa qua, ta không thấy xuất hiện ra một vài nhạc sĩ ca sĩ nào đặc biệt khả dĩ thúc đẩy hoặc xoay hướng cho nền nhạc cảnh mới. Tôi không muốn nói đến sự xuống dốc của một số nghệ sĩ hoặc không diễn xuất gì thêm lạ, hoặc lạc mình vào hát nơi mấy tiệm khiêu vũ... Trong đám thanh niên chiếm giải thưởng tuyển lựa tài tử cũng không xuất hiện ra được một Linh Sơn hay Bích Thủy khác nữa. Chúng ta lại đành đặt hy vọng vào năm đang tới vậy.

Kết luận, nếu chỉ nói với tính cách xây dựng mà thôi, chúng ta hằng ghi công một số nhạc đoàn như Thăng Long, Hương Thanh, Dân Nam đã biết giữ vững lập trường nghệ thuật lành mạnh của mình bằng công việc phát triển nhạc cảnh trên hai hình thức: đồng quê và dã sử. Chúng ta còn chờ đợi ở họ, cũng như hy vọng ở những đoàn mào non khác nhiều công trình hoàn mỹ hơn, vĩ đại hơn cho xứng với sự chờ mong của toàn thể dân tộc đang đào đặt trong lòng một khúc Đại Hòa Tấu làm ly và hùng dũng.

DƯƠNG HUY

TRANG 45

DU KÝ NGÀY XUÂN



CON tàu trắng toát, bay như mũi tên trên mặt sóng vì được thuận gió, hôm nay bắt đầu « nghe » lạnh. Trên « boong » đã thưa khách nhàn tản. Một vài điểm thuốc cháy đỏ, linh động trong đêm, một vài bộ hành ý chừng đương bị tiết đông sơ lưng lạnh, cảm nghĩ băng khuàng.

Trời loăng ra màu bạc cũ. Và mặt biển vẫn nhấp nhàng lên xuống hai bên sườn tàu, nhưng sóng đã bớt dữ.

Chúng tôi đương men theo rìa Đông Hải, đương vượt quần đảo Liêu Châu. Núi non hoang liêu kia là cả một lịch sử binh đao, bi tráng. Ba lần đổi chủ, Liêu Châu hiện là căn cứ hải quân quan trọng. Những mồm đã nhọn, xô lệch, chia ra biển, đậm nát những đợt sóng ủa vào bờ.

Nhưng mà không có bóng chim trong cõi mênh mông, lặng lẽ, và nổi vắng vẻ càng làm thêm tiêu sơ trời và nước.

Từ eo biển Đài Loan trở đi, tôi bỗng thấy lòng rạo rức vô hạn.

Cũng trên một triển nước xoay, hai kỷ nguyên đã đi qua, một già và một trẻ, nhưng cuộc hành trình không chút giống nhau.

Tôi còn thấy như đầu dây, khăn gói vạt vai, những con người mà tâm lòng cô đơn được người trong chi cả những con người đã đi thẳng vào lịch sử, và lần thứ nhất, dám vượt eo biển Đài Loan: Phan bội Châu, Nguyễn Thượng Hiền, Tàng Bạt Hồ...

Cũng trên bước đường vượt đêm nay, nhưng ngày đó còn gian truân gấp mấy, những bậc tiền bối đã đi qua, với bao nhiêu tâm tư đau thương và hùng tráng.

Phải, những người đó chắc hẳn không được dự trong một « ca bin » thượng hạng có đủ những tiện nghi chiều người. Họ trốn vào hầm tàu lủi ở nhà bếp, ép xuống sườn « boong », cuộc hành trình lúc nào cũng treo trên sợi tóc.

Và Phan bội Châu lên Hoàng Tân với một cái « búi tóc » lũng lảng, bắt càn nự cười mỉa mai của người Nhật.

Chuyến Đông-du năm đó là cả một nghen ngào cho những tâm hồn thương nước. Nguyễn-Thượng-Hiền ai oán, Tàng-bạt-Hồ ngậm ngùi. Nước Nhật ngày ấy đương ủ giắc mòng,

đầu có sẵn lòng ưu ái những linh hồn cách mạng.

Trên sóng biển, tôi như nghe ai nhắc lại mấy câu thơ kín đáo của Thượng-Hiền gửi ngậm về nước:

« Lấy chồng từ thuở mười lăm »

Chồng chế tôi bé không nằm với tôi!

1915. Nước Nhật chẳng đã nhiều lần

khinh thường Việt Nam nhỏ xiu.

Nhưng phong trào đòi, người Nhật

muốn Tây tiến, liền nghĩ

đến Việt Nam thì đã

muộn:

Năm nay tôi lớn khôn rồi,

Tôi nằm dưới đất, chồng lúi lên giường.

Từng năm qua. Những thân hữu tản

mát, sau khi thất vọng ở nước Nhật,

Nguyễn quân báo tin cái chết của một

trong bốn đồng chí phiêu lưu:

« Ai về nhắn nhủ người thương.

Có bốn chân giường, gãy một còn ba.

« Ai dám bảo thơ ngày nay hay hơn

ngày xưa? Con người ngày nay khôn

ngon hơn con người trước? Con

người ngày nay e sợ núi, nên không

dám phong trần. Con người xưa chưa

biết cái « tuổi » mây bay cánh chuồn,

khoan hãy nói đến phần lực, siêu

âm—nên trong thú ra đi, phùng

càng tâm tình thượng võ.

Với những con người không thêm

cạo răng trắng, chỉ thích món cà

pháo, rau muống và tương gừng,

« đường đi không bao giờ khó cả ».

Bởi vì trên đường đi, họ giắt theo

một thứ khí giới màu nhiệm là tấm

lòng trung kiên vô đối.

TRONG một « ca bin » sáng rực,

đủ mọi tiện nghi, tôi tỳ tay lên khung

cửa để ngắm những hòn đảo Liêu

Châu. Chiếc « cà vạt » ở cổ tôi bay

phần phật. Bên cạnh tủ, đặt chiếc va

ly đựng vô số là xa xỉ phẩm.

Tôi thấy tôi, than ôi, cũng chỉ là xa

xỉ phẩm!

Người xưa đi lướt trên những thú

bất tối ngày nay mang nặng. Người

xưa tung núi Thái Sơn mà cười ha hả.

Ngày nay cũng tung tôi lên; để gọi là

« có đi và có đến ».

Tôi mất đi rõ nhiều thú sống,

khí nhận lấy cái sống theo chiều cao,

theo cách chớp nhoáng theo sự dễ

dàng.

Đời toàn là cửa rộng dễ lên, và lối

đi đã hoàn toàn trái ngược.

Mười ngày từ Sài Gòn đến Đông kinh,

còn là lâu chán!

Một ngày từ Đông kinh về Bến Ng

mấy bay vẫn chưa là hỏa tốc.

Phải rút lại một một giờ! Phải

lại mười phút.

Phải đốt không gian! Phải...!

Nã phá Luân không cần chiến

mà vẫn đến gõ cửa được đất Nga.

Kha luân bố không cần thuyền

mà vẫn thâm được Mỹ Châu. Nh

ên sở nguyên của họ.

II. — Xu hướng thoái hóa, truy lạc,

lị hợm. Thành phần của chúng là

hững nhân vật trốn tránh thực tại,

nuốn lãng quên trong những thú vui

lệ lạc, cổ bầu vùi lấy những cái cận

lũ của một triều đại lãnh mạn đã qua.

Đến cấp cả cốt

hạc lẫn bản sắc

ngoại quốc để

áng tạo ra những

hạc phẩm lai

lãng, hồng đưa

ên âm thanh xứ

ở đến chốn vong

lũn, suy tàn.

Xu hướng hiện thực, lãnh mạnh, của

một thiểu số nhạc sĩ đã rung động

một cách thấm thía với đồng quê

huân túy, trong sạch. Họ cố đi sâu

ảo nền nhạc cổ hữu để lượm lật

hoa thơm cỏ lạ, đón những hơi gió

nát từ phương trời xa về, dùng kỹ

thuật Tây phương để ghi lại những

ấn sắc thuần hậu của dân tộc.

Nói chung đều là những đoạn nhạc

âm đà, ướt át khiến bác dân cày,

thôn nữ, cho đến những cô cậu học

sinh, những nhà bác học, đều cảm

hãy sẵn khoái khí nghe làn âm

hanh trăn trẻ nhựt sống kia vắng

lên tai họ.

Vì sao những bản nhạc đó hấp dẫn

được đại đa số quần chúng?

— Vì chúng là tiếng nói của họ, là

âu cảm hứng của họ, là tâm tư

huân túy của họ và chúng là nhạc

hình tông của dân tộc họ vậy.

Ngoài dân ca, ta còn được thưởng

hức những khúc nhạc rộn ràng,

anh mẽ, đã đem lại cho chúng ta

một sức sống mới, một bầu máu nóng,

âm tâm hồn ta thêm phần khởi, ham

hơn nữa và tin tưởng biết bao

hiếu vào tiền đồ của âm thanh xứ

ở.

Thật đáng tiếc, số người muốn tô

lềm cho nền nhạc đất nước thêm đẹp

ẽ, thêm sức tích, số người muốn nói

lời tinh thần quật khởi của cha ông,

hành phần của họ yếu ớt quá, ít ỏi

uá, thừa thớt nhiều. Hoàn cảnh xã

ội chỉ phối sức phát triển của họ,

goại cảnh giam hãm họ, những người

là như một đồng lúa đang vươn lên

trời tốt, đến kỳ trở bông thì ánh nắng

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi



ÊN ca nhạc đô thành, hiện nay chia làm hai thành phần, hai xu hướng rõ rệt:

I. — Xu hướng hiện thực, tìm trong âm

nhạc thuần túy những yếu tố gì tiêu

hiếu cho dân tộc tính. Đi sâu vào

inh cảm của nhân dân, để phát biểu

ên sở nguyên của họ.

II. — Xu hướng thoái hóa, truy lạc,

lị hợm. Thành phần của chúng là

hững nhân vật trốn tránh thực tại,

nuốn lãng quên trong những thú vui

lệ lạc, cổ bầu vùi lấy những cái cận

lũ của một triều đại lãnh mạn đã qua.

Đến cấp cả cốt

hạc lẫn bản sắc

ngoại quốc để

áng tạo ra những

hạc phẩm lai

lãng, hồng đưa

ên âm thanh xứ

ở đến chốn vong

lũn, suy tàn.

Xu hướng hiện thực, lãnh mạnh, của

một thiểu số nhạc sĩ đã rung động

một cách thấm thía với đồng quê

huân túy, trong sạch. Họ cố đi sâu

ảo nền nhạc cổ hữu để lượm lật

hoa thơm cỏ lạ, đón những hơi gió

nát từ phương trời xa về, dùng kỹ

thuật Tây phương để ghi lại những

ấn sắc thuần hậu của dân tộc.

Nói chung đều là những đoạn nhạc

âm đà, ướt át khiến bác dân cày,

thôn nữ, cho đến những cô cậu học

sinh, những nhà bác học, đều cảm

hãy sẵn khoái khí nghe làn âm

hanh trăn trẻ nhựt sống kia vắng

lên tai họ.

Vì sao những bản nhạc đó hấp dẫn

được đại đa số quần chúng?

— Vì chúng là tiếng nói của họ, là

âu cảm hứng của họ, là tâm tư

huân túy của họ và chúng là nhạc

hình tông của dân tộc họ vậy.

Ngoài dân ca, ta còn được thưởng

hức những khúc nhạc rộn ràng,

anh mẽ, đã đem lại cho chúng ta

một sức sống mới, một bầu máu nóng,

âm tâm hồn ta thêm phần khởi, ham

hơn nữa và tin tưởng biết bao

hiếu vào tiền đồ của âm thanh xứ

ở.

Thật đáng tiếc, số người muốn tô

lềm cho nền nhạc đất nước thêm đẹp

ẽ, thêm sức tích, số người muốn nói

lời tinh thần quật khởi của cha ông,

hành phần của họ yếu ớt quá, ít ỏi

uá, thừa thớt nhiều. Hoàn cảnh xã

ội chỉ phối sức phát triển của họ,

goại cảnh giam hãm họ, những người

là như một đồng lúa đang vươn lên

trời tốt, đến kỳ trở bông thì ánh nắng

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi

đi



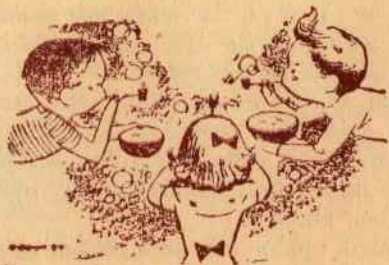
TẾT VỚI TRẺ CON

Chưa chi, trẻ con đã tưởng tượng đến những cảnh, áo mới quần mới, những bữa ăn linh đình, những giờ nghỉ, những

cuộc vui Xuân, đốt pháo...

Trong thâm tâm, chúng đã nghĩ tới những cuộc đi viếng thăm mả ông bà trên cánh đồng xanh bát ngát. Chúng đã mơ đến những cuộc lễ bái trước bàn thờ gia tiên, với những bộ lư đồng sáng choang, với khói hương nghi ngút, với những câu liên đồ...

Về mặt tinh thần, Tết là một dịp tốt để cho chúng gác lại những sự sợ sệt, sự lo âu về bài vở, những sự quở phạt của người lớn chúng ta, vì Tết đến đầu người nào có khó tánh đến đâu cũng phải kiêng cử. Sự vui tươi trong ba ngày Xuân là một nhựa sống của trẻ, Nó làm cho chúng háng hái, phấn khởi.



Về mặt đức dục, Tết là một cơ hội thuận tiện, khi chúng ta khéo lợi dụng, để dạy chúng một cách cụ thể một phần trong muôn một bổn phận của con cháu đối với cha mẹ, ông bà, kể lại cho con cháu nghe những công nghiệp của tổ tiên cùng những câu truyện lịch sử, liên quan đến ngày Tết...

Vì sự ích lợi của lễ Tết đối với trẻ con, chúng ta, kể làm cha mẹ, đầu chúng ta có bận rộn thế nào, dù có chuyện ưu tư gì, chúng ta cũng tạm gác lại, lo cho các con, sắm sửa cho chúng những quà cáp, những áo quần mới, hầu tạo cho chúng một cái Tết vui tươi... Nữ sĩ Đàm Phương cho rằng: «Trẻ con Việt nam không có mấy khi được những món đồ chơi đầy đủ. Cha mẹ Việt nam cũng không mấy khi bày vẽ cho trẻ con vui chơi

bao giờ...» Tôi thiết nghĩ nữ sĩ không lầm trong ý nghĩ của mình vậy.

Bởi thế, chúng ta nên gởi tặng nhau, thay vì những câu chúc mừng khách sáo, giữa người lớn với nhau những món quà, những món đồ chơi thích hợp với trẻ em, con của bà mình. Những người ở một xóm, một dãy phố, một khu vực với nhau, nên sắp đặt những cuộc vui chung cho trẻ con, vào một ngày hoặc một buổi ngày đó trong ba ngày xuân. Tục ngữ có câu:

«Mồng một Tết cha, mồng ba Tết thầy».

Chúng ta, phụ huynh của trẻ em ta nên tổ chức một cuộc vui chung tại khu học đường vào ngày mồng ba, vì phần đông trẻ con trong làng trong đô thị là học sinh.

Nơi sân trường, chúng ta dựng một «Cây mùa xuân». Chúng ta hội họp các trẻ em lại, phân phát bánh quế đồ chơi cho chúng. Nhơn cơ hội này trẻ em nghèo được lãnh quần áo, vở, đồ dùng học tập, trẻ em nhà giàu thì lại được dịp tốt giúp đỡ bạn mình.

Cũng buổi hội họp này, trẻ em trình bày những kịch ngắn vui, những điệu múa mừng xuân. Nếu có đủ phương tiện, chúng ta chiếu những phim hoạt hình có tánh cách thích nghi cho chúng xem. Có một vài nơi người ta còn tổ chức những cuộc cộ đèn hoa, đốt đèn màu trên «Cây mùa xuân». Ở những địa phương giàu có, chúng ta đặt một bữa ăn thân mật. Nơi đó trẻ em sẽ chúc năm mới lẫn nhau. Người lớn chỉ coi chừng và điều khiển một cách khéo léo và kín đáo, để cho chúng được tự nhiên vui vẻ. Như trẻ con nghèo cũng như giàu đồng vui xuân, hưởng một cái vui trong sạch và hồn nhiên của ngày «Tết»...

Hỡi các em nhi đồng, nhân ngày Tết đến, tôi, một người anh xa xưa chưa từng quen mặt, của các em, muốn có món quà tinh thần trên đây tặng các em.



THIỆU TRẠI THỪA GIỚI

CHIẾN tranh càng kéo dài càng tăng thêm mọi cảnh điêu linh, thống khổ cho nhân dân, nhất là cho phái nữ.

Trong mười năm trường, khói lửa đã sản ra biết bao nhiêu chàng Kim, đề mà... «... Ở đất biên khu lại nhà...»

Vội sang vườn Thúy dò la. Nhìn xem phong cảnh nay đã khác xưa.

Và, mười năm qua, có bao nhiêu chàng Kim thì có bấy nhiêu nàng Kiều; có bao nhiêu chinh phu thì có bấy nhiêu chinh phụ, đề mà than thở lời than muốn thuở của những ai «là thiếu phụ Nam Xương»

Lấy con thơ, em thay bố; nuôi mẹ già, em lại thay con... Tuy vậy, nàng Kiều vẫn còn được điểm phúc «trông tư» chàng Kim, và người Nam Xương còn được nói dối con đại bằng bóng của mình, và chinh phụ cũng còn may mắn được Thị Diễm họ Đoàn ca lên câu ca phũ phàng:

«Lòng chàng, ý thiếp ai sầu hơn ai?» Nghĩa là kẻ ở còn biết người đi, chứ chẳng này, hỡi hỡi! những ai là người nhiều chiến! xin các ngài hãy nghĩ đến lớp thiếu nữ măng tơ, mười lăm mười sáu hay mười tám đôi mươi đã sớm hòa mình vào vòng biển dâu của thế sự, hơn nữa đã đem má hồng má cò xát với mọi nỗi truân chuyên của «thuở trời đất đổi cơn gió bụi» đề rồi, suốt từ khoảng 1930-40 cho tới nay, «mười lăm năm ấy bấy giờ là... đây!» — «đây!» thưa là bước loạn trường của bạng «mỗi xuân mỗi nỗi như đuổi xuân đi» mà, ngó nhìn lên phận mình thì vẫn «trơ cái hồng nhan với nước non!».

Cảnh tình của chúng em quả thật là bi đát, chị ạ. Cùng ra đi với các anh em, rồi đường dài tuy — Nguyễn Tuấn ơi! — tuy vui thực đấy song lắm độc và lắm chông gai lắm nên «cóc chết ba năm quay đầu về tổ»; chúng em đã mang cái nghiệp «bội vôi» mất rồi nên chúng em lại mang «dầu vôi» về hé phố thì đây! chị xem những con số không lồ này, những tỷ lệ, những biểu đồ trong đó ghi rõ sự chênh lệch về lượng giữa chúng em và các anh ấy thì chị thấy ngay là ở Hà thành trong 4 người chúng em, chỉ có mỗi 1 anh, còn ở Nam phần thì 1 trai có 2 gái, và chị ở Trung phần thì nghe đâu nam

nữ ngang nhau nhưng tội một cái là đất Nhà vua đất đỏ quá lắm nên chúng em đành cam chịu làm đàn thiếu thân cho ánh sáng đỏ thành vậy... Chị ơi! chị có biết một thủ phủ Bắc hà có bao nhiêu gái điếm không? Thưa với chị, chừng 7.000 có giấy, còn... còn lậu ấy à? Chợt đen buồn thít người, ai biết đâu mà tính

của THỊ HỒNG PHÚC

cho xuê? Lại còn các cửa biển, như Hải Phòng, như Sài Gòn thì ời thôi! Số đóm, Gò-mô (1) thuở trước chẳng rõ có địch nổi chăng?

«Chị bảo: sao chúng em không buôn bán? Thử sao chị không bảo người có tiền và người có quyền sao không giúp của, giúp công cho chúng em lúc đầu này?»

«Chị bảo: sao chúng em không về quê, bởi đất nhứt cò mà sống — vì «có tay người, sỏi đá cũng thành cơm» cơ mà? Chúng em muốn lắm chứ. Nhưng về quê nào bây giờ?»

«Thế cho nên chúng em bây giờ toàn là những tấm lụa đào — mặc dầu đã hết sức nhàu úa — «phất phơ hé phở biết vào tay ai?» đây.

«Người ta mách chúng em nếu có

«Công ty ăn Tết» của Việt kiều ở Pháp

(tiếp theo trang 41)

một chén cơm, đề đầu giường rồi sụt sùi kể lể «30 Tết còn ở xứ người, cha mẹ ơi! có biết cho con v... v...». Nhiều ông mặt đỏ gay kêu nhau đi «li xì cho con Renée...».

Móng một, mồng hai, qua mồng ba, họ cũng đốt vàng, song không có bún thang, hay dưa đỏ, mà chỉ còn vài ly rượu, hay tối số hơn thì có chai «Canh ki na» con mèo trúng số ở chợ phiên trên tỉnh.

Tết với Tết

TẾT này qua Tết khác, các công binh đã trải qua hơn chục cái Tết ở hải ngoại, và có người còn kéo dài nhiều cái Tết khác nữa không Tết nào giống Tết nào.

Có đứa thứ Tết ở trong đủ cảnh ngộ, có cái tết buồn rầu như ở trong ngục Sorgues; nhà tùng giới đề trị những người không tuân kỷ luật, có

thế, có thần, hay có tiền, có chữ thì may ra chúng em sẽ được «sa» vào cửa nhà... binh, bằng không thì một là sẽ sa vào cửa nhà... pha, hai là sẽ vào cửa nhà... thổ, ba là sẽ vào cửa nhà... đất. Ba cửa đều rộng và tối như nhau cả.

«Biết thế làm! Song biết làm sao cho khỏi cần đoạn trường, hở chị?»

«Có thể họa may rồi chúng em mới có được chồng, chị ạ.

«Bằng không thì... thì... nhạc đắng xính nghe đâu gần quá, chị nhỉ?».

Trong đêm tối dậm dật, có một, hai, ba, bốn, năm, sáu... chín, mười lăm, hai mươi... một trăm... năm trăm... một ngàn... khung cửa tối om, cánh mở rộng, nuốt cứng biết mấy mươi đoàn người «mắt như nước mùa thu, nụ cười nghiêng thành đồ quân»...

Xa xa có tiếng nấc trong tiếng hát truyền thanh.

Đèn xanh, đèn đỏ, đèn tím, đèn vàng chực lờn trên vành cầu vồng...

T. H. P.

(1) Sodome, Gomorrhe, hai đô thị xưa nổi tiếng về dục lạc.



của HOÀNG THƠ

KHUNG CẢNH VÀ NHÂN VẬT :

Một gian phòng mở trong ánh đèn xanh nhạt. Một thanh niên đang ngồi trầm ngâm ở ghế. Trên giường đặt gần cửa sổ một thiếu nữ đang nằm ngủ.

THỜI GIAN : Một đêm cuối năm.

THIẾU NỮ.— (tỉnh giấc, thấp giọng) — Anh ở đâu?

THANH NIÊN.— Anh đây.

THIẾU NỮ.— Em không thấy gì hết.

THANH NIÊN (đứng lên).— Anh đây này.

THIẾU NỮ.— Để em vặn đèn lên.

Ánh sáng mờ mờ xanh nhạt.

THANH NIÊN.— Em đã thấy chưa?

THIẾU NỮ.— Trông anh chỉ là một cái bóng.

THANH NIÊN.— Em vặn đèn sáng hẳn lên.

Ánh sáng.

THIẾU NỮ.— (dịu dàng) Thấy anh rồi! Sao anh không ở gần em?

THANH NIÊN.— Anh không ngủ được.

THIẾU NỮ.— Thế em đã ngủ quên đi ư?

THANH NIÊN.— Em vừa chợp đi.

THIẾU NỮ (mỉm cười).— Em rõ thật là mê an, mê ngủ.

THANH NIÊN.— Anh ngồi trông em ngủ.

THIẾU NỮ.— Có lâu không?

THANH NIÊN.— Lối mười phút.

THIẾU NỮ.— Mười phút, trong thì giờ qui báu này!

THANH NIÊN.— Trời chưa sáng đâu, em ạ.

THIẾU NỮ.— Mấy giờ rồi anh?

THANH NIÊN.— Gần bốn giờ.

ĐÔI LỬA

THIẾU NIÊN

THIẾU NỮ.— Còn hai giờ nữa thì anh đã đi rồi. (Đứng lên, thở dài rất lâu rồi tự cười mình) Thở dài ghê thế! Em còn muốn được gì nữa chứ?

THANH NIÊN.— Anh yêu em.

THIẾU NỮ.— Hẳn thế rồi.

THANH NIÊN.— Em có yêu anh không?

THIẾU NỮ.— Anh có sung sướng không?

THANH NIÊN.— Anh yêu em.

THIẾU NỮ.— Anh không nói là anh có sung sướng không?

THANH NIÊN.— Em không nói là em có yêu anh không?

THIẾU NỮ.— Em không dám nói ra, vì im lặng chung quanh chúng ta đây đặc, mênh mông quá... Có im lặng nào im lặng bằng đêm nay không? Không phải chỉ trong nhà này, trong vùng này, mà khắp đất nước đang quần quai vì chiến tranh. Tưởng chừng như mỗi lời khẽ thốt ra có thể vang dội lên...

THANH NIÊN.— Thế thì em xích lại gần đây để nghe anh nói: Anh

đang sung sướng. Em nghe chứ? Em sẽ nhớ đến chứ? Những lời dịu dàng ấy, có mấy người đã được thốt ra trong lúc này. Người ta chỉ nói sau: « Tôi đã có lần sung sướng khi hạnh phúc đã qua mất rồi. Em gần với anh đây, anh đang sung sướng »

THIẾU NỮ.— Cho đến một ngày kia, ngày mong chờ, ngày tươi sáng, ngày hòa bình, anh còn nhớ đến chứ? Sao anh không trả lời em?

THANH NIÊN.— Anh sẽ nhớ đến em mãi mãi.

THIẾU NỮ.— Sao lại có bóng đen thoáng qua trên mắt anh?

THANH NIÊN.— Không.

THIẾU NỮ.— Sao anh lại qua mặt đi?

THANH NIÊN (chối cửa chỉ cửa mình).— Không. Chúng mình đã tận hưởng những giờ phút quá đẹp ngọt trong khung cảnh thế này, tưởng chừng nên nghĩ đến gì khác nữa...

THIẾU NỮ.— Em thì chỉ muốn chiêm lấy anh tất cả, giữ anh ở lại gần kề nhau mãi.

THANH NIÊN.— Chúng ta hãy đắm lòng chịu lấy cuộc tình duyên tan vỡ vì sự tàn phá vĩ đại của chiến tranh

Chúng ta vừa sống qua đêm nay chẳng phải là tuyệt đẹp ư? Chẳng phải là hơn những tối tàn hồn thường tình, kéo dài mãi mãi? Có cuộc tân hôn nào sánh được bằng đôi lứa chúng mình!

THIẾU NỮ.— Nhưng mà ngắn ngủi quá!

THANH NIÊN.— Cái gì quá đẹp cũng không lâu dài, em ạ.

THIẾU NỮ.— Không, em muốn những giờ phút này kéo dài mãi mãi. Biết bao nhiêu điều chúng ta chỉ sống qua có một lần.

THANH NIÊN.— Đó là những điều êm đẹp nhất ở đời.

THIẾU NỮ.— Còn biết bao nhiêu điều em chưa thấy đến!

THANH NIÊN.— Nhưng điều cần thiết lắm em?

THIẾU NỮ.— Vâng.

THANH NIÊN.— Khá c

thường lắm?

THIẾU NỮ.— Không, tầm thường thôi.

THANH NIÊN.— Em thử nói anh nghe.

THIẾU NỮ.— Em chưa hề thấy anh ngủ bao giờ.

THANH NIÊN.— Việc ấy có khó khăn gì đâu em.

THIẾU NỮ.— Anh hãy nhắm mắt lại đi (Thanh niên từ từ nhắm mắt. Thiếu nữ bỗng hất hàng mi lên) Mở mắt ra, anh!

THANH NIÊN (mở mắt ra, khẽ lắc đầu).— Anh hiểu rồi...

THIẾU NỮ.— Không phải thế...

THANH NIÊN.— Anh chưa nói ra ra mà em đã cãi. Em cứ nói thật đi!

THIẾU NỮ.— Nói thật gì anh?

THANH NIÊN.— Anh nhắm mắt lại làm cho em tưởng đến anh chết, phải không?

THIẾU NỮ (giọng yếu ớt).— Phải.

THANH NIÊN.— Cái chết luôn luôn ám ảnh chúng mình. Đêm tân hôn lạ lùng thật.

THIẾU NỮ (bỗng trở tay về phía cửa sổ).— Trời sáng rồi!

THANH NIÊN.— Không phải.

THIẾU NỮ.— Anh tắt đèn đi (Bóng tối. Ngoài cửa sổ vẫn đen một mảng)

THANH NIÊN.— Em thấy đấy, không phải là trời sáng.

THIẾU NỮ.— Em ngờ là... thấy bóng mờ qua mặt kính...

THANH NIÊN.— Em nên nhận bóng tối mà nói thật với anh đi: em đã ngã lòng đối với anh rồi phải không?

THIẾU NỮ (Giọng yếu ớt).— Vâng.

THANH NIÊN (Vặn đèn lên).— Ánh sáng đây!

THIẾU NỮ (thẹn thùng, đau đớn).— Anh thương lấy em... tha thứ cho em...

THANH NIÊN (mỉm cười dịu dàng).— Anh phải biết em có tội gì đã chứ?

THIẾU NỮ.— Trời ơi! Anh đừng cười. Không phải là lúc cười nữa. Thấy anh khóc còn đỡ sợ hơn.

THANH NIÊN.— Em cũng biết rằng anh không khóc được nữa. Em khóc cho cả hai đứa chúng mình vậy: nước

trở về với em. Em luôn luôn tự bảo mình như vậy. Cũng vì thế mà em đã muốn trở nên là vợ anh đêm nay. Nhưng mà đợi chờ! Giả có thể... Giả anh đừng đi! Có lẽ... Phải. Anh ở lại... Em không còn biết gì nữa. Em chỉ biết là muốn cứu cho mỗi tình đôi ta thì anh đừng đi, thế mà đến trời sáng anh ra đi. Nếu anh đừng đi, anh ở lại, em biết rằng anh không làm thế được, em nói với anh: Ở lại! Ở lại, mà anh phải đi, rồi anh ra đi... Trời ơi! Đáng lẽ những việc

ấy đừng xảy ra! Đáng lẽ đừng nên có chiến tranh! Đáng lẽ anh với em đừng có gặp nhau và đừng yêu nhau. Đáng lẽ em đừng sinh ra ở đời này nữa. Đáng lẽ đừng nên có gì hết!

THANH NIÊN (tái mặt, giọng u trầm).— Anh hiểu rồi.

THIẾU NỮ (xa xôi).— Anh ra đi để mà chịu đựng như thế đấy!

THANH NIÊN.— Anh trở về để mà nghe như thế đấy!

THIẾU NỮ (nức nở khóc).— Anh đừng nói nữa... Anh hãy thương hại cho em!

THANH NIÊN.— Em hãy cầm chặt lấy tay anh như vẫn còn yêu anh, trước lúc anh ra đi.

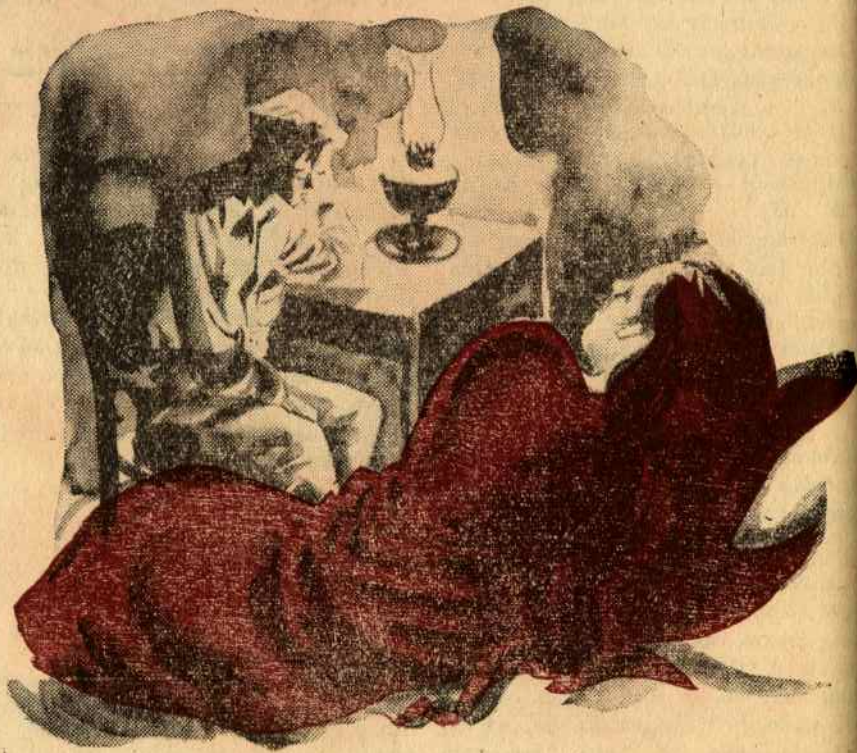
THIẾU NỮ.— Anh nhích lại gần em, sát lại gần thêm nữa. Anh hãy nhắm mắt lại như em. Tắt ánh sáng tàn ác này đi. (Ánh đèn vẫn mờ. Gian phòng trở lại tối. Hiện ra sau cửa sổ, hàng đông ghê gớm và thể lương. Hai người đã nhắm mắt lại. Họ không trông thấy. Họ đã quên đi.) Em ở bên anh đây. Chúng mình hãy



mắt của em sẽ vỗ về cho lòng em hết yêu anh.

THIẾU NỮ.— Em đã yêu anh biết là chừng nào! Em đã tự nhủ lòng là yêu anh suốt đời! Không một ngày nào mà em không thầm nhắc nhở đến anh! Hình như cuộc đời quá ngắn ngủi đối với tình em yêu anh! Khi anh đi, hình như em chết cả lòng. Em đâm ra lo sợ, sợ cho anh, sợ cho em. Em tự bảo là em có quyền yêu anh đến thế không? Anh là người của những rủi may chiến trận kia mà! Mỗi lần nghĩ đến anh, không một lần nào em khỏi tự bảo rằng có lẽ ngay trong lúc ấy, biết đâu anh đã không còn nữa! Em biết rằng chiến tranh rồi sẽ hết, sau cùng rồi anh sẽ

quên đi cuộc đời tàn ác bên ngoài. Em thấy hình như trên trái đất này chỉ có anh với em... (Im lặng, chỉ nghe hơi thở của hai người hòa lẫn). Anh gần kề với em đây, thế mà trong chớp lát nữa, anh đã đi rồi... Không! Anh đừng đi! Em sống làm sao được trong lúc vắng anh. Không! Anh không đi đâu cả... Em đã nghe làm vì một mối quá, vì đêm nay, vì bao nhiêu năm nay, vì cuộc sống tàn nhẫn quá! Thế rồi em cứ in tri là anh phải đi, anh xa em... (Nghĩ đến trời sáng, thiếu nữ choàng mở mắt, nhìn đến cửa sổ, kinh hoàng đứng lên, trở tay về phía hàng đông) Anh nhìn kia!... Đừng nhìn nữa!... Anh đã thấy ở cửa sổ đấy chứ? Không! Không phải! Anh hãy



hỏi là không phải. Không phải là trời sáng!

THANH NIÊN (đứng lên, can đảm).— Trời sáng rồi!

THIẾU NỮ (nổi giữ lại ở thành giường).— Không phải là trời sáng!

THANH NIÊN.— Trời đã sáng rồi!

THIẾU NỮ.— Không phải thế đâu!

THANH NIÊN.— Đúng là trời sáng rồi!

THIẾU NỮ.— Trời sáng rồi!

THANH NIÊN.— Anh phải đi đây.

THIẾU NỮ (như điên cuồng).— Em ghét trời sáng! Nó đến cướp mất anh đi! Em không thể chịu được! Nó chặn lấy cô em! Em kiệt sức mất rồi. (từ từ nhắm mắt lại).

THANH NIÊN.— Tỉnh dậy em! Mở mắt ra.

THIẾU NỮ.— Mà nhìn thấy trời sáng tr?

THANH NIÊN (thương hại, đến cửa sổ, kéo tấm màn che lại).— Thế thì không phải là trời sáng.

THIẾU NỮ.— Anh nói thế nào?

THANH NIÊN.— Không, không phải là trời sáng, vì em không muốn thế.

THIẾU NỮ (với một giọng thơ đại vì quá mệt mỏi).— Thế thì anh đừng đi.

THANH NIÊN (như vỗ về một đứa trẻ).— Được. Anh ở lại.

THIẾU NỮ.— Cho đến bao giờ?

THANH NIÊN.— Cho đến bao giờ cũng được, tùy ý em.

THIẾU NỮ (Đã trở nên vô thức vì giấc ngủ chiêm dân).— Anh ở lại với em mãi mãi cơ.

THANH NIÊN.— Anh ở lại với em.

THIẾU NỮ.— Anh nhắc lại em nghe.

THANH NIÊN.— Anh ở lại với em mãi mãi.

THIẾU NỮ.— Anh ở lại mãi mãi? Em đang tỉnh hay đang mơ thế?

THANH NIÊN.— Em sắp ngủ.

THIẾU NỮ.— Không, thế thì anh ra đi trong lúc em ngủ.

THANH NIÊN.— Anh hứa với em là không mà.

THIẾU NỮ.— Anh sẽ gọi em dậy chứ?

THANH NIÊN.— Anh sẽ gọi em dậy.

THIẾU NỮ.— Thế anh không ngủ sao?

THANH NIÊN.— Không, anh thức trông cho em ngủ.

THIẾU NỮ.— Anh đừng xa em nhé.

THANH NIÊN.— Để anh ru em ngủ.

THIẾU NỮ.— Như trẻ con ấy à?

Phải đấy, anh kể chuyện cổ tích cho em nghe như hồi em còn bé dại. Lúc này em thấy mình bé nhỏ quá, trước những việc lớn lao của cuộc đời, trước chiến tranh, đau khổ, anh dùng của các anh... Anh đã làm cho em thành ra đàn bà, anh hãy làm cho em

trở lại thơ dại... Anh kể chuyện đời xưa cho em nghe!

THANH NIÊN.— Để anh kể cho em nghe một chuyện.

THIẾU NỮ.— Mà chuyện phải hay kia.

THANH NIÊN.— Đó là câu chuyện thời thái bình.

THIẾU NỮ.— Chắc là đẹp lắm.

THANH NIÊN.— Chuyện của đôi lứa chúng ta sau này.

THIẾU NỮ.— Thế thì đẹp quá.

THANH NIÊN.— Anh sẽ gần em luôn, ngày này qua ngày khác.

THIẾU NỮ.— Thật là không tưởng tượng được!

THANH NIÊN.— Anh gần em mỗi sáng, mỗi chiều.

THIẾU NỮ.— Đây là một chuyện thần tiên.

THANH NIÊN.— Em sẽ nói: chồng em sao mà kèn càng thế!

THIẾU NỮ.— Không, anh đừng cười em chứ.

THANH NIÊN.— Rồi một buổi mai như những buổi mai khác, lúc trời sáng...

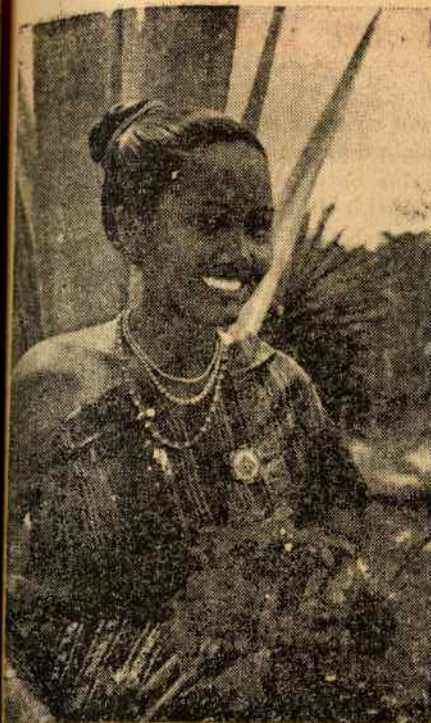
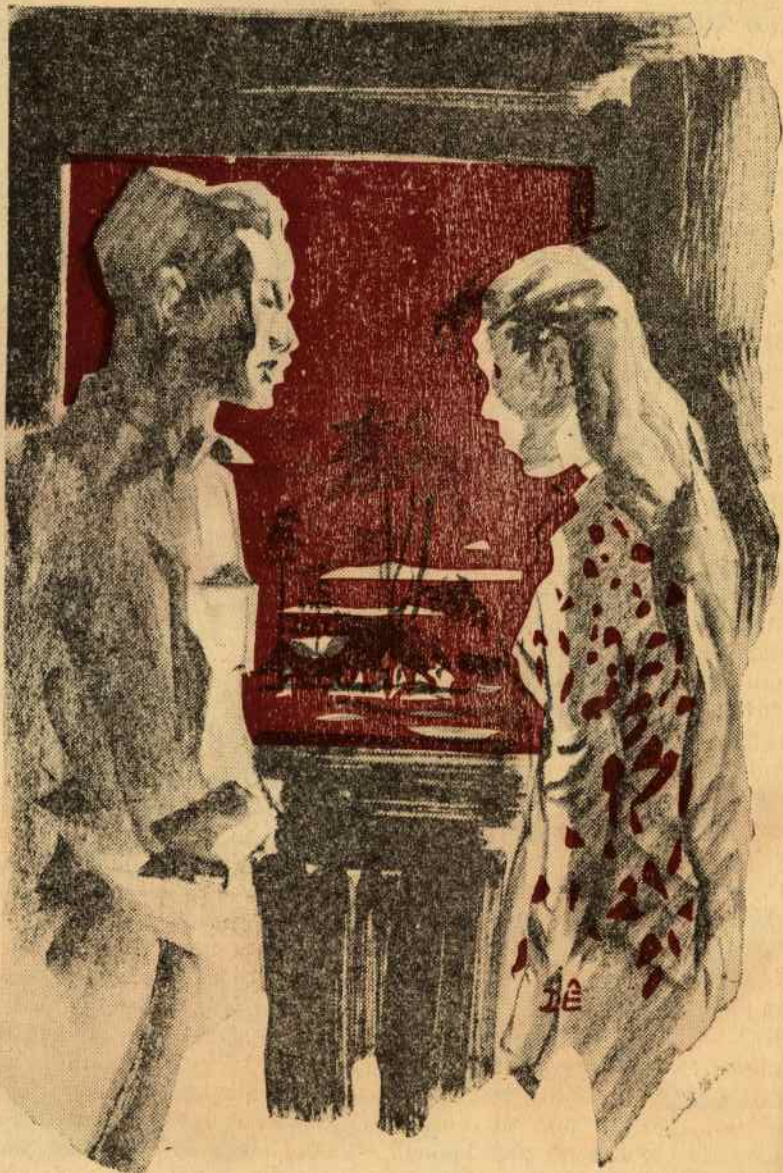
THIẾU NỮ.— Một buổi trời sáng người ta có thể thương yêu nhau?

THANH NIÊN.— Anh thức dậy đi ngoài vườn. Em còn ngủ. Em không nghe được anh đi.

THIẾU NỮ.— Anh phải gọi em dậy chứ?

THANH NIÊN.— Anh đang kể chuyện thời bình với em kia mà. Bây giờ người ta lại được làm việc thương yêu nhau. Trời xanh, nắng sáng... trên mặt đất này, con người đã biết thương yêu nhau. Không bao giờ còn có chiến tranh để chia rẽ những đôi lứa như chúng mình.

THIẾU NỮ.— Hòa bình, đó là tình yêu.



XUÂN AI-LAO

THANH NIÊN.— Hòa bình đã về với chúng ta.

THIẾU NỮ.— Thế bây giờ anh sẽ không bao giờ xa em chứ?

THANH NIÊN.— Không.

THIẾU NỮ.— Không bao giờ chứ?

THANH NIÊN.— Không bao giờ.

THIẾU NỮ.— Anh thề đi. Lần này xa anh thì em không thể sống được nữa.

THANH NIÊN.— Anh thề với em.

THIẾU NỮ (Giọng xa xôi trong giấc ngủ).— Em sung sướng quá...

THANH NIÊN (Sau một lát im lặng).— Em... (Không nghe tiếng trả lời. Đứng lên đến cửa sổ, kéo tấm màn ra, nhìn thẳng trước hừng đông. Một lúc, quay lại, thấy thiếu nữ nằm ngủ yên, sợ hãi). Em ngủ rồi ư?... (Thiếu nữ nằm yên. Thanh niên nhẹ nhàng lấy mũ cùng hành trang cầm ở tay, lặng nhìn người yêu, rồi âm thầm bước ra, khép cửa lại. Một lát trời sáng tỏ. Thiếu nữ choàng mở mắt ra, nhìn thấy trống vắng trong gian phòng, kêu lên thất thanh).

THIẾU NỮ.— Anh! Anh!

HOÀNG THƠ



XUÂN 1954

★ ĐỜI LÀ GIAI ĐOẠN ★ ĐỜI LÀ GIAI ĐOẠN ★

(tiếp theo trang 8)

người không phải là bao nhiêu giai đoạn trong thời gian, vì có người sanh trước và sau ta một phút, một giờ. Và trong đời ta có vô số kẻ người sanh ra và người chết.

Khi ta nói giai đoạn của ta thì ta không nói là giai đoạn của người khác; và khi ta nói giai đoạn lịch sử là ta nói giai đoạn hoạt động của một số người.

Ta đứng trong giai đoạn của ta mà nhìn trở về trước là ta cảm thấy có vô số kẻ giai đoạn, và nếu ta liên tưởng đến sau khi ta không còn biết gì (chết), ta cũng tin rằng sẽ có vô số giai đoạn.

Khi ta ở trong một « khúc » thời gian mà lộn, hoặc tác động, cái lộn và cái động của ta ngày nay có chịu ảnh hưởng của ngày trước và sẽ liên quan đến ngày sau. Cái đúng lý ngày nay có thể không hợp lý ngày mai và cái không hợp lý ngày trước vốn có phần hợp lý trong thời của nó.

Nhơn đó, ta thấy rằng thời gian và không gian là một « sợi giây chuyền » vô tận, mỗi cái « khoen » là mỗi đều nối liền nhau. Như thế thì không có cái tuyệt đối của nay, trước, hay sau. Mỗi mỗi đều là tương đối; đời sống của ta khi chấm dứt cũng không tuyệt đối mất hẳn.

Ta sẽ còn, nhưng không còn với hình thức ngày nay. Phân biệt sống với chết ta thấy chỉ khác nhau ở chỗ « động và tri với « bất động bất tri », ngày mai vẫn

có thể « động và tri » ở trong những bấp thỉ và trí não khác.

Đây, không phải là nói để an ủi con người giấc ngộ, còn với mắt; mà chính là ta cần nhận ra cái lẽ *trên miền dinh liêu nhau giữa vô số kẻ giai đoạn*, để xác định cái lẽ sống của ta vậy.

Một khi ta đã xác định cái lẽ sống trong thời gian và không gian là ta có lý tưởng sống; lý tưởng này có thể giúp ta xây dựng một đời sống tốt đẹp; ta sẽ không còn bi quan, không còn lo chết, mà vẫn *muốn sống đứng đắn và đầy đủ*.

Lẽ tự nhiên là không thể bắt buộc mọi người trên trần thế đều giác ngộ lẽ sống như nhau được. Tuy nhiên, nếu hạng người cầm quyền các nước có sự giác ngộ ấy để tổ chức đời sống dân tộc một cách phù hòa với cái lẽ sống đáng có, thì rác rưởi thế giới cũng bớt được nhiều. Do đó sẽ đẻ ra chánh sách kinh tế thích ứng, mát phần xam lỏng, nghĩa là giảm được lý do chiến tranh, để xây dựng hòa bình nhân loại.

TRƯỚC cảnh trời Xuân, các bạn đều vui Xuân, Trọng Yêm tôi cũng vui Xuân và vui với những lời gọi là kêu gọi tinh thần giai đoạn là sự nhận xét cái lẽ trên miền tiếp diễn, tức là luật tương đối.

TRỌNG YÊM

Thanh... thiếu... nhi... lạc lõng

(tiếp theo trang 11)

biết đánh giặc, và chị mày biết đánh đi». Về phần chị em, em chỉ biết có thế thôi... »

Khách còn dám hỏi gì hơn nữa?

Khách định rào bước ra đi thì em bẻ niu áo khách lại, em khoe: « Người ơi! em em ấy mà, nó khâu áo đồ, em sợ rồi đi Hai của dựng Hai lại đánh nó như đi đánh chị em nên em mới bẻ nó đi cho bà Phước, song bà Phước bảo: em còn bé quá không có quyền đem trẻ con đi cho như thế, thế là em lại phải bông em em về « trả » đi Hai, để sau đi Hai đánh nó thật, đánh mãi, đánh mãi cho đến một buổi tối, em qua ngõ dựng Hai, nó trộm vào không thấy em em nữa, mà lại thấy thiên hạ bảo em rằng: « Thôi nó... « thế » lại còn sung sướng hơn mày cầu bơ,

cầu bắt, khổ cả một đời. » Thế đấy! Thế là em ở với... đường phố... Hôm nay hình như lại Tết thì phải. Hình như thiên hạ vui đào đề.

Tại sao người lại không vui thế? Và người đi đâu thế? Kia! kia! thiên hạ người ta đi hải lộ đấy! Người có đi hải lộ không? Có đi thì đi với em. Em biết ối là nơi có ối là lạc! Đi với em em sẽ hái cho, bạn em chúng sẽ hái cho Em có ối là bạn. Chúng nó tốt lắm! Chúng nó cũng ở... ngoài đường. Đi, đi! Người ơi! rồi có sợ khuya thì về hè phố ngủ với em; những đứa lớn chúng bảo ngủ chung ấm lắm! Thực đấy! »

KINH THÀNH THỊ



(Tiếp theo trang 7)

cực. Tôi cũng người như ai, cũng cảm, cũng xúc động!

Tết là dịp vui cười cho cả dân tộc. Xuân là lúc vạn vật tươi tắn. Tôi cũng muốn cười muốn tươi. Mà muốn hơn nữa là không cười ra nước mắt.

Tôi nhớ bao la, rồi nhớ chuyện nhà. Năm ấy tôi vừa ăn Tết xong. Có giấy triệu tôi từ tỉnh Hậu giang về Saigon, để mà ngồi tù. Vợ tôi bốn ba, con đã được 5 đứa. Hết lúc ở trại giam Bà rá, tôi lại chơi cảnh lưu vong Chiêu nam. Xấu số thay cho vợ con tôi!

Xấu số hơn hết là vợ tôi. Chiến tranh thế giới vừa chấm dứt, vợ tôi cũng mất kiếp theo. Chuyển đi còn trông thấy nhau, chuyển về chỉ thấy tấm « hoành » trên bàn thờ. Vọng phu rờn rã hai năm, để rồi vĩnh biệt không để lại một lời tiễn đưa của chồng. Con 6 đứa để lại đó. Sự nghiệp mười năm đứ xây, khổ nhọc không kể.

Đời như thế. Có thể mới biết trần thế!

Vợ tôi lia khỏi trần gian, để tôi ở lại trả nợ đời, để tôi đóng vai gã trống nuôi con. Tôi không còn như trước, tha hồ bênh bồng, phú bầy con cho vợ lo.

Ôi! Cái đêm giao thừa! Tôi nhớ, nhớ tất cả bạn bè, nhớ đó đây. Tôi nhớ người quá vắng, nhớ những hy sinh. Mà làm sao tôi quên được cái hiện tại, và làm sao không nghĩ đến tương lai.

Điều mà tôi ghi nhớ mãi, và cũng muốn nói qua để cho các bạn xa gần ai là « người lùn lóc đá » để ý, là: Đời ta biến, bạn bè cũng biến... Mỗi lần trải qua gian nguy và mỗi khi danh lợi lấp ló là tan rã một số bạn bè. Lẽ ấy phải được coi là dĩ nhiên. Nhất là đối với những người có chủ nghĩa đề mà tôn thờ, lại tôn thờ trong cảnh có nhiều quyền thế chi phối, thì bạn bè thấy đó mất đó mau như trở tay.

Thư này gửi bạn xa gần,
Ngày Xuân đọc báo nhớ dùm ăn cỗ. (1)

Tôi viết bài cho bạn đọc. Bạn được đọc bài tôi. Xin bạn nhớ dùm Báo Xuân để vốn nhớ một số thầy thợ thăng ngày ra công. Tôi sống nhờ ngòi bút. Ngòi bút tôi nên hình, ấy là công phụ của những người cộng tác với tôi. Một tôi dù giàu tư tưởng

(1) Nhờ ăn cỗ, nhậu nhậu báo đẹp, cần làm cho lên số độc giả để cải thiện đời sống anh em cần lao.



Ảnh Nguyễn Cao Đàm

hay có tâm chi cũng không làm sao phở biến tư tưởng được.

Các bạn đã nhận rõ sự cố gắng của nhân viên Đời Mới, và thêm ngạc nhiên mà mua nó được giá rẻ, thật là nhờ tinh thần và ý chí sống chung đó. Cái lối sống chung này tôi ước có ngày nó được lan rộng.

Bạn có biết chàng thầy thợ, viết rồi một bài phải lo bài khác, sắp rồi một trang, chạy xong một khuôn báo, là phải tháo ra làm lại. Làm đi làm lại như thế suốt năm. Nếu không thương nghề, không tin tưởng việc làm của mình là có ích, thì chắc gì họ làm nổi một tờ báo hay và đẹp cho bạn cầm lên nhẹ nhàng mà đọc với đầy hứng thú.

Trước cái năm đang bắt đầu,

Một bài báo, có khi chỉ dài một cột, mà nó là cả một bầu tâm huyết. Trong lúc thiên hạ đua nhau chạy theo phú quý, chỉ bằng một lời nói hay trong một trận cười là đủ giàu sang, thì có đám người cặm cụi làm việc với cái ý chí đặt ra cơ sở đời sống mới. Bạn có nghĩ đến điều ấy lần nào chưa? Và khi bạn nhớ qua xin bạn ghi lấy rằng trong cơ bản này, trong cảnh thời tha, chưa ắt đã mất hẳn mùi hương.

một sự nhận định đau đớn là Thủ phần đông người ta sống không mà « đầu óc ». Cái bao tử và xác thịt người ở thị thành lớn đòi hỏi nhiều hơn trí não. Không trách sao một đông nhà văn nước ta sống quá chật vật.

Tôi không hiểu được tâm trạng của một số người, tự cho là ai quốc gia chánh khách ra mặt, thường xem và hóa như đồ chơi. Tôi càng không hiểu hơn là một số « tri thức » không cần biết có dư luận quần chúng không thiết tha với văn nghệ dân tộc. Lại rất đau lòng mà thấy có một nhà văn coi ngòi bút của mình quá tầm thường, để rồi suốt ngày vì những chuyện nhảm nhí.

Phải chăng là vì hoàn cảnh? Người ta bảo thế.

Nhưng nếu chỉ biết đổ lỗi cho hoàn cảnh thì còn ai là người giác ngộ? Ôi! Cái đêm giao thừa! Tôi muốn viết dài hơn nữa kia, viết ra tất cả những cái gì nằm nơi đáy lòng. Song tôi phải dừng tay, vì bài này cũng dài lắm rồi.

Mà muốn chấm dứt nơi đây, thì lòng tôi vẫn còn thộn thừ. Tâm nào qua. Tâm năm huyết lệ cho cả một dân tộc. Há ta vui được Xuân mà không nhớ cảnh lầm than của đồng bào trên lãnh thổ Việt nam!

Nhớ và đau, thì cái nhớ đau của ta phải tích cực phản náo: Không vì thời thế mà ta chịu uồn hiên uồn mình theo hoàn cảnh...

Trước cảnh thế lương, thử nào ta chơi Xuân một cách giác ngộ và tích cực hơn.

Có ai biết chăng trong hiện tình nước nhà cái cười vô ý thức, cái hưởng bất giác, đều là tội lỗi....

Cũng năm nào, một bạn gái ở xa xăm gởi cho tôi một bức thư, bắt đầu bằng câu:

« Ô hô! Thế gian nan vì sự, thế gian nan vì sự!... Đã tưởng anh là bạn tri kỷ, mà sao đến lúc chia tay, anh lại tỏ ra là người không hiểu tôi. Đau thay! »

Năm nay, tôi định viết: Bạn đọc tôi, trong số trên hai vạn người, tôi chắc có tri kỷ. Và chính vì tin có tri kỷ nên tôi luôn luôn tận tụy với nghề.

VĂN LANG

ĐỜI MỚI

NHÌN LẠI MỘT NĂM ĐIỆN ẢNH VIỆT-NAM

(TIẾP THEO TRANG 12)

« Thanh Bình », nói về thủy pháp và hồn ma.

« Giá hạnh phúc », cũng của Phạm văn Nhận, nói về những sự lãng phí của một số người Việt bị Âu hóa quá đà.

Hàng « Việt ảnh » ở Hanoi đang quay.

Phụng sự tổ quốc hay là « Cô gái Việt ». Còn nhiều nhóm quay phim khác đang chuẩn bị hoặc còn trong dự định. Năm nay là năm nhiều hứa hẹn về nền ảnh Việt Nam.

THAY LỜI KẾT

LOẠT phim đầu trong năm vừa qua cho chúng ta nhiều kinh nghiệm.

Kinh nghiệm thứ nhất: tinh thần tham gia văn nghệ của dân chúng.

Người mình bắt đầu quan tâm đến màn ảnh, ngành nghệ thuật quan trọng và hình dân nhất. Trong khi cái lương bước dần đến suy đồi, công chúng chờ đợi ngõ thoát cho nghệ thuật điện ảnh. Ngõ thoát ấy hé mở với mấy phim Việt Nam.

Vì vậy « KIẾP HOA » phim dài đầu tiên do người Việt đóng, được khán giả tiếp đón, hết sức nồng nhiệt. Dù phim ấy có lắm chỗ đáng trách, nhưng người mình sẵn sàng khuyến khích, nâng đỡ bước đầu của điện ảnh Việt Nam. Rồi đến lượt « BẾN CÙ », « NGHỆ THUẬT VÀ HẠNH PHÚC » cũng vì tinh thần dân tộc mà công chúng kết án và tẩy chay hai sản phẩm đã bôi nhọ cho màn ảnh Việt Nam, từ hình thức đến nội dung.

Kinh nghiệm thứ hai: tiêu chuẩn đánh giá một cuốn phim.

Người mình không nỡ quá khắt khe về kỹ thuật đối với mấy cuốn phim đầu V.N. Xem phim V.N. khán giả chú trọng trước hết về nội dung.

Ngoài phần ưu thế là phim dài đầu tiên. « KIẾP HOA » kéo được nhiều người xem là nhờ biết chọn khung cảnh tân cư và hồi cư, biết lợi dụng màu sắc ước nhà. Cuốn phim ngắn « NGÀY VỀ », dù kỹ thuật còn non nhưng cũng được khuyến khích, vì sản phẩm này mấy phim trước nội dung đúng đắn.

Đó là đối với mấy phim đầu. Thiết tưởng lần lượt phim ra nhiều, công chúng sẽ bớt dễ dãi về phương diện kỹ thuật và nghệ thuật. Năm nay, năm của loạt phim thứ nhì, ngoài cốt chuyện nói lên được tiếng nói của thời đại, các nhà thực hiện phim cần chú trọng nhiều về kỹ thuật mới mong đi đến thành công.

Kinh nghiệm thứ ba: khả năng tổ chức và sáng tác của người mình.

Màn ảnh xứ ta hiện đang gặp hoàn cảnh thuận tiện đó này nọ. Về mặt sản xuất, các nhà kinh doanh thấy có thể đặt vốn vào kỹ nghệ điện ảnh và hy vọng có lời, trong lúc các ngành thương mại và kỹ nghệ khác đang bị bế tắc. Về mặt khán giả, dân chúng ở thành đông đúc cần được giải trí một cách bổ ích. Cái lương hiện giờ chỉ còn giữ được một số rất ít người xem. Vì vậy rạp chớp bóng ngày càng mờ ra nhiều.

Về phương diện điện tử chức và sáng tác, người mình đang bước lần mò, chưa mấy ai biết nhiều về nghề.

Tiền nông không sự thiếu: các nhà tư bản

Các phim sắp chiếu

Mở màn cho năm 1954, sẽ lần lượt ra mắt: « Hai thế giới », phim của Phạm văn Nhận quay ở Pháp, tả cuộc tình duyên của một sinh viên từ thế giới bệnh hoạn bước sang thế giới mạnh khỏe đầy ánh sáng.

« Hồn trinh nữ », phim của nhà sản xuất

XUÂN 1954

sẵn sàng góp vốn. Vấn đề máy móc dụng cụ cũng giải quyết được: ta có thể mua một số dụng cụ tối thiểu đủ dùng. Ngoài ra, các xưởng phim ở Hương càng hiện đang ngừng chạy vì thiếu thị trường, rất sẵn sàng mà cho mình mượn máy móc với một giá tương đối thấp trong lúc này. Hàng « Việt ảnh » đã xây dựng một xưởng phim ở Hà nội với dụng cụ và chuyên viên Hương càng.

Gay go nhất là việc động viên người. Điện viên dù khó tìm nhưng có gắng cũng tìm được. Những người ăn ảnh và khá dạn dĩ, qua một thời gian luyện tập ngắn, có thể đóng được phim. Bằng chứng ở mấy phim đã chiếu: Kim Xuân, Bích Ngà, Ai Loan, Kiều Hạnh, Hoàng Vĩnh Lộc, Phạm Đình Sĩ, Đình Xuân Hòa đều có thể đóng được phim.

Về chuyên viên, ta có một số người đang trong thời kỳ nghiên cứu. Sau một thời gian làm việc với chuyên viên ngoại quốc cho quen dụng cụ nhà nghề, chuyên viên ta sẽ xử dụng được máy móc.

Vấn đề then chốt và khó giải quyết trong lúc này là người trách nhiệm tinh thần cuốn phim: Soạn giả, đạo diễn và điều khiển sản xuất. Những công việc đó phải trong tay người mình, không thể lệ thuộc vào ngoại quốc. Kinh nghiệm hai cuốn phim « KIẾP HOA », « NGHỆ THUẬT VÀ HẠNH PHÚC » cho ta thấy rằng điện viên người Việt dưới sự điều khiển của ngoại quốc chỉ có tạo những phim lai căng.

Không nói chúng ta chưa tìm được người xứng đáng, vừa có khả năng vừa có ý thức, để nắm vai tưởng chủ động. Trong hai phim do người mình thực hiện, nhà điều khiển « BẾN CÙ » không có ý thức, chỉ chú trọng về thương mại; nhóm « NGÀY VỀ » có ý thức hơn, nhưng còn kém học hỏi về nghề. Những phim sắp chiếu trong năm nay hứa hẹn về lượng, nhưng về phẩm ta không hy vọng được nhiều.

Không lạc quan mà cũng không bi quan thái quá, chúng ta có thể đoán trước:

Việt Nam sẽ sản xuất được phim tương đối có giá trị, nhưng phải chờ đợi một thời gian.

Giai đoạn đầu là một cuộc thí nghiệm, gạn bỏ những phần tử cặn bã và chọn lọc phần tử ưu tú. Phim Việt ra thêm nhiều, sẽ tranh đua lẫn nhau và tranh đua với phim ngoại quốc. Các nhà sản xuất không thể đánh là bài may rủi nữa. Nếu cho ra phim bừa bãi như trước là đi ngay đến phá sản.

Dù điện ảnh Việt nam còn trong bước đầu, nhưng vì tự ái dân tộc công chúng sẽ không thể nâng đỡ được mà lại còn đào thải những phim Việt quá non nớt về kỹ thuật, đời bại về nội dung.

LÊ DÀN

Muốn Bán

Phổ lâu mới cắt luôn dất tại đại lộ Trần hưng Đạo Chợ quán

Có đèn (compteur riêng 10 ampères) và nước.

Cầu tiêu máy.

Trên lầu và dưới đất đều lót gạch bông. Nóc bằng.

Cắt toàn bằng gạch tiêu (terre cuite) và đúc bằng bê tông armé cả (rất chắc).

Các số phí sang tên chủ bán chịu.

Xin hỏi tại nhà báo Đời Mới

117, đại lộ Trần hưng Đạo - Chợ quán

TÌNH CA

1.— Tôi yêu tiếng nước tôi,
Từ khi mới ra đời ! Người ơi !
Mẹ hiền ru những câu xa vời,
À à ơi ! Tiếng ru muôn đời...
Tiếng nước tôi !
Bốn ngàn năm rồng đã buồn vui,
Khóc cười theo mệnh nước nổi trôi ! (Nước ơi !)
Tiếng nước tôi !
Tiếng Mẹ sinh từ lúc nằm nôi
Thoát nghìn năm thành tiếng lòng tôi ! (Nước ơi !)
Tôi yêu tiếng xa mờ,
Những câu hò sườn lưng bà vợ !
Nhớ thương hoài mảnh tình đơn sơ,
Vững tin về mộng một ngày mơ...

ĐIỆP KHÚC.— Một yêu cầu hát Truyện Kiều,
Lắng lơ như tiếng sáo diều (ư) diều làng ta !
Và yêu cổ gái bên nhà
Miệng xinh ăn nói mặn mà (ừ) mà có duyên !

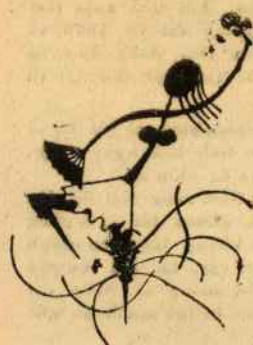
2.— Tôi yêu đất nước tôi !
Năm phơi phới bên bờ biển xanh.
Ruộng đồng vun sổng ra Thái bình
Nhìn trùng dương, hát câu no lành...
Đất nước tôi !
Dãy Trường Sơn ăn bóng hoàng hôn !
Đất miền Tây chờ sức người vươn ! (Đất ơi !)
Đất nước tôi !
Núi rừng sâu miền bắc lửa thiêng.
Lúa miền Nam nhìn gió mùa lên ! (Lúa ơi !)
Tôi yêu những sông trường !
Biết ái tình ở dòng sông Hương ;
Sống no đầy là nhờ Cửu Long ;
Máu sông Hồng đỏ vì chờ mong...

ĐIỆP KHÚC.— Người yêu Thế Giới một mừng
Cùng tôi ôm ấp ruộng đồng (ư) đồng Việt Nam
Làm sao chấp cánh chim ngàn
Nhìn Trung, Nam, Bắc xếp hàng mến nhau...

3.— Tôi yêu bác nông phu
Đội sương nắng trên bờ ruộng xầu !
Vài ngàn năm đứng trên đất nghèo,
Mình đồng da sắt không phai màu...
Tấm áo nâu !
Những mẹ quê chỉ biết cần lao ;
Những trẻ quê bạn với đàn trâu ! (bé ơi !)
Tấm áo nâu !
Rướn mình đi từ cõi rừng cao,
Đốt đu nhau vào đến Cà Mau. (áo ơi !)
Tôi yêu biết bao người :
Lý, Lê, Trần... và còn ai nữa ?
Những anh hùng của ngày xưa !
Những anh hùng của một ngày mai...

ĐIỆP KHÚC.— Vì yêu, yêu nước, yêu nơi !
Ngày Xuân tôi hát nên bài (ư) bài Tình ca...
Ruộng xanh tươi tốt quê nhà
Lòng tôi đã nở như là (ừ) là đóa hoa.
(Xem bản nhạc trang bìa cuối)

Mùa Xuân thắm



Mưa thắm ngàn cây lên sắc xanh.
Mùa xuân muôn thuở vẫn thơm lành
Bốn phương về gió còn êm ấm
Cho đượm tình tôi, ngát ý anh.



Mùa xuân về trắng trên bông đại
Sắc đỏ thoa tươi những cánh đào.
Dầm ngón tay gầy vẽ vuốt áo
Những nàng cúc thắm tự thu nao.



Nghe tự phương xa hát trở về
Chim giang hồ đá lạnh sơn khê
Miền tôi, mạ mới vừa xanh mướt
Bãi sên nường khoai chớm giập thì



Em nhỏ chưa từng biết ấm no
Sáng nay đã thấy rộn vui đùa
Ôi nhĩ ! Mùa xuân đơm lành áo,
Chim chóc bên vườn đã lú lo...



Từ cuối chân mây nắng dậy hồng
Mùa xuân về thắm cả chờ mong
— Nhà ai đất cháy từ thu trước
Đã thấy đâm chồi một nhánh non.

VĨNH LỘC

ĐỜI MỚI SỐ ĐẦU NĂM

Chúng tôi nhận được rất nhiều bài của các bạn Đời Mới xa gần viết cho số mùa Xuân. Vì khuôn khổ tạp chí có hạn, và nhiều bài gửi đến chậm, nên chúng tôi rất tiếc không thể đăng được cả trong tạp chí này. Xin các bạn nhận ở đây những lời chân thành cảm tạ và hẹn cùng các bạn trong số xuất bản đầu năm.

TÒA SOẠN Đ. M.



CHÚC ƯỚC



THIÊN Hạ, người ta vẫn chúc tụng nhau. Chúc nhau từ thuở có người, chúc nhau đủ cách ; dù lúc ăn lông ở lỗ, hay khi mới biết chữ nghĩa, hoặc ở thời văn chương rực rỡ, bóng bảy, ngày nay, đều là chúc nhau sung sướng.

Bởi vì ai ai cũng mong mỗi có ngày sung sướng. Người Âu Mỹ gặp nhau tặng nhau « ngày tốt, việc nên ». Người Á Châu gặp nhau, hỏi « ăn no chưa » ?, vì ở dưới trời Á con người đói lắm.

còn ở dưới trời Âu con người có no mà còn thiếu cái tốt.

Bá Đương tôi, ở dưới trời Á, lại học đòi Âu Mỹ, trong dịp Tết, cũng muốn chúc. Chúc mà không mong bạn Đời Mới và Tin Mới được nhờ lời chúc, vì sợ mất bạn.

Bá Đương xin chúc một cách « mô đẹt » cho thích ứng hoàn cảnh nước Việt Nam

Tôi chúc :

— Chúc người đã giàu sang, thêm giàu thêm sang, thêm nghênh ngang để chứng minh thời đại hỗn loạn có kẻ lấy của người để như ăn.

— Chúc ước ai kia cắt thêm trăm ngàn tòa nhà « building » để nuôi thú chó chó từ Đại Âu sang tiểu Việt, dành để giữ người hung dữ đi nghèo nghèo ngoài đường, cười mơn với cái bộ « tiểu diện hồ ».

— Chúc ước anh chị em bần hàn luôn luôn bị đuổi nhà để được du lịch xung quanh thành phố cho vui.

— Chúc ước các anh chị văn sĩ mỗi ngày chỉ viết một câu, còn bao nhiêu đề trắng... nhưng không được lãnh lương vì bài các anh thâm lâm nên chờ ngày lãnh thưởng hòa bình.

— Chúc ước các anh chị đào kép mỗi đêm mỗi hát, hát cho nổi tiếng, dễ tiến tới nghèo khổ, nghèo cái nghèo ca nhạc sĩ.

— Chúc ước các bệnh thời đại như bệnh cao bồi, bệnh khiêu dâm, bệnh bắt nạt người phát lên cho mạnh, cho mau, để làm cho cái thời này tỏ rõ như thời « Đường thi » hay thời « Louis 14 », mà tỏ rõ một cách trái ngược.

— Chúc ước năm 1954 là năm chấm dứt các thứ chúc bên trên, kéo qua năm 1955 dân tộc Việt Nam không còn.

Nay chúc ước
Thủ Đốc Cờ Việt ngày ngươn dân Giáp Ngọ.

DƯƠNG BÁ ĐƯƠNG



TRANH KHÔNG LỜI NĂM NGỰA



TRƯỚC đây mười, mười lăm năm, có một kẻ sĩ, ngông cuồng vì thế sự, — bứt tực của chàng, thừa là **Cường sĩ** — nên đã noi gương nói văn loạn mà sửa đời bằng nụ cười xược của mình. Rồi cứ mỗi Xuân sang, chàng lại cho ra một tập **Diệu Xuân**. Bình như sau cái năm xao xuyến 1929-30, tình thần

thiên hạ xuống quá, nên một mặt thì **Tiếng Dân** dùng lý luận sắt đá để thổi nóng lòng nhân dân lên, một mặt khác thì **Dân Mới** đem mọi trò « thật là tực » ra để đánh thức cái chất hiếu sinh trong « thằng người » Việt giầy, và một mặt khác thì **Cường Sĩ** của chúng ta lại chào Xuân tang tóc bằng một bài tuyệt... tuyệt là tình từ:

« Ông mếu làm chi thế hỡi ông?
Cười đi một tý, có hơn không?
Đời người, sống được bao nhiêu tuổi?
Mà định ăn vờ với Hóa Công?»

Đồng thời, bên kia trời Âu, thiên hạ chắc cũng lao đao và cơn khủng hoảng tinh thần, nên muốn « hấp tâm hồn lại » họ

cũng đã làm ấm lên với thiên khảo cứu về **Nụ cười** (Le Rire), tác phẩm của triết nhân đại danh H. Bergson, một con người có một lần mỗi chữ nhất, luôn luôn nở một nụ cười kín đáo, mĩa mai như nụ cười của văn hào **Văn te**, luôn luôn trầm trầm mà duyên dáng như nụ cười của nàng **Giô công** — hay của **Cụ** ? — nụ cười, ngao ngán vì chuyện đời mà phải cười lên một tiếng cho to lắm, để vượt vẻ người đời, nụ cười tất nhiên phải có của **Nguyễn công Trứ**, một thi bá kiêu chính khách đã thờ hất ra mà than rằng:

— « Khi vui muốn khóc, buồn tênh lại cười ! » :

Nụ cười của con người ngông nghênh quán thế, dám nhảy rào vào vườn bà Tây Vương Mẫu, ăn trộm đào tiên để lên trận cười thiên cổ cho sinh linh hạ giới được dịp « cợt » người thiên cung; nụ cười của một người đẹp nhất đời, trong một thời đẹp nhất của một giống người biết yêu cái Đẹp vào bậc nhất thế giới: nụ cười đã đủ mãnh lực hoán cải cái tên **Lệ Chi** dung tục thành cái tên linh động vì văn hoa... « **Phi tử tiểu** »... Nàng **Phi cười**...

Phải, Tây Thi cười cho Đường chúa vui. Thi thi nhân, hiền sĩ cũng đã cười cho người đời, mỗi khi gặp bước lâm nguy, có cơ hội « cười lên một tý có hơn không ? » Tiếng cười nổi lên, giữa cảnh tang thương, hoạn nạn, nào có khác chi tiếng cười của đoàn thủy thủ cổ tàu ngầm bị đắm chìm, trong lúc chờ chết, sắp hàng trên khoang để nghe câu chuyện « pha trò » của cán bộ phụ trách việc « đưa ma đồng nghiệp bằng nụ cười ! », và có khác chi toán quân cầm tử năm cạnh kho mìn

sắp nổ — nở để tiêu cả địch lẫn mình đi — rồi « cù nhau bằng mẩu chuyện **Tiểu lâm** » sảng khoái « kể lên để đợi đến lúc, đánh inh ! một cái, cổ cây sẽ được gãy ngất chia vui với chuỗi cười sặc sụa, vừa thốt ra đến cuối họng đã biến ngay lập tức thành tiếng thét oán hờn và thành tiếng khóc âm u:

— Hi ! Hi !... Ha ! Ha !... Hu ! Hu !...

Quả vậy, trong cái thời tao loạn này, chung thì của tất cả loài người, riêng thì của toàn thể dân tộc, kẻ đã biết bao kẻ mượn cái cười của kẻp **Tin** để mà khóc cái khổ của **Việt Nam**; kẻ đã biết mấy mươi tâm hồn đã thấm nhuần lấy máu hi hươc của **Hồ Sơ** lộ để mà nhuộm lại vẻ mặt nhợt nhạt, vàng vọt, nhấm nhéo, méo mó của nhân loại vật vờ, bằng những nét rợn lên sắc hồng **TIN TƯỞNG** và hân lên nếp phảng của **THANH BÌNH**.

Bởi vậy cho nên với tiết Xuân sang, hừa hẹn mang lại cho dân trẻ nhỏ « bông không mà hóa ra tường mỡ côi ! », mang lại cho chúng tôi người cha, hừa hẹn trả lại cho người vợ đại « bering con mắt giấy thấy mình vị vọng ! », trả lại cho người một đức lang quân, và cũng « thời » một « tên thừa tự » về cho những cụ già răng long đầu bạc đang lo nỗi hương lạnh

khôi tàn, để cho các cụ, các bà, các em, đây đó, gần xa đón chào Xuân bằng một **NỤ CƯỜI XUÂN**.

Giữa lúc đó, trong một

xóm hẻo lánh của đô thành, giữa một căn phòng trống trải, của một ngôi nhà trống trải, có một nhóm thanh niên tin dừ không điều kiện, ngau ngáu nhà nước đá... nhạt, vừa để chờ nhớ tiết **Xuân Bắc Hà**, tiết **Xuân Rừng Núi**, vừa để soạn bài cho bạn đọc **TIN MỚI** số **Xuân**.

Trong cái thanh vắng mênh mông của cảnh thanh bần, nở lên một chuỗi cười truyền nhiễm, bọn họ, sau khi tường chừng cả bầu trời đều đã nảy hoa, tường chừng cả Vũ Trụ đều đang rung lên một điệu nhạc Thanh bình, họ đâm lưng nhau, họ một câu, gọn và sang:

— Ta viết về **CƯỜI**, bay q.

Dưới làn ánh sáng, tươi và ấm, có mấy mớ tóc xanh cộm lại với nhau trên trang tự điển Việt Nam.

Rồi, lăm răm như có nhiều tiếng tụng niệm trong cùng một lúc. Tụng rằng:

— Cười... cười vỡ bụng... cười nở ruột... cười khẩy... cười gằn... cười bả lả... cười chằm chằm... cười gằn... cười ngất... cười giòn... cười... Hi ! Hi ! Người ngoài cười mỉ người trong khóc thầm... Ha ! Ha ! chìm hút trong đầu ta... hoa nở trong tim ta... mỹ nữ cười trong lòng ta... Hi ! Hi !... cười ngất nghẹn... cười rữ rượi... cười lá lơi... Bay ơi ! Nếu có lũ gian manh cười kiểu **Đồng Trác** thì cũng có người ngay thẳng cười « một » **Bao Công** !

— Xuân này tất có lắm nụ cười sông phẳng. Bay ơi !



Bạn có phải là người yêu đời không ?

1) Bạn có thần nhiên trước một hàng hoa đẹp không ?

2) Bạn có cau có khi bị mọi người xô đẩy trong một phiên chợ Tết đông người không ?

3) Bạn có kẻ thù riêng không ?

4) Bạn có đá vỡ một cái gì trong lúc giận dữ không ?

5) Bạn có cho bộ mặt ông kia đáng ghét, bà kia đáng khinh không ?

6) Bạn có thích sống ở một chỗ không có người không ?

7) Bạn có thần nhiên như ngày thường trong những ngày Tết không ?

8) Có lần nào trong một ngày, bạn không hề cười một tiếng không ?

9) Bạn đã lần nào tức giận một điều gì để rồi ở nhà suốt cả tuần ấy không ?

10) Bạn đã có ý định đánh một người nào chưa ?

11) Bạn có bao giờ cho hoa cắm ở bàn chỉ thêm rụng cánh nhớp không ?

12) Bạn đã bao giờ cho đi chơi phố giữa một ngày mưa là ngu xuân không ?

13) Bạn đã bao giờ nhếch mép khinh bỉ một người đang vu vơ hát một mình không ?

14) Bạn có cho những ngày Tết chỉ thêm bận phải tiếp khách không ?

15) Bạn có la rầy những đứa em đang cãi nhau chỉ chớ vì chiếc áo may đẹp, chiếc áo tạo xấu không ?

16) Có bao giờ bạn có ý định thế không ?

17) Bạn thấy chán nản luôn luôn chứ ?

18) Bạn thấy trả lời những câu hỏi trên trên đây chỉ tỏ thêm mất thì giờ chứ ?

Nếu những câu hỏi trên đây, bạn luôn luôn cương quyết bảo rằng không bao giờ có cả, thì xin bạn vui lòng ghi cho 3 điểm.

Nếu bạn bảo rằng chỉ một đôi khi thôi, thì xin bạn cố gắng một chút để ghi cho 2 điểm.

Nếu những câu hỏi trên đây bạn bảo rằng luôn luôn có, thì xin bạn đừng chán nản mà trả lời những câu hỏi tiếp theo và ghi vào 4 điểm.

Xin bạn ghi giùm những điểm cho trong 18 câu hỏi ấy và cộng lại.

(xem kết quả trang sau)

NGƯỜI BẠN

RẤT QUEN MÀ CHƯA ĐƯỢC BIẾT

HÀ VIỆT PHƯƠNG và đồng hội gửi

Đã là con dân lại còn đa mang cái nghiệp Văn Nghệ, nên mỗi Tết đến là chúng tôi mỗi nhớ tới Bạn.

Mà hề nhờ tới Bạn là chúng tôi vội cầu chúc sao cho quyền chống về với dân, sao cho chủ quyền chống trở lại với giang sơn đất tổ để cho Bạn cùng chúng tôi, ta sẽ được biết nhau mà khỏi phải quen nhau, ta sẽ khỏi phải là những kẻ tri âm... miên cưỡng như xưa rầy mãi nữa.

Tại sao Bạn cùng Ta lại là cặp tri âm miên cưỡng ?

Bạn hỏi bạn : nguồn cơn nông nổi há bạn có hay chăng tá ?

Bạn có hay chăng là trước khi Ta đặt một vấn đề gì ra trong trí nghĩ, trước khi Ta cầm bút viết, là thiên hạ đã nhủ thầm Ta rằng : — « Hỡi hỡi ! những ai là văn nhân nghệ sĩ ! hãy khá nhớ tới « người bạn rất quen mà chưa được biết » của mình đấy, mà liệu dè chừng ngọn bút ! », bạn ơi ! bạn có hay chăng ?

Bạn có hay chăng, trong đời chuyên môn của Ta, nhất cử nhất động, lúc nào, ở đâu Bạn cũng là **đối tượng** của ta : ta yêu, thương, hờn, giận Thiên hạ... qua Bạn ; ta phá phách, tu sửa Thế sự... qua Bạn ; ta đau chung cái buồn, chung của xã hội... cũng lại qua Bạn, ta hưởng chung cái vui chung của nhân quần... cũng lại qua Bạn ; bạn ơi ! Bạn có hay chăng ?

Bạn có hay chăng là nếu lời người xưa quả đúng, nếu quả đúng câu « **Tri kỷ đầu ta ? — Ở cạnh mình, nỉ non bên gối suốt tàn canh...** » thì quả là đã biết bao canh tàn, Ta nỉ non bên cạnh Bạn, mỗi khi thời thế đổi dời, non sông ngang ngựa, « thông cáo » đầy vơi, « thông tri » tới tấp, Bạn ơi ! Bạn có hay chăng ?

Bạn có hay chăng là người được diễm phúc « phá tân » những Tư tưởng đầu tiên của ta, tênh hênh phơi trên tờ giấy trắng bong như lòng trinh nữ ấy, chính là Bạn đó, Bạn ơi ! Bạn có hay chăng ?

Bạn có hay chăng là mỗi khi phở thác những mảnh đời thâm thiết nhất và hỡi ơi ! cũng thường khi là nhầy nhụa nhất của ta vào tay Bạn thì lòng ta hồi hộp phập phùng — nào đâu có phải là vì Bạn hay vì ta mà ta phập phùng, hồi hộp ? ta có bản khoăn, thắc mắc là chỉ vì muôn muôn vãn vãn những Ai sắp đến sau ta, họ sẽ hỏi ta, hỏi Bạn : « Các anh có chịu trách nhiệm về công việc các anh đã làm đó không ? », Bạn ơi ! Bạn có biết thế chăng ?

Nếu quả là Bạn biết thế thì chắc Bạn đã hiểu mỗi lúc phải cắt sén, vá vùi những mảnh đời tan nát và rách bươm của ta, sau khi lọt qua mắt Bạn rồi, sau khi Bạn hoặc đã thẳng cánh hoặc đã nhẹ tay mà mặc nhiên len vào đời sống tâm tư của ta, và vô hình trung, lẫn vào cõi đời bao la của muôn muôn vãn những Ai, sau Bạn, được thâm nhập vào cuộc đời ta, rồi chịu ảnh hưởng hoặc tốt hoặc xấu của ta, tất Bạn cũng phải như ta mà lắng tai nghe lời thiên hạ nhủ thầm cả Bạn cùng ta : « — Hỡi hỡi ! những ai là những kẻ phụ trách Văn Nghệ của đất nước trong giai đoạn này ! xin hãy

(đọc tiếp trang sau)



TRANH KHÔNG LỜI NĂM NGỰA

nhớ tới điều này : mà dân tộc Việt Nam đã có Hôm qua thì nó phải có Ngày Mai vì cái Ngày nay của nó đã tỏ ra là rất huy hoàng, là rất đáng tin ở Ngày mai. Bởi thế cho nên hãy khá thận trọng ! những kẻ phụ trách xây dựng Ngày nay của dân tộc ! » Bạn ơi ! Bạn có biết thế chẳng ?

Nếu quả là Bạn biết thế thì chắc Bạn đã hiểu ta rất thận trọng mỗi khi nỉ non bên cạnh Bạn vì, đời ta đã phú cho nghiệp Văn nghệ thi, nơi gương người đi trước, mỗi nét phẩy của câu văn, ta vẫn coi nó là một lông mi của mỹ nữ, và mỗi màu tranh, ta vẫn coi nó là một lớp phấn tô trên làn da mỹ nữ, hơn nữa, cao sâu hơn thế nữa, mỗi lời, mỗi nét tung vào Nhân dân ta thường coi đó là một liều thuốc cứu bệnh, hay, ngược lại, đó là một phát tên bắn vào đoàn quân U mê, Ám chướng đang hoành hành tác hại chúng sinh. Bạn ơi ! Bạn có biết thế chẳng ?

Nếu quả là Bạn biết thế thì chắc là Bạn đã hiểu Bạn và ta thực quả là tri âm tri kỷ vì biết bao lần, giữa chúng ta, vẫn hằng xảy ra chuyện trống xuôi kèn ngưng, Bạn nói gà ta nói vịt, khiến cho mỗi duyên lâm phen dang dở, mỗi tình nhiều chuyển thờ ơ, để cho trang sách của ta phải « côi cút », cột báo của ta phải « góa bụa », để cho ta đành phải lo âu báo với những Ai tính từng ngày, đếm từng giờ mong gặp gỡ ta, lo âu báo với họ bằng một câu thơ trên : « Vì một lẽ ở ngoài ý muốn của chúng tôi, v.v. và v.v. », nglie lắm thêm nhảm tai, xem lắm thêm nhảm mắt, mà riêng Bạn và ta thì chúng ta đã thuộc nó làm lòng mát rồi vậy. Bạn ơi ! Bạn có biết thế chẳng ?

Nếu quả là Bạn biết thế thì chắc là Bạn đã hiểu vì đâu mà chúng ta hoá ra tri âm tri kỷ cường...

Vì đâu ?
Vì đâu ? Hỡi người Bạn rất quen mà chưa được biết !
Vì đâu ?

— Há không phải Bạn và ta, chúng ta chưa nhận định được đúng đắn về hướng đi tới tất nhiên của dân tộc và của Nhân loại ? Há không phải vì quyền lợi của Bạn, của ta chưa đi chung với quyền lợi của những Ai đến sau ta ?

Vậy thì, Bạn ơi ! Tết này đây ta chúc nhau những gì đây ? Nếu không phải là « trước chúc chủ quyền mau về với đất nước, sau chúc quyền dân về với nhân dân, sau hết xin chúc cho quyền lợi của Bạn sẽ chung với quyền lợi của ta, để cho quyền Bạn, quyền ta được hòa chung vào quyền dân tộc ».

Có thể, chỉ có thể thì họa may một ngày gần đây, Bạn cùng ta sẽ là tri âm... thực sự, và chúng ta sẽ là những người bạn tuy chưa quen nhau mà đã biết nhau rồi.

Có thể thì, cùng chung một nghiệp văn chương, chúng ta mới có thể cùng hội cùng thuyền mà chia tay nhau giờ cao báo được Văn Nghệ, soi đường cho dân tộc... « bước đầu », với triệu triệu nhân dân thế giới, tiến lên chinh phục Ngày Mai.

Bạn ơi ! Bạn có biết thế cho chẳng ?

Kìa ! « bát chữ » đã lên khuôn. Ta đợi ở Bạn một lời phúc đáp.

Mà giờ thấp hương, đốt nén, giờ nổ pháo đón Ngày Xuân. Thông Cầm đã đến nơi rồi...

Bạn ơi ! Bạn có thấy cho chưa ?

HÀ VIỆT PHƯƠNG



CÙ... MÀ KHÔNG CƯỜI

Không trả

Thằng Đai cho thằng Vôi mượn một đồng hôm đầu năm. Bữa sau thằng Đai đòi tiền.

- Mày trả tao một đồng, tao ăn mía.
- Mày đòi tao sao được ?
- Sao vậy ?
- Ba má tao mượn tiền có trả ai đâu, mà mày dám đòi tao.

Xe hơi nó biết

Từ Ruồi dẫn con lên Saigon sắm Tết chạy ngang đường cái, thấy xe hơi chạy vun vút, hai cha con sợ lắm. Sang bên kia đường, Từ Ruồi lẩm bẩm :

- Đừng có sợ, mày.
- Thế mình chạy qua, xe hơi nó đề thì sao ?
- Đừng sợ, dân Saigon họ biết đi đường, họ tránh xe hơi, cha con mình là dân ruộng, xe hơi nó biết nó tránh mình, đừng sợ.

Ngượng quá

A. — Mày ơi, tao ngượng quá, vừa rồi con Năm nó... (bụng mình cười).

B. — Cái gì mà ? (lắc đầu cười).

A. — Nó, nó...

B. — Nó làm gì mà mày cười !

A. — Tao ngượng quá, nó bằng tuổi tao, tao ôm nó một cái, nó chạy mất...

Lo cho khách hàng

Một bà mua hàng to te chạy vào tiệm xía xối người bán hàng ở chợ Tết :

— Tôi đã đặt một tá xúc xích, sao anh chỉ giao có mười một chiếc thôi, thế là hạ giá đó hả ?

— Chủ hàng nở một nụ cười xấu giao : Bà bớt giận, bà đặt một tá, tôi chỉ giao có mười một chiếc, vì có một chiếc nó mổ meo rồi, sợ đem về bà ăn trúng độc thì khổ.

Đá một cái

CHA — Téo, đầu năm này con có làm được việc nào đáng kể không ?

CON — Có, con đá thằng Ông một cái lộn cổ, vì con thấy nó đá con chó của nó một cái lộn nhào !

Tập thể thao

Bác sĩ bảo em bệnh :

— Anh cần phải tập thể thao nhiều, bây giờ tôi khuyên anh đi làm đừng đi bộ nữa, đi bộ không dẻo gân dẻo cốt bằng đi ở to buốt mấy bữa chợ Tết đầu !

Chuyện gì lạ ?

Sĩ quan mới đến đến :

— Ở đây có gì lạ không ?

LÍNH : Dạ không.

Một lát sau, lính chạy vào thưa :

Dạ có một anh lính chết đuối dưới giếng từ sáng.

Sĩ quan : Sao lúc này tôi hỏi lại mới không có gì lạ ?

LÍNH : Dạ giếng sâu, anh ấy không biết bơi nên chết đuối, nếu anh sống mới là chuyện lạ chứ.

Kết quả : Bạn có phải là kẻ yêu đời không ?

1. — Nếu bạn có điểm trong khoảng 44—36 điểm. — Mọi đời khi bạn hơi bức tức, một ít thôi, đó chỉ vì tại hoàn cảnh của bạn. Nhưng được như bạn cũng là điều mong muốn cho mọi người rồi. Đời còn đẹp chán phải không bạn ?

2. — Bạn có điểm trong khoảng 54 đến 45 điểm. — Sự yêu đời sẽ giúp bạn trường thọ, mạnh khoẻ và ham tranh đấu. Mọi người như bạn, thì giữa đời này hết cả chán nản, và không ai nỡ đi chém giết nhau nữa. Hòa bình sẽ đến với lòng bạn.

3. — Nếu bạn có điểm trong khoảng 35—25 điểm. — Yêu đời cũng là một đức tính. Bạn có thể dễ dàng dễ cảm thấy đời đẹp thêm lên, nếu như bạn muốn. Lòng người bao giờ cũng muốn cái thiện. Vui lên chứ !

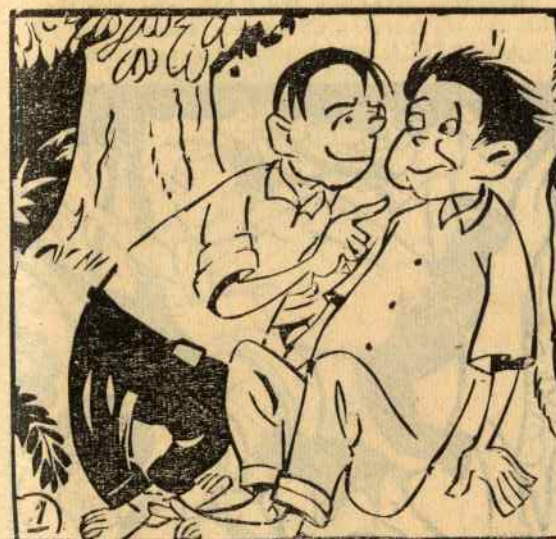
4. — Nếu bạn có điểm trong khoảng 24—15 điểm. — Bạn cũng không nên chán đời lắm gì, thiên hạ lên chùa tu, là bởi họ yêu đời đây chứ không ghét đời đâu. Câu « Đời là một thùng lũng nước mất » đáng lắm nhĩ !

HUY PHƯƠNG

TIN MỚI

HÓM và HÌNH ĐÓN XUÂN

Chuyện vui nhi đồng của Lê Duy



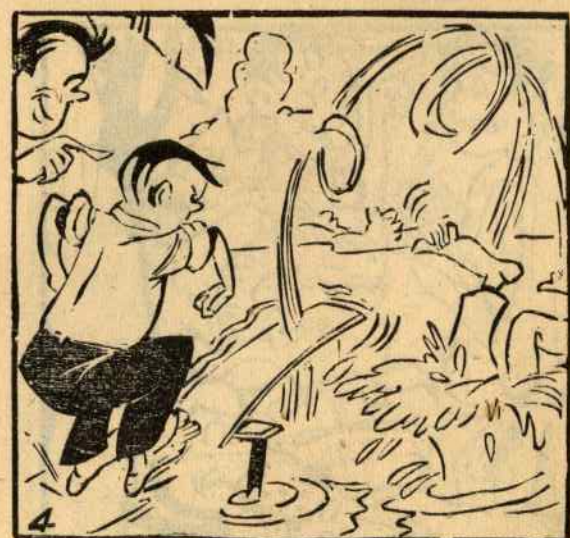
1. — Tết sắp đến, Hóm với Hình bày tính cách thường xuân. Nhưng trước hết, phải có nhiều lương thực để ăn cái Tết... no bụng !



2. — Hóm bèn :
— Chúng ta cứ vào vườn lão Nghêch hái trộm một mớ quả là gọn chuyện.
Hình đồng ý ngay : « Nhưng nhà lão xa lắm... »



3. — Hóm chỉ cho Hình xem hai con ngựa đang ung dung gặm cỏ, và anh giữ ngựa ngồi trên cầu khỉ nhón nước... Nó nghĩ ra một chức... thần tình !



4. — Hóm rón rén lại cầu đến giữa lùm vắn, nó thò tận lực dậm mạnh hai chân : đầu vắn tung lên, thế là anh chàng nó rơi lồm xuống nước !

XUÂN 1954

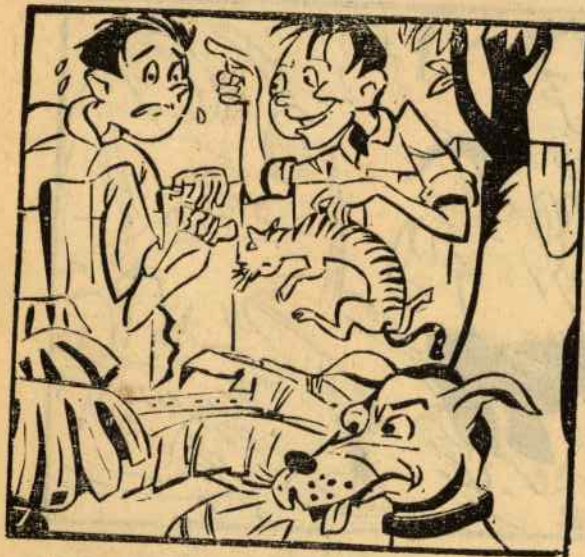
TRANG 61



5. — Một lúc sau, cả hai đã chễm chệ trên lưng ngựa, ra ròi...



6. — Nửa đường, cả hai bỗng thấy một khu vườn đầy quả. Hóm bảo :
— Hay ta vào vườn này vậy ! đến lão Nghếch làm gì cho nhọc xác !



7. — Nhưng quái ác, một anh chó thật to đã chực ở lối vườn. Hóm nào chịu kém, lóit trong túi ra một... mèo !



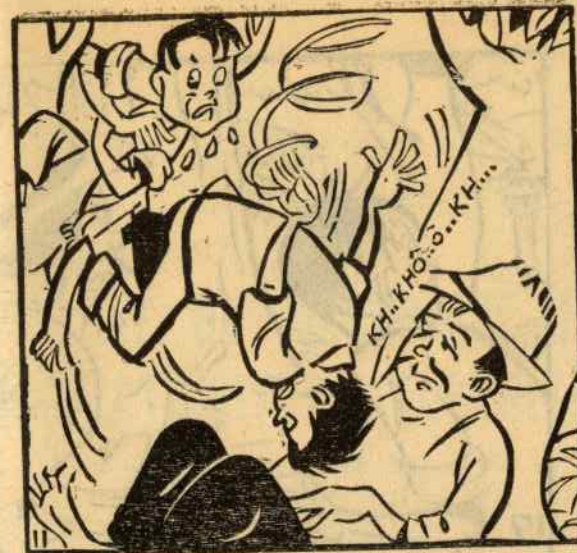
8. — Hóm quăng mèo vào, Chó vừa nom thấy liền tức tốc đuổi theo. Cả hai chui qua rào chạy tọt ra ngoài ! Thế là yên chuyện ! Vào vườn đi chứ !



9. — A ha ! tha hồ mà bẻ ! !



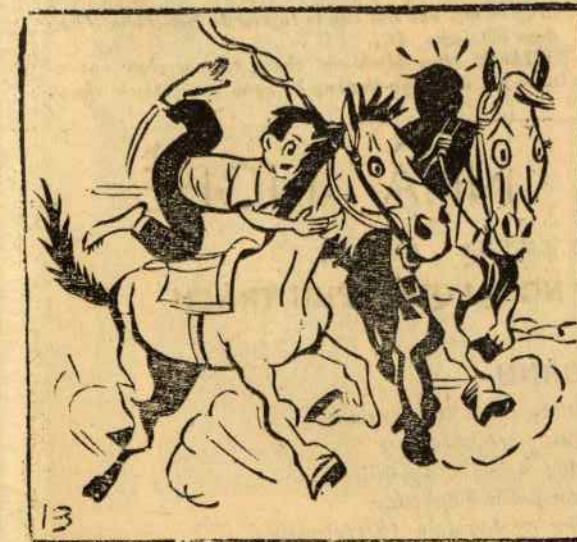
10. — Hình đang cao hứng bỗng... Rắc ! ! cành cây gãy lìa. Hình buông tay, quay mặt vòng...



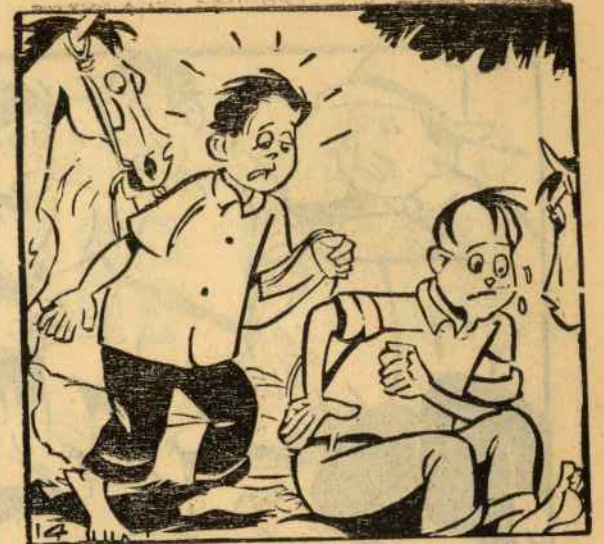
11. — Rớt rớt trên mình một bác nọ đang tựa vào cây ngủ ngáy ầm ầm ! !



12. — Hóm kêu : " Trời, lão chủ nhà ". Rốt nhanh tay tuột xuống. Hình cũng lồm cồm bỏ dậy cùng Hóm ra chân chạy thẳng lết rào !...



13. — Hình vừa thót lên lưng ngựa của hất hà :
— Nguy quá ! Nhè lão chủ nhà nằm ngủ dưới gốc mà không thấy ! Thế mới chết !

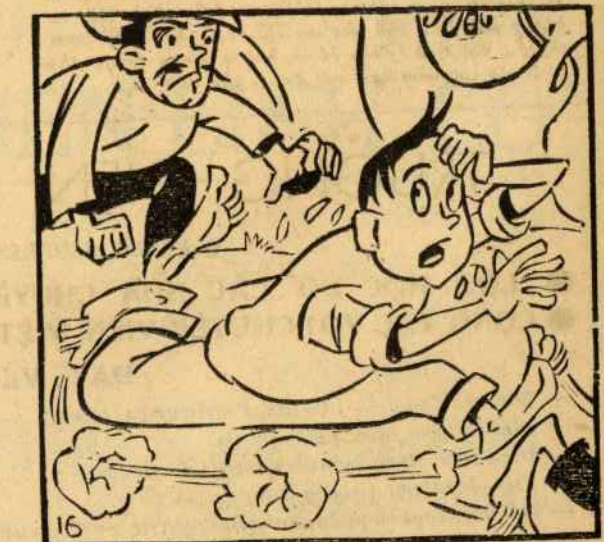


14. — Xem chừng chạy đã xa, Hóm và Hình liền dừng ngựa. Hóm cầu nhậu :

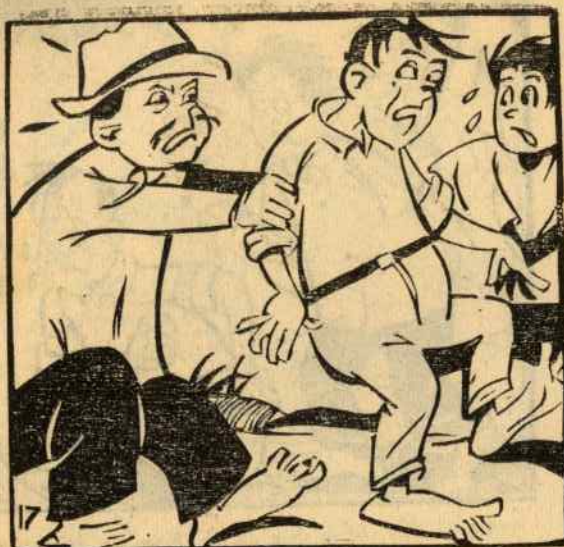
— Thiệt là công toi ! Ấy may mà lão ta chẳng rượt theo...



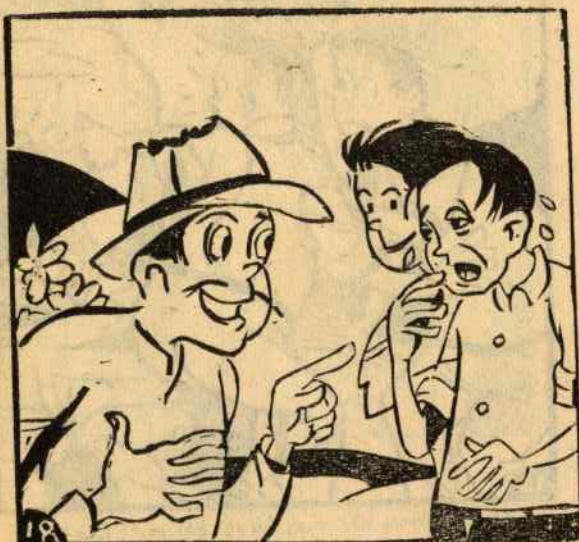
15. — Nhưng vừa quay lại thì hốt ơi ! Lão ta đã lù lù hiện ra...



16. — Hết hồn, hai cu cậu co giò ù té chạy. Nhưng lão nào tho, chỉ loáng cái đã đến sau lưng Hóm.



17. — ... Hóm vừa quay đầu lại nhìn đã bị lão tóm áo. Hình nôm thấy chực giắt dây giùm bạn nhưng lão chủ nhà đã buống Hóm ra cười vui vẻ...



18. — ... Và luôn miệng cảm ơn rồi đi. Hóm và Hình kinh ngạc nhưng rồi mới hiểu rằng lão ta không phải là... chủ nhà mà chỉ là... hắt trái trộm rất tệ... bất tỉnh! Nếu Hình không chạm trúng thì có lẽ lão còn nằm ngủ mãi đấy... chủ nhà ra!



19. — Lão bỗng nhìn hai con ngựa rồi... trợn mắt. Thì ra ngựa ấy là của lão bị mất cắp và cắt ảnh chàng bị vướng xuống sông là kẻ trộm ngựa! Hóm ranh mãnh: « Ấy! chúng tôi đem trả ông đấy! »



20. — Vạn tạ! Vạn tạ! Lão reo lên rồi lúi lúi trong lòng ra một bao trái cây to tướng để biếu Hóm Hình đón bắt ngựa đi... Thế là Hóm Hình của chúng ta vác bao vui vẻ quay về, sửa soạn thưởng ba ngày xuân thích thú...

TRƯỜNG ĐIỆN ẢNH NHÀ NGHỀ

✽ ECOLE PROFESSIONNELLE DE CINÉMA — PARIS ✽

- LỚP HỌC DO CÁC NHÀ CHUYÊN NGHIỆP NGOẠI QUỐC PHỤ TRÁCH
- CỘNG TÁC VỚI CHUYÊN VIÊN VIỆT

DẠY VỀ CÁC NGÀNH :

- Phụ lục đạo diễn (Assistant metteur en scène.)
- Viết chuyện phim (Scénariste)
- Diễn viên đóng phim (Artiste de cinéma)
- Viết đối thoại (Dialoguiste)
- Viết đối thoại và phân cảnh (Dialoguiste avec découpage)
- Quay phim (Cameraman)
- Bài trí (Décorateur)
- Hóa trang (Maquilleuse)
- Nối phim (Monteuse)
- Thợ kỹ đạo diễn (Script-girl)

LỚP HỌC ĐIỆN ẢNH giúp những bạn xa gần muốn làm việc cho nghệ thuật thứ bảy có thể theo đuổi ý nguyện một cách dễ dàng. Học viên muốn ghi tên và biết rõ thể lệ xin viết thư về :

O. HOÀNG TRỌNG MIỀN 117, Đại lộ Trần-Hưng-Dạo — Chợ-quán Saigon

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Những chuyên môn viên sẽ có tương lai, thanh niên nên chọn một nghề, hỏi nơi trường :

ECOLE DE MECANIQUE ET D'ELECTRICITE INDUSTRIELLE

Thành lập từ năm 1949 Giám-đốc kỹ sư ĐỒ HỮU HIỆU

số 99-104-134, đường Frère Louis — SAIGON

CÓ NHỮNG LỚP :

- Mécaniciens d'auto-mo-bile. (2 tháng)
- Monteur dépanneur Radio (3 tháng)
- Techniciens d'auto-mo-bile (2 lớp này dạy tương đương)
- Radiotechniciens (với sous-ingénieur bèn Pháp.)

Khi ra trường sẽ có cho CERTIFICAT chánh thức chuyên môn viên học lực cỡ nào theo cùng được.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

NHÀ KHIÊU VŨ ARC EN CIEL

52-59 đường Jaccaréo
CHOLON



Có nhiều môn giải trí khéo
lòng hiếu kỳ tất cả quý
khách thành phố

Cung Chúc Tân Xuân



Xuân về, Tết đến, Tuổi thêm lên..

Muốn giữ sự trẻ trung mãi mãi,
không chỉ bằng uống Thái-Bình

DIÊN LINH CƠ

một phương thuốc diên - linh,
ích-thọ, đại-bồ khí-huyết.

CÔNG HIỆU BẢO ĐẢM

NHÀ THUỐC

THÁI BÌNH DƯƠNG

25 Rue des Artisans — CHOLON

Khắp nơi đều có bán

Biểu

ĐỜI MỚI

XUÂN 1954

NHẠC VÀ LỜI

Andantino - Ad libitum

Giọng kể lể (Hát buông lời)

Tôi yêu tiếng nước tôi Từ khi mới ra đời! Người ơi! Mẹ hiền run những câu xa

vời A! a ơi! Tiếng ru muôn đời... Tiếng nước tôi! Bốn ngàn năm rông đã buồn vui. Khóc cười theo mệnh nước nổi trôi! (Nước

đi!) Tiếng nước tôi! Tiếng Mẹ sinh từ lúc năm nôi, Thoắt ngàn năm thành tiếng lòng tôi (Nước - đi!) Tôi yêu tiếng xa

mơ, Những câu hò sười lòng bờ - vờ! Nhớ thương hoài mảnh tình đơn sơ, Vững tin về mộng đẹp ngày

mơ HIỆP-KHUC. Một yêu cầu hát truyền Kiều Lãng-lơ như

tiếng sáo diều (ư) diều lẳng ta! Và yêu cô gái bên

nhà Miệng xinh ăn nói mặn mà (ừ) mà có duyên!

nhà Miệng xinh ăn nói mặn mà (ừ) mà có duyên!

nhà Miệng xinh ăn nói mặn mà (ừ) mà có duyên!

Kẻ nhạc: LÊ MỘNG BẢO

In tại nhà in NGÀY MỚI

GIẤ NHỰT ĐỊNH: 20 đồng: Nam Việt — 22 đồng: Trung, Bắc, Miên, Lào